

### **III. PHẦN NHIẾP THÍCH**



*Quyển 81*  
**PHÂN NHIẾP THÍCH**  
**Phẩm Thượng**

Như vậy đã thuyết giải thích Nhiếp Quyết Trạch. Sao gọi là **Nhiếp Thích**? Ớt-Đà-Nam nói chung:

*Thể, văn, nghĩa, thích, pháp  
Khởi, nghĩa, nạn, thứ, thầy  
Thuyết, chúng, thỉnh, khen Phật  
Lược, rộng, học thắng lợi.*

Sao gọi là **thể**? Là thể kế kinh, lược có 2 chủng: **1. Văn**; **2. Nghĩa**. Văn là sở y. Nghĩa là năng y. Hai chủng như vậy gọi chung làm một là tất cả cảnh giới sở tri.

**1. Văn**: Có 6 chủng: **a.** Danh thân; **b.** Cú thân; **c.** Văn thân; **d.** Lời; **e.** Hành tướng; **f.** Cơ thỉnh.

**a. Danh thân**: Thêm lời để cùng hiểu biết hơn (tăng ngữ). Đây lược có 12 chủng: 1. Danh giả lập;

2. Danh thật sự; 3. Danh tương ứng đồng loại; 4. Danh tương ứng dị loại; 5. Danh theo đức tính; 6. Danh giả thuyết; 7. Danh đồng hiểu rõ; 8. Danh không đồng hiểu rõ; 9. Danh hiển; 10. Danh không hiển; 11. Danh lược; 12. Danh rộng.

Danh giả lập: bên trong giả lập danh là ngã, hữu tình, mạng giả...; bên ngoài giả lập danh là bình bát, y phục...

Danh thật sự: trong nghĩa các căn mắt... sắc... lập danh là nhãn...

Danh tương ứng đồng loại: danh của hữu tình sắc chấp thọ đại chúng...

Danh tương ứng dị loại: danh Phật trao cho những đức tánh khác nhau của sự vật như xanh, vàng...

Danh theo đức tính: biến ngại nên danh là sắc, lãnh nạp nên danh là thọ, phát ánh sáng nên danh là mặt trời... hết thấy danh thuộc loại như vậy.

Danh giả thuyết: cách xưng hô rất ít; nhưng đặt danh rất nhiều, hoặc các danh khác được an lập mà không cần quán sát đối đãi nghĩa mới có được.

Danh đồng hiểu rõ: ở nơi một sự việc cùng tưởng hiểu biết.

Danh không đồng hiểu rõ: trái với tướng trên.

Danh hiển: là nghĩa dễ hiểu.

Danh không hiển: là nghĩa khó hiểu, như minh chú Đạt-la-nhị-đồ...

Danh lược: là danh một tự (chữ).

Danh rộng: là danh nhiều tự.

**b. Cú thân:** tức là đầy đủ danh và tự. Đây lại có 6 chủng: 1. Cú không đầy đủ; 2. Cú đầy đủ; 3. Cú sở thành; 4. Cú năng thành; 5. Cú tiêu biểu; 6. Cú giải thích.

Cú không đầy đủ: do văn không rõ ràng, nghĩa không rõ ràng. Nên biết lại do cú thứ hai thì cú thứ nhất mới được đầy đủ. Như nói: “Chớ làm các điều ác; phụng hành các việc lành; khéo điều phục tự tâm; là chư Phật thánh dạy”. Trong đây nếu chỉ nói “các ác” thì văn không rõ ràng, nếu nói “các ác ấy” thì nghĩa không rõ ràng, nếu thêm “chớ làm” thì mới được đầy đủ, tức là cú đầy đủ.

Cú sở thành: cú trước do cú sau mới được lập thành, như nói: “Các hành vô thường; pháp có khởi tận; sanh ắt diệt vậy; kia tịch là vui”. Trong

đây vì thành “Các hành vô thường”, nên kế nói “Pháp có khởi tận”. Trước là sở thành, tức là cú sở thành. Sau là năng thành, tức là cú năng thành.

Cú tiêu biểu: như nói “tánh thiện”.

Cú giải thích: tức là chân chánh hướng đến hạnh của bậc thiện sĩ.

**c. Tự thân:** hoặc rớt ráo, hoặc không rớt ráo, danh cú làm chỗ nương cho 49 tự. Trong đây “dục” là danh đầu, danh là cú đầu. Cú hẳn có danh, danh hẳn có tự. Nếu chỉ có một tự thì không thành cú. Lại nếu có tự mà không được nhiếp bởi danh, thì chỉ là tự mà không có danh.

**Hỏi:** Nhân duyên nào thi thiết ba chủng thân là danh, cú, tự thân?

Đáp: Vì khiến lãnh thọ cái thọ được sanh khởi do tiếp xúc với các thêm lời.

**Hỏi:** Nghĩa danh là gì?

Đáp: Năng khiến cùng rõ biết chủng chủng, nên gọi là danh. Lại năng khiến ý tác chủng chủng tương, nên gọi là danh. Lại do chỗ xưng hô của ngôn ngữ, nên gọi là danh. Nhiếp thọ các danh khiến hiển rõ rớt ráo nghĩa chẳng hiện thấy, nên gọi là cú. Vì theo đó hiển danh cú, nên gọi là văn

(tự). Như Thế Tôn thuyết về *thêm lời và cách thêm lời*, cho đến nói rộng. Trong đây, thêm lời tức là danh tương ứng tất cả những nhóm đồng loại, cách thêm lời bao gồm các nhóm đồng loại “dục” năng phát khởi kia. Từ (tự) ở đây tức là lời tương ứng kia. Lại tức lời đây hoặc tiêu biểu, hoặc giải thích mỗi vấn đề đều riêng khác. Chỗ nương của vấn đề gọi là cách thêm lời. Thi thiết tức là mỗi mỗi phân biệt. Thi thiết kiến lập chỗ nương của vấn đề kia, gọi là cách thêm lời kia. Dục tức là từ, không có dục khác. Đây tức là thi thiết cách thêm lời.

Lại danh thân... lược có 6 chỗ nương: 1. Pháp; 2. Nghĩa; 3. Bồ-đặc-già-la; 4. Thời; 5. Số; 6. Nơi chốn. Nếu rộng tuyên thuyết nên biết như trong *Văn sở thành địa*.

**d. Lời:** nói lược đủ có 8 phần, đó là lời đầu tiên, lời mỹ diệu... do lời kia tương ứng văn cú... cho đến thường thuận theo hướng đến phân tư lương, nên năng thuyết chánh pháp.

Lời đầu tiên: vì hướng đến cung Niết-bàn là đầu tiên.

Lời mỹ diệu: vì âm thanh trong trẻo như ca-lăng-tần-già.

Lời hiển rõ: vì từ, cú, văn đều thiện xảo.

Lời dễ hiểu: vì khéo biện thuyết.

Lời vui nghe: vì dẫn phát nghĩa.

Lời không nương: vì không nương mong cầu người tín phục mình.

Lời không trái nghịch: vì biết lượng mà nói.

Lời vô biên: vì rộng sâu khéo léo.

Tám chủng lời như vậy tóm lược đủ 3 đức: 1. Đức hướng đến là chủng đầu tiên; 2. Đức của tự thể là chủng thứ hai; 3. Đức do gia hạnh là các chủng còn lại.

Tương ưng: tức là khéo an lập thứ lớp danh, cú, văn thân. Lại, tương ưng nương bốn chủng đạo lý. Trợ bạn: vì thứ lớp năng thành. Tùy thuận: vì thứ lớp giải thích. Trong sáng: vì hiển rõ ràng văn cú. Hỗ trợ thanh tịnh: vì khéo nhập các tâm.

Tương ưng vì chúng hội, vì ứng cúng, vì đúng pháp, vì dẫn nghĩa, vì thuận thời. Thường thuận theo hướng đến phần tư lương: vì ân trọng sâu nơi tất cả sự thực hành, hằng thường thực hành, gọi là thường thuận theo. Phần tư lương: tức là chánh kiến... vì “chánh kiến” đây là tư lương của “thường thuận theo” vậy.



**e. Hành tướng:** tương ứng các uẩn, tương ứng các giới, tương ứng các xứ, tương ứng duyên khởi, tương ứng xứ phi xứ, tương ứng niệm trụ, tương ứng hết thấy ngữ ngôn hoặc Thanh văn thuyết, hoặc Bồ-tát thuyết, hoặc Như Lai thuyết. Đây gọi là hành tướng.

**f. Cơ thỉnh:** tức là nhân người thỉnh hỏi mới khởi ngôn thuyết.

Lại nữa, do căn.. đây sai khác nên biết có 27 chủng bổ-đặc-già-la sai khác.

Trong đây do căn sai khác nên thành 2 chủng:

1. Người độn căn; 2. Người lợi căn.

Do hành sai khác nên thành 7 chủng: như người hành tham... trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Do chúng sai khác nên thành 2 chủng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia.

Do nguyện sai khác nên thành 3 chủng: 1. Thanh văn; 2. Độc giác; 3. Bồ-tát.

Do có thể cứu độ, không thể cứu độ sai khác, nên thành 2 chủng: 1. Người có pháp Bát-niết-bàn; 2. Người không pháp Bát-niết-bàn.

Do gia hạnh sai khác nên thành 9 chủng: 1. Người đã nhập chánh pháp; 2. Người chưa nhập

chánh pháp; 3. Người có chướng ngại; 4. Người không chướng ngại; 5. Người đã thành thực; 6. Người chưa thành thực; 7. Người đầy đủ phước; 8. Người không đầy đủ phước; 9. Người không phước.

Do chủng loại sai khác nên thành 2 chủng: 1. Người; 2. Không phải người.

Sáu chủng như vậy gom chung có 4 tướng, gọi là văn: 1. Tướng sở thuyết, tức là danh thân... cho đến sau là hành tướng; 2. Tướng sở vi, tức là cơ thể, nhiếp 27 chủng bổ-đặc-già-la; 3. Tướng năng thuyết, tức là lời; 4. Tướng người thuyết, tức là Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai.

Sáu chủng như vậy đều hiển “văn”, nếu khuyết một chủng không thể hiển nghĩa. Do năng hiển nghĩa cho nên gọi là văn.

**2. Nghĩa:** Nên biết lược có 10 chủng: **a.** Nghĩa địa; **b.** Nghĩa tướng; **c.** Nghĩa tác ý; **d.** Nghĩa nương; **e.** Nghĩa quá hoạn; **f.** Nghĩa thắng lợi; **g.** Nghĩa sở trị; **h.** Nghĩa năng trị; **i.** Nghĩa lược; **j.** Nghĩa rộng.

**a. Nghĩa địa** lược có 5 địa: 1. Tư lương địa; 2. Gia hạnh địa; 3. Kiến địa; 4. Tu địa; 5. Cứu cánh địa.

Lại phân biệt rộng thì có 17 địa, đầu tiên là Năm thức thân tương ứng địa và cuối cùng là Vô dư địa.

**b. Nghĩa tướng** nên biết có 5 chủng tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng giả lập; 4. Tướng nhân; 5. Tướng quả. Năm tướng như vậy đã biện trong phần *Tư sở thành địa*.

Lại có 5 tướng: 1. Tướng dị môn; 2. Tướng Du-già; 3. Tướng chuyển đổi; 4. Tướng tạp nhiễm; 5. Tướng thanh tịnh. Năm tướng như vậy nên biết đã phân biệt ở trước.

Lại có 5 tướng: 1. Tướng sở thuyên; 2. Tướng năng thuyên; 3. Tướng tương ứng với hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyên: là tướng năm pháp, như đã thuyết trong năm sự.

Tướng năng thuyên: ở nơi kia nương danh... vì muốn dụng ngôn ngữ tùy thuyết tự tánh sai khác. Nên biết đây tức là tướng tự tánh biến kế sở chấp. Tự tánh biến kế sở chấp đây cũng có danh khác, cũng gọi là biến kế sở chấp, cũng gọi là hòa hợp sở thành, cũng gọi là tướng sở tăng ích, cũng gọi là sở

chấp hư vọng, cũng gọi là chỗ hiển ngôn thuyết, cũng gọi là văn tự gia hạnh, cũng gọi là chỉ có âm thanh, cũng gọi là không có tướng thể. Nên biết hết thấy loại sai biệt như vậy.

Tướng tương ưng với hai tướng trên: tức là sở thuyên, năng thuyên lại xoay vần tương ưng lẫn nhau, tức là tự tánh biến kế sở chấp làm chỗ nương tựa.

Tướng nương chấp trước: như các ngu phu từ vô thủy đến nay tương tục lưu chuyển chấp tự tánh biến kế sở chấp và tùy miên của kia.

Tướng không chấp trước: như có người đã kiến đế, như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp và thoát khỏi tập khí kia. Nếu chánh phân biệt thì tướng đây như trong *Tư sở thành địa* đã thuyết.

c. *Nghĩa tác ý* là 7 chủng tác ý, đó là tác ý liễu tướng... như đã thuyết ở trước trong phần *Thanh văn địa*.

Lại có 10 trí: 1. Khổ trí; 2. Tập trí; 3. Diệt trí; 4. Đạo trí; 5. Pháp trí; 6. Chủng loại trí; 7. Tha tâm trí; 8. Thế tục trí; 9. Tận trí; 10. Vô sanh trí. Tất cả trí đây đã biện trong phần *Thanh văn địa*.

Lại có 6 thức thân, đó là nhãn thức cho đến ý

thức. Đây cũng đã biện trong *Năm thức thân địa* và *Ý địa*.

Lại có 9 chủng biến tri: 1. Đoạn trừ khổ tập kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 2. Đoạn trừ khổ tập kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 3. Đoạn trừ diệt kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 4. Đoạn trừ diệt kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 5. Đoạn trừ đạo kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 6. Đoạn trừ đạo kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 7. Đoạn trừ thuận hạ phần kiết biến tri; 8. Sắc tham tận biến tri; 9. Vô sắc tham tận biến tri. Tất cả tướng kia đã biện trong *Tam-ma-hí-đa địa*.

Lại có 3 giải thoát môn là Không, Vô tướng và Vô nguyện. Nên biết tướng kia đã biện trong *Tam-ma-hí-đa địa*.

Trong đây, nên biết phân biệt các pháp bao nhiêu chủng sự tư duy của tác ý, bao nhiêu sự sở tri của trí, bao nhiêu sự nhận biết của thức, bao nhiêu chủng biết khắp của biến tri, bao nhiêu sự giải thoát của môn giải thoát. Dụng hết thấy vô lượng quán môn như thế để quán các pháp.

**d. Nghĩa nương lược có 3 chủng:** 1. Nương sự;

2. Nương thời; 3. Nương bổ-đặc-già-la.

Nương sự lại có 3 chủng: 1. Nương sự căn bản; 2. Nương sự đặc phương tiện; 3. Nương sự bi mẫn người.

- Nương sự căn bản lại có 6 chủng: 1. Đường thiện; 2. Đường ác; 3. Thối đọa; 4. Thăng tiến; 5. Sanh tử; 6. Niết-bàn.

Đường thiện: là cõi trời, cõi người.

Đường ác: là các nẻo ác.

Thối đọa lại có 2 chủng: 1. Không từ phương khác; 2. Từ phương khác. Chủng đầu tiên hiển thọ mạng tự nhiên thối giảm. Như thọ mạng thối giảm, thì sức khỏe, giàu sang, an vui, tiếng tăm, biện tài... tự nhiên thối giảm nên biết cũng vậy. Chủng thứ hai hiển dòng tộc thối giảm, tự tại tăng thượng thối giảm, dòng tộc nghèo nàn, lời nói không uy nghiêm, trí huệ hẹp nhỏ, hiểm ác, không thể thu được sắc thanh hương vị xúc rộng lớn, đối với sự thọ dụng rộng lớn trong lòng không vui thích. Hết thảy loại như vậy gọi là thối đọa.

Thăng tiến: tùy chỗ thích hợp trái với tướng trên.

Sanh tử: tức là thăng tiến lên cõi thiện và

thối đọa vào đường ác.

Niết-bàn: hai Niết-bàn giới là Hữu dư y và Vô dư y.

- Nương sự đắc phương tiện lại có 12 chủng, cũng là 12 chủng hành: 1. Hành dục; 2. Hành lìa; 3. Hành thiện; 4. Hành bất thiện; 5. Hành khổ; 6. Hành không khổ; 7. Hành thuận phần thối; 8. Hành thuận phần tiến; 9. Hành tạp nhiễm; 10. Hành thanh tịnh; 11. Hành riêng mình; 12. Hành tha nghĩa.

Hành dục: như đã thuyết 10 chủng thọ dụng dục.

Hành lìa: tức ở nơi sự thọ dụng dục kia biết rõ hết thấy đều vô thường, nên nhàm chán lìa bỏ xuất gia, thọ trì cấm giới, thủ hộ căn môn...

Hành thiện: hành thí, giới, tu thiện hữu lậu.

Hành bất thiện: là ba chủng ác hạnh.

Hành khổ: như không mặc y phục để lộ thân thể... Hết thấy loại như vậy cho đến nói rộng.

Hành không khổ: như không xả bỏ pháp có được an lạc; xa lìa hai biên, chỗ gọi biên hành thọ dụng dục lạc và biên hành tự khổ hạnh; y chỉ trung đạo, như pháp truy cầu và chân chánh thọ

dụng y phục...

Hành thuận phần thối: sở hữu hành năng chương thọ các sự thăng tiến.

Hành thuận phần tiến: nên biết trái tướng hành thuận phần thối, như trong *Kinh Anh Vũ* đã thuyết.

Hành tạp nhiễm lược có 3 chủng: 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Phiền não tạp nhiễm; 3. Lưu chuyển tạp nhiễm. Nên biết trong đây có 9 cú căn bản. Nghiệp tạp nhiễm có 3 cú: 1. Tham dục; 2. Sân khú; 3. Ngu si. Phiền não tạp nhiễm có 4 cú: gồm bốn điên đảo. Lưu chuyển tạp nhiễm có 2 cú: vô minh và hữu ái. Vì sao như thế? Do ba căn bất thiện sanh khởi chủng chủng nghiệp tạp nhiễm. Do bốn điên đảo năng phát chủng chủng phiền não tạp nhiễm. Phiền não đã sanh, lại do môn vô minh khiến những người xuất gia sanh chủng chủng lưu chuyển tạp nhiễm; do môn hữu ái khiến những người tại gia sanh chủng chủng lưu chuyển tạp nhiễm.

Hành thanh tịnh: lược có 3 học và 5 địa, từ tư lương địa cho đến cứu cánh địa như trước đã thuyết. Nên biết hết thấy học có 9 cú căn bản, gồm tăng



thượng giới học và tăng thượng tâm học, không tham không sân không si, ở tư lương địa và gia hạnh địa. Tăng thượng tuệ học có bốn không điên đảo, minh và giải thoát, ở kiến địa, tu địa và cứu cánh địa.

Hành riêng mình: là hành tự lợi, như Thanh văn, Độc giác. Tuy các vị kia có lúc phát khởi hành lợi tha, nhưng gốc nguyện không phải lợi tha nên sở hành gọi là hành riêng mình.

Hành tha nghĩa: là hành lợi tha như chư Phật, Bồ-tát, vì muốn lợi ích vô lượng chúng sanh, vì muốn an lạc vô lượng chúng sanh, cho đến nói rộng.

Lại nói hành dục: hoặc có người năng chiêu cảm cõi thiện, vì muốn sanh đến cõi thiện về sau nên tạo tác nghiệp thiện. Hoặc có người năng chiêu cảm đường ác, vì nhiếp thọ các dục bằng những việc phi pháp.

Hành lia: hoặc có người hủy phạm năng chiêu cảm đường ác, hoặc có người năng thành tựu trọn vẹn năng chiêu cảm đường thiện và năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành thiện: năng chiêu cảm đường thiện và

năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành bất thiện: năng chiêu cảm đường ác.

Hành khổ: năng chiêu cảm đường ác, vì nương tà kiến nên tự thân thọ khổ.

Hành không khổ: năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành thuận phần thối, hành thuận phần tiến: tùy theo chỗ thích hợp hoặc thối đọa, hoặc thăng tiến.

Hành tạp nhiễm: năng cảm sanh tử.

Hành thanh tịnh: năng chứng Niết-bàn.

Hành tự nghĩa: chỉ khiến tự thân đến đường thiện, đọi đến thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Hành tha nghĩa: khiến mình người cùng đi đến đường thiện, cùng đạt đến thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

- Nương sự bi mẫn người có năm chủng: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ dạy; 3. Dạy dẫn; 4. Khích lệ sách tấn; 5. Vui mừng.

Khiến ly dục: quả trách sáu chủng các hành phẩm hắc, hiển dạy lỗi lầm khiến lìa ái dục.

Chỉ dạy: vì muốn khiến thọ học các hành phẩm bạch, chỉ dạy bốn chủng đạo lý chân thật.

Dạy dẫn: chỉ bày khiến người được tín giải, an đặt học xứ khiến người chân chánh thọ hành. Ở nơi học xứ, người kia đã được tự tại, liền thỉnh hỏi: “Tôi hiện nay nên chánh học thế nào, duy nguyện thầy dạy răn”. Bậc thầy dạy rằng: “Nay ông nên chân chánh tu học, nên thực hành học xứ như vậy như vậy”.

Khích lệ sách tấn: nếu hữu tình kia ở nơi sở tri, sở hành, sở đắc, trong tâm sanh nhàm chán thối thất, bấy giờ phải khen ngợi khích lệ tâm người kia, khiến kia ở nơi sự thực hành có đủ năng lực kham nhẫn.

Vui mừng: ở nơi tùy pháp hành pháp, người kia đã dừng mãnh chánh hành, thì như thật tán thán khiến kia hoan hỷ.

Lại nói chỉ dạy khiến người ly dục: Hoặc khiến người ly dục mà không chỉ dạy, như dạy dẫn khiến người kia lìa dục mà nói như vậy: “Như lời ta nói ông không được làm như vậy, ông nay nhất định chẳng nên lặp lại”; hoặc răn kia rằng: “Nếu ông làm như vậy, ta tất sẽ làm như vậy như vậy”; hoặc lại nhẹ nhàng bảo kia: “Ông nếu là bạn hữu thân thiết của ta, tất chẳng nên làm như vậy”, Hoặc có

chỉ dạy mà chẳng khiến kia ly dục, như đối với một điều nào đó, chỉ ra lỗi lầm cùng với công đức, nhưng chưa thể ngăn chặn khiến kia lìa lỗi lầm. Hoặc có chỉ dạy khiến kia ly dục, như chỉ ra lỗi của kia khiến kia lìa dục.

Lại nói dạy dẫn, khích lệ sách tấn: tức là người mới đầu chưa thọ học thì khiến thọ học; đã thọ học rồi mà chưa thăng tiến hơn, thì khiến thăng tiến.

Vui mừng: nếu lúc người kia đã vui mừng, sẽ được 5 lợi ích thù thắng: 1. Khiến người kia nơi tâm quyết định đối với điều đã chứng; 2. Khiến người kia ở nơi công đức của sự chứng đắc còn lại phát khởi tâm hướng đến chứng đắc; 3. Khiến người kia có tâm phỉ báng, được thanh tịnh; 4. Khiến người không thanh tịnh, tâm được an trụ; 5. Khiến người đã thanh tịnh càng thêm tăng trưởng. Nếu có bổ-đặc-già-la vui mừng đối với việc thiện của người, nên biết tạo tác tăng trưởng việc vui mừng đây năng cảm nghiệp vừa lòng đẹp ý, được sanh vào cõi trời. Nếu lúc mạng chung đã tùy sanh vào cõi kia, thường nghe âm thanh vi diệu vừa ý, tất cả cảnh giới không gì không đẹp ý.

Tóm lại, ở trong 3 sự thì *sự căn bản* có 6 chủng, từ đường thiện ban đầu cho đến sau cùng đắc Bát-niết-bàn; *sự phương tiện* có 12 chủng, là 12 hành; *sự bi mãn người* có 5 chủng, là 5 chủng bi mãn chúng sanh.

Trong đây do sự căn bản lực tăng thượng, lại nương 12 hành, tùy chỗ thích hợp *kiến ly dục* cho đến *vui mừng*.

Nương thời, lược có 3 chủng sự lời nói: 1. Sự lời nói quá khứ; 2. Sự lời nói vị lai; 3. Sự lời nói hiện tại, như kinh đã rộng thuyết.

Nương bổ-đặc-già-la: có tất cả 27 chủng bổ-đặc-già-la, từ căn yếu kém... Tức nương hoặc sự, hoặc thời, hoặc bổ-đặc-già-la đã thuyết như trên mà chư Phật Thế Tôn rộng lưu truyền thánh giáo. Cho nên thuyết tất cả kia gọi là *chỗ nương*.

**e. Nghĩa quá hoạn:** tóm lại mà nói, hoặc pháp, hoặc bổ-đặc-già-la xứng với nghĩa đáng răn trách thì phát lời răn trách.

**f. Nghĩa thắng lợi:** hoặc pháp, hoặc bổ-đặc-già-la xứng với nghĩa đáng xưng khen thì phát lời xưng khen.

**g. Nghĩa sở trị:** tất cả hạnh tạp nhiễm.

**h. Nghĩa năng trị:** tất cả hạnh thanh tịnh.

Như tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; sân là sở trị, từ là năng trị. Nên biết hết thấy loại như vậy.

**i. Nghĩa lược:** tuyên thuyết các pháp tương ưng đồng loại.

**j. Nghĩa rộng:** tuyên thuyết các pháp tương ưng dị loại.

Lại nữa, thuyết về kinh bất liễu nghĩa và kinh liễu nghĩa. Lại có 2 chủng nghĩa lược: 1. Danh lược; 2. Nghĩa lược. Như nghĩa lược thì nghĩa rộng cũng có 2 chủng: 1. Danh rộng; 2. Nghĩa rộng. Như Thế Tôn nói: “Xá Lợi Tử! Pháp Ta sở thuyết hoặc lược, hoặc rộng, rất khó có người năng đắc hiểu ngộ”, như kinh thuyết rộng. Nên biết trong đây hiển thị Thế Tôn tuyên thuyết ở trong Khế kinh thì văn rộng, nghĩa lược; tuyên thuyết ở trong Ưg tụng thì nghĩa rộng, văn lược. Vì nhiếp 10 nghĩa, nên thuyết các thể loại trung gian.

Tóm lại, Ớt-Đà-Nam nói:

*Các địa, tướng, tác ý*

*Chỗ nương, đức, không đức*

*Sở đối trị, năng trị  
Nghĩa rộng lược nên biết.*

Như vậy đã lược thuyết Phật dạy 10 chủng thể tánh nghĩa, các bậc thuyết pháp phải y Thánh giáo nghiên cứu quán xét hoặc đủ hoặc không đủ 10 chủng. Đã tự mình tìm hiểu rồi, lại phải vì người thuyết. Như vậy đã kiến lập văn, nghĩa của thể các kinh. Các bậc thuyết pháp nên dụng 5 tướng thuận theo đó giải thích tất cả kinh Phật.

Sao gọi là **thích**? Lược có 5 chủng: **1. Pháp**; **2. Đăng khởi**; **3. Nghĩa**; **4. Giải thích vấn nạn**; **5. Thứ lớp**. Ban đầu nên lược thuyết các pháp yếu; kế nên tuyên thuyết đăng khởi; kế nên tuyên thuyết nghĩa ấy; kế nên giải thích vấn nạn; về sau nên biện biệt thứ lớp.

**1. Pháp**: pháp lược có 12 chủng, bao gồm Khế kinh... mười hai phần giáo.

Khế kinh: xuyên suốt thật nghĩa.

Trường hàng: thuyết trực tiếp, đa phần nhiếp thọ ý thú thể tánh.

Ứng tụng: là sau khi thuyết Trường hàng lại

tuyên thuyết Kệ tụng. Lại lược nêu sở thuyết kinh bất liễu nghĩa.

Ký biệt: phân biệt rộng, lược nghĩa tiêu biểu và thọ ký nơi sanh xứ của các đệ tử đã qua đời.

Phúng tụng: hoặc dùng một cú để thuyết, hoặc hai cú, hoặc ba, bốn, năm, sáu cú để thuyết.

Tự thuyết: không thỉnh hỏi mà tự nhiên thuyết. Vì khiến đệ tử được thắng giải, vì giáo hóa hữu tình phẩm thượng khiến an trụ lý thù thắng, nên tự nhiên mà thuyết, như trong kinh nói: “Nay Thế Tôn tự nhiên tuyên thuyết”.

Duyên khởi: có người thỉnh hỏi nên thuyết, như trong kinh nói: “Một thời Thế Tôn ở vườn Nai, vì các Bí sô tuyên thuyết pháp yếu”. Lại sở hữu ngôn thuyết nhiếp vào đạo Tỳ-nại-da đều nương Biệt giải thoát mà phát khởi. Lại ở xứ đây phát lời như vậy: “Thế Tôn nương nhân duyên như vậy như vậy, nương sự việc như vậy như vậy mà thuyết lời như vậy như vậy”.

Thí dụ: có kinh thí dụ, do thí dụ nên sáng tỏ nghĩa ẩn mật.

Bổn sự: trừ bổn sanh, tuyên thuyết sở hữu các việc thuộc tiền tế.



Bổn sanh: tuyên thuyết tự thân khi hành hạnh Bồ-tát ở đời quá khứ.

Phương quảng: thuyết đạo Bồ-tát, như thuyết bảy địa, bốn hạnh của Bồ-tát và thuyết 140 chủng pháp Phật bát cộng của chư Phật, bao gồm bốn nhất thiết chủng thanh tịnh cho đến nhất thiết chủng diệu trí, như trong *Bồ-tát địa* đã rộng thuyết.

Phương quảng: pháp đây vì rộng lớn, vì số nhiều, vì quá sâu xa, vì trường cửu, tức phải đồng mãnh trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới thành tựu viên mãn, cho nên gọi là Phương quảng.

Pháp vị tăng hữu: chư Như Lai hoặc các Thanh văn, hoặc người tại gia thuyết pháp hy hữu lạ thường. Như trong các kinh nhân sự việc hy hữu mà khởi ngôn thuyết.

Luận nghị: các kinh điển đều có Ma-đát-lý-ca xoay vòng khảo cứu chặt chẽ, như tất cả kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lý-ca. Ở nơi xứ kia, Thế Tôn tự phân biệt rộng thể tướng các pháp. Lại ở nơi xứ kia, các Thánh đệ tử đã được dấu tích kiến đế, nương tự sở chứng mà phân biệt không diên đảo thể tướng các pháp, đây cũng gọi là Ma-đát-lý-ca. Tức Ma-đát-lý-ca như vậy cũng gọi là A-tỳ-đạt-

ma. Như ở thế gian tất cả sách toán thơ luận... đều có Ma-đát-ly-ca, nên biết trong kinh xoay vòng khảo cứu sâu xa thể tướng các pháp cũng lại như vậy. Lại như các văn, nếu không có Ma-đát-ly-ca tức không sáng tỏ, như vậy Khế kinh... mười hai phần Thánh giáo nếu chẳng kiến lập thể tướng các pháp thì không sáng tỏ, nếu đã kiến lập tức được sáng tỏ. Lại tướng pháp nương đây mà được tuyên thuyết không tạp loạn, cho nên Ma-đát-ly-ca đây cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Lại nương Ma-đát-ly-ca đây giải thích nghĩa các kinh còn lại, cũng gọi là Luận nghị.

**2. *Đẳng khởi*:** do 3 chủng chỗ nương hoặc sự, hoặc thời, hoặc bổ-đặc-già-la, tùy theo đó mà thuyết. Tức là bổ-đặc-già-la như vậy, có hành như vậy, khiến lìa dục cho đến vui mừng.

**3. *Nghĩa*:** lược có 2 chủng: 1. Nghĩa chung; 2. Nghĩa riêng.

Do 4 chủng tướng nên nói là nghĩa chung: 1. Vì dẫn kinh liễu nghĩa; 2. Vì phân biệt rõ ràng các sự; 3. Vì hạnh; 4. Vì quả. Hạnh lại có 2 chủng: 1.

Tà hạnh; 2. Chánh hạnh. Quả cũng có 2 chủng: 1. Quả tà hạnh; 2. Quả chánh hạnh.

Do 4 chủng tướng nên nói là nghĩa riêng: 1. Phân biệt danh sai khác; 2. Phân biệt tướng tự thể; 3. Ngôn từ huấn dạy giải thích (huấn từ); 4. Nghĩa môn sai biệt.

- Ngôn từ huấn dạy giải thích lại do 5 chủng phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

- Nghĩa môn sai biệt nên biết lại do 5 tướng: 1. Tự tánh sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Trong đây, tự tánh sai biệt tức là tự tánh sắc có mười sắc xứ sai biệt, tự tánh thọ có ba thọ sai biệt, tự tánh tưởng có sáu tướng sai biệt, tự tánh hành có ba hành sai biệt, tự tánh thức có sáu thức sai biệt. Hết thấy loại như vậy là tự tánh các pháp sai biệt.

Giới sai biệt: Dục giới sai biệt, Sắc giới sai biệt, Vô sắc giới sai biệt.

Thời sai biệt: thời quá khứ sai biệt, thời vị lai sai biệt, thời hiện tại sai biệt.

Vị sai biệt: nên biết có 25 chủng phần vị sai

biệt, bao gồm ba vị thượng, trung, hạ sai biệt; ba vị khổ, lạc, không khổ không lạc sai biệt; ba vị thiện, bất thiện, vô ký sai biệt; ba vị văn, tư, tu sai biệt; ba vị tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ sai biệt; hai vị trong, ngoài sai biệt; hai vị sở thủ, năng thủ sai biệt; hai vị sở trị, năng trị sai biệt; hai vị hiện tiền, không hiện tiền sai biệt; hai vị nhân, quả sai biệt.

Bổ-đặc-già-la sai biệt: như 27 chủng bổ-đặc-già-la sai biệt đã thuyết ở trước.

**4. Giải thích vấn nạn:** hoặc tự lập câu hỏi, hoặc người đặt câu hỏi, thấy đều phải giải thích.

Nên biết vấn nạn đây lược do 5 tướng: 1. Vì nghĩa chưa rõ khiến được hiển rõ, như nói: “Văn đây có nghĩa gì?”; 2. Vì lời mâu thuẫn, như nói: “Vì sao Thế Tôn trước sở thuyết khác, nay sở thuyết khác?”; 3. Vì đạo lý mâu thuẫn, như có sự chỉ dạy trái với nghĩa bốn đạo lý; 4. Vì sự chỉ dạy không quyết định, như nói: “Cớ sao Thế Tôn ở nơi một chủng nghĩa mà hiển thị chủng chủng dị môn sai biệt?”; 5. Vì rốt ráo không hiện thấy, như nói: “Bên trong ngã có thể tánh gì, có sắc tướng gì, mà

nói thường hằng không biến đổi?”.

Phải nên chân chánh trụ rõ biết hết thấy loại tướng vấn nạn như vậy. Ở nơi năm vấn nạn đây, tùy theo thứ lớp mà giải thích. Tức là ở nơi vấn nạn không rõ nghĩa, hiển dạy phương tiện. Ở nơi vấn nạn lời mâu thuẫn, hiển dạy ý hướng tùy thuận lãnh hội thông đạt. Như ở nơi vấn nạn lời mâu thuẫn, hiển dạy ý hướng tùy thuận lãnh hội thông đạt, thì ở nơi vấn nạn không quyết định, ở nơi vấn nạn rốt ráo không hiện thấy nên biết cũng vậy. Ở nơi vấn nạn đạo lý mâu thuẫn, hoặc dùng giáo khác mà xác quyết, hoặc lại hiển dạy bốn chủng đạo lý, hoặc lại hiển dạy nhân quả tương ưng, tức lời đây là tăng ích cho quả, hoặc là tăng ích cho nhân.

Lại ở nơi giải thích vấn nạn phải thiết lập bốn cách trả lời: 1. Trả lời một hướng, tức là có người như lý đến hỏi thì kiến lập tánh tướng các pháp không diên đảo; 2. Trả lời có sự phân biệt, tức là có người như lý hoặc không như lý đến hỏi, thì tùy đó mà khai thị tánh tướng các pháp sai biệt; 3. Trả lời bằng cách hỏi trở lại, tức là khiến kẻ hy luận kia tự biết mình có lỗi; 4. Trả lời bằng

cách yên lặng.

Có bốn nhân duyên trả lời bằng cách yên lặng, đó là vì không có thể tánh, vì thắm sâu, tướng đây đã thuyết như trong phần *Tư sở thành địa*. Lại như có người hỏi “Như Lai diệt rồi về sau hoặc có, hoặc không...”, đây ở nơi sở hữu lý thú thế tục và thắng nghĩa để đều không nên trả lời, nên gọi là trả lời bằng cách yên lặng. Trong đây, Như Lai lược chung thắng nghĩa để là tánh “chẳng phải có”, cho nên không thể trả lời. Lược chung thế tục để, vì có đạo sở y và năng y trái nhau, nên quả kia vĩnh viễn đoạn trừ, vì kia không thành thật, cũng không thể trả lời: “Như Lai diệt rồi về sau hoặc có, hoặc không...”.

**5. Thứ lớp** lược có 3 chủng: 1. Thứ lớp viên mãn; 2. Thứ lớp giải thích; 3. Thứ lớp năng thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ lớp đây nên lược dẫn bằng Thánh giáo. Như Thế Tôn nói: “Ta xưa xuất gia rất hy hữu kỳ đặc, hy hữu kỳ đặc bậc nhất, hy hữu kỳ đặc tột cùng”, lời đây hiển thị thứ lớp viên mãn hy hữu kỳ đặc. Lại nói rằng: “Ta từng ở trong cung, vua cha là Tịnh Phạn, dung nhan đoan chánh

cho đến nói rộng”, lời đây hiển thị thứ lớp giải thích hy hữu kỳ đặc. Lại nói rằng: “Vì nghĩa gì mà xuất gia hy hữu kỳ đặc? Do thấy pháp sanh, lão, bệnh, tử..”, lời đây hiển thị thứ lớp năng thành hy hữu kỳ đặc.

Lại trong kinh lược thuyết các pháp, như nói ba thọ là thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Hết thấy loại như vậy chỉ hiển thứ lớp viên mãn. Các cú còn lại bổ sung đầy đủ cho thọ đây, nên gọi là viên mãn. Như thọ thì bốn đế cũng vậy, tức trước thuyết một cú, về sau thuận theo đó tuyên thuyết thứ lớp. Thứ lớp năng thành lại có hai chủng: hoặc lấy cú trước thành lập cú sau, hoặc lấy cú sau thành lập cú trước. Thứ lớp giải thích nên biết cũng vậy.

Sao gọi là **thầy**? Thành tựu mười pháp gọi là vị thầy thuyết pháp viên mãn các tướng:

1. Khéo ở nơi pháp nghĩa, tức là ở nơi sáu chủng pháp và mười chủng nghĩa, khéo thông hiểu phân biệt.

2. Năng tuyên thuyết rộng, tức là đa văn, trì văn, tích tập văn.

3. Đầy đủ vô úy, tức là ở trong đại chúng thù thắng như Sát-đế-lợi... tuyên thuyết chánh pháp không khiếp sợ. Lại nhân đây âm thanh thuyết pháp không khàn, nách không chảy mồ hôi, không quên mất nhớ nghĩ.

4. Ngôn từ thiện xảo, tức là lời nói khéo léo đầy đủ, thành tựu tám chi, thuyết pháp giữa chúng phát lời ngôn từ rõ ràng. Lời khéo léo đầy đủ tức là văn câu tương ưng trợ bạn... cho đến nói rộng. Thành tựu tám chi tức là lời nói đầu tiên, lời nói mỹ diệu... cho đến nói rộng.

5. Phương tiện thiện thuyết, tức là dùng 20 chủng phương tiện thiện xảo tuyên thuyết chánh pháp, như dụng thời ân trọng...

6. Thành tựu đầy đủ tùy pháp hành pháp, tức là không chỉ lấy lắng nghe cho là rốt ráo, phải ở nơi điều đã thuyết mà thực hành.

7. Đầy đủ oai nghi, tức là khi thuyết pháp, tay chân không loạn, đầu không động lay, mặt không biến sắc, mũi không đổi khác, đi đứng qua lại uy nghi đĩnh đạc.

8. Tinh tấn dũng mãnh, tức là ở nơi pháp chưa nghe thường vui lắng nghe, nơi pháp đã nghe khiến



triển chuyển sáng tịnh; không xả Du-già, không xả tác ý, tâm không xả lìa nội Xa-ma-tha.

9. Không nhàm mỏi vì bốn chúng rộng tuyên diệu pháp, thân tâm không mệt mỏi.

10. Đầy đủ lực an nhẫn, tức là bị kẻ khác mắng chửi trợn không phản trả oán giận, bị khinh miệt không sanh ưu não hận hiềm, cho đến nói rộng.

Sao gọi là **thuyết, chúng**? Ở nơi năm chúng, dụng tám chủng lời nói để tuyên thuyết. Những gì là tám? 1. Lời nói khiến hỷ lạc; 2. Lời nói khéo khai sáng dẫn phát; 3. Lời nói khéo giải thích vấn nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo tùy thuận khiến dẫn nhập; 6. Lời nói khéo dẫn chứng khác nhau; 7. Lời nói biện tài thù thắng; 8. Lời nói nương theo tông.

Năm chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng tịnh tín; 4. Chúng tà ác; 5. Chúng trung gian.

Lời nói khiến hỷ lạc nên biết có năm tướng: 1. Có nhân chứng; 2. Có thí dụ; 3. Lời đầy đủ viên mãn; 4. Văn câu mỹ diệu; 5. Ngôn từ hiển rõ.

Lời khéo khai sáng dẫn phát: khai sáng nghĩa ẩn kín thâm sâu khiến hiển rõ ràng, biện biệt hiển rõ nghĩa thô khiến hiểu nghĩa thâm sâu.

Lời nói khéo giải thích vấn nạn: thành tựu lời nói khéo léo khiến lìa năm chủng vấn nạn.

Lời nói khéo phân tích: ở nơi mỗi một pháp khiến tăng một đạo lý, cho đến phân chia làm mười chủng, hoặc lại hơn đây. Như nói nương ba pháp, hoặc nương bốn niệm trụ, cho đến nói rộng.

Lời nói khéo tùy thuận khiến dẫn nhập: chỉ khéo giải thích hiển hiện pháp Khế kinh, Ứng tụng... trọn chẳng dẫn tà luận ngoại đạo khác.

Lời nói khéo dẫn chứng khác nhau: tức là dẫn chứng kinh khác để thành lập sở thuyết.

Lời nói biện tài thù thắng: theo điều mình đã lãnh thọ mà khéo phân biệt nghĩa.

Lời nói nương theo tông: nương Ma-đát-lý-ca mà phân biệt hiển thị, hoặc nương sở thuyết ngôn giáo không điên đảo của người, như lý giải thích.

Lại nữa, đối với chúng tại gia, hiện tại thuyết chánh pháp cần xưng khen các thiện hạnh, hủy chê các ác hạnh, vì khiến kia dừng nghỉ và tiến tu. Đối với chúng xuất gia, hiện tại thuyết chánh pháp

cần nưong ba học là tăng thượng giới... vì khiến kia nhanh chóng hân lạc. Đối với chúng tịnh tín, hiện tại thuyết chánh pháp cần nưong uy đức rộng lớn của Thánh giáo, khiến kia tăng trưởng bội phần. Đối với chúng tà ác, khiến kia sanh tín. Đối với chúng trung gian, khiến kia sanh tịnh tín.



## Quyển 82

### PHẦN NHIẾP THÍCH

#### Phẩm hạ

Sao gọi là **thính** (lắng nghe)? Người thuyết chánh pháp như vậy khi thuyết pháp phải an xú người, khiến người an trụ cung kính lắng nghe không diên đảo. Sao gọi là an xú? Hoặc do một nhân, hoặc cho đến mười nhân.

Một nhân: vì cung kính nghe pháp, hiện tiền năng chứng lợi ích an lạc. Trong đây tác bốn câu: hoặc có lợi ích chẳng phải an lạc... như đã thuyết trong *Bồ-tát địa phần* “Truyền pháp”.

Hai nhân: vì khéo kiến lập tất cả pháp, vì khéo kiến lập tức là lìa các lỗi lầm, vì đầy đủ nghĩa rộng lớn. Lại vì người thuyết, người nghe nhọc công thiết lập mà có kết quả thù thắng. Nếu chẳng vậy, người năng thuyết, kẻ năng nghe bỏ phí nghiệp mình, hư uống nhọc công thiết lập mà không có kết quả.

Ba nhân: vì cung kính nghe pháp năng khiến

chúng sanh xả bỏ đường ác, vì sanh đường thiện, vì nhanh chóng dẫn nhiếp nhân Niết-bàn. Ba việc đây cần yếu do cung kính lắng nghe mới được thành tựu.

Bốn nhân: 1. Cung kính lắng nghe pháp năng khéo liễu đạt pháp Khế kinh...; 2. Chánh pháp như vậy năng khiến chúng sanh xả các bất thiện, thâm nhiếp lãnh thọ các thiện; nếu người khéo nghe sẽ năng tinh cần hoặc xả lìa, hoặc lãnh thọ; 3. Vì xả thọ, nên xa lìa nhân ác là chỗ chiêu cảm khổ về sau; 4. Vì lãnh thọ đây khéo xả lìa nhân ác, nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn.

Năm nhân: là chánh pháp mà chư Phật Thế Tôn sở thuyết có nhân duyên, có xuất ly, có nương tựa thú hưởng, có đồng mãn, có thần biến. Các cú như vậy như phần *Nhiếp dị môn* đã rộng phân biệt.

Lại có năm nhân: “Ta phải nghe điều chưa từng nghe. Ta lắng nghe rồi tìm hiểu nghiên cứu. Ta phải đoạn trừ lưới nghi. Ta phải vất bỏ các kiến. Ta phải dùng tuệ thông đạt tất cả cú nghĩa thâm sâu”. Chư Phật Thế Tôn thuyết năm chủng đây, phương tiện hiển ba thánh tuệ thanh tịnh do văn, tư, tu mà thành tựu. Hai chủng đầu hiển tuệ

do văn mà thành tựu; hai chủng kế hiển tuệ do tư mà thành tựu; một chủng sau hiển tuệ do tu mà thành tựu.

Sáu nhân: 1. Vì muốn cung kính báo ân đức Đại sư, như tác nghị: “Phật Thế Tôn vì chúng ta nên hành vô lượng khổ hạnh khó hành mà cầu được pháp đây. Cớ sao ta nay không lắng nghe?”; 2. Quán nghĩa tự lợi, như “Chánh pháp Phật hiển hiện nghĩa lợi”; 3. Rốt ráo năng lìa tất cả nhiệt nã; 4. Khéo thuận chánh oai nghi quý tặc; 5. Dễ có thể rõ thấy; 6. Những người thông tuệ bên trong tự chứng biết.

Bảy nhân: “Ta phải tu tập bảy chủng; chánh pháp. Ta phải biết pháp biết nghĩa... cho đến muốn biết thứ lớp Bồ-đặc-già-la sai biệt”.

Tám nhân: 1. Vì pháp Phật dễ được cho đến vì Chiên-đà-la mà khai thị; 2. Vì dễ năng tu học, lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều tu được; 3. Vì dẫn phát nghĩa lợi, là năng dẫn phát quả sanh tăng thượng, quả quyết định thù thắng; 4. Vì phần đầu thiện; 5. Vì phần giữa thiện; 6. Vì phần sau thiện; 7. Vì hiện tại cảm quả an lạc; 8. Vì dẫn quả an lạc về sau.

Chín nhân: vì năng giải thoát 9 sự bức bách

của thế gian: 1. Năng vượt khỏi ngục lớn sanh tử; 2. Vĩnh viễn đoạn trừ ngục trời buộc kiên cố của tham...; 3. Xả bỏ bảy pháp tài nghèo cùng, kiến lập bảy pháp tài giàu có; 4. Nghe chánh pháp khiến vượt qua thiện hạnh yếu kém, nghe chánh pháp khiến kiến lập thiện hạnh sung mãn; 5. Diệt vô minh tối tăm, khởi trí tuệ minh; 6. Vượt thoát khỏi bốn bạo lưu, tiến đến bờ Niết-bàn; 7. Rốt ráo năng trị bệnh phiền não; 8. Giải thoát tất cả lưới tham ái; 9. Năng vượt thoát rừng rậm đồng hoang sanh tử bao đời. Trong các lao ngục, lao ngục sanh tử là bậc nhất, cho nên thuyết trước.

Mười nhân: 1. Cung kính nghe pháp được lực tư trạch, do đây năng lãnh thọ, năng nghe pháp được lợi ích thù thắng. Như pháp cầu tài vật không dụng phi pháp, lúc thọ dụng thấy sâu quá hoạn; 2. Khéo biết ra khỏi xa lìa. Như tài sản bị hao tán cũng không ưu không buồn, không than oán, cho đến nói rộng; hoặc quyến thuộc chia ly hoại diệt, hoặc gặp bệnh khổ cũng không bi thán, không sầu não, cho đến nói rộng; 3. Thấy sâu lỗi lầm tai hoạn của các dục và thấy công đức xuất ly thù thắng hơn, nên thanh tịnh xuất gia, xả ly tham trước ngoại cụ thượng diệu, cho đến năng chứng các tịnh

lự vi diệu; 4. Cung kính nghe pháp, thực hành, nhanh chóng chứng nhập các pháp duyên khởi rộng lớn, thâm sâu, tương tự thâm sâu. Lại năng dẫn phát các thiện căn hoan hỷ xuất ly rộng lớn. Như Thế Tôn thuyết: “Thánh đệ tử của Ta chuyên tâm chuyên chú lắng nghe chánh pháp, năng đoạn năm pháp, năng tu bảy pháp, nhanh chóng viên mãn”; 5. Các Thánh đệ tử cung kính nghe pháp, chỗ có tập pháp đều thành diệt pháp; 6. Đã thông hiểu chánh pháp, nhanh chóng xa trần lìa cấu, ở trong các pháp sanh chánh pháp nhãn; 7. Năng dẫn nhiếp tư lương thù thắng chứng quả Dự lưu, cho đến chứng đắc quả A-la-hán, cũng năng dẫn nhiếp tư lương tối thắng quả A-la-hán; 8. Năng dẫn nhiếp tư lương Độc giác; 9. Năng dẫn nhiếp tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 10. Năng dẫn tất cả giải thoát tinh lự, đẳng trì, đẳng chí thế gian xuất thế gian.

Sao gọi là **lược tán thán** và **rộng tán thán Phật**? Vị thầy thuyết pháp khi sắp xiển dương chánh pháp, trước phải tán thán ân đức chư Phật. Có 2 chủng tán thán: 1. **Lược**; 2. **Rộng**.



- **Lược tán thán Phật** nên biết có 5 chủng tướng: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hạnh; 5. Uy đức.

Diệu sắc: ba mươi hai tướng Đại trượng phu và tám mươi tùy hảo.

Tịch tĩnh: năng khéo mật hộ các căn môn... và năng nhỏ sạch phiền não tập khí.

Thắng trí: đối với pháp đời quá khứ, vị lai, hiện tại và pháp không thuộc đời đều không bị trệ ngại, cũng không đắm trước.

Chánh hạnh: viên mãn chánh hạnh tự lợi, lợi tha.

Uy đức: du hý thân thông của chư Như Lai.

Lại có 6 chủng lược tán thán Như Lai: vì công đức viên mãn, vì lìa cấu nhiễm, vì không uế trước, vì không gì sánh được, vì chỉ lấy việc lợi ích hữu tình làm sự nghiệp, vì ở nơi nghiệp dụng đây có khả năng kham nhiệm. Tất cả tướng đây đã rộng phân biệt trong phần *Nhiếp quyết trạch*.

- **Rộng tán thán Phật**: chư Phật Thế Tôn có vô biên danh xưng, vì đức vô lượng; năng thí quang minh, vì phát trí minh; năng trừ hắc ám, vì vĩnh viễn diệt trừ tối tăm vô trí; thành tựu mắt sáng, vì

đầy đủ ba mắt; kiến thắng nghĩa đế, vì rõ biết các thánh đế không gì sánh; thành tựu cấm giới, vì viên mãn giới, vì sẵn đủ giới. Như vậy, bậc Lương Túc Trung Tôn là tối thắng tối thượng trong các điều ngự, là tối cực thù thắng vì diệu trong chúng Sa-môn, là trân bảo khó được trong các thế gian. Như vậy là bậc ai mãn, là bậc đại bi, là bậc vui vì nghĩa, là bậc mong đem đến lợi ích, là bậc thương bi mãn. Như vậy là mắt, là trí, là nghĩa, là pháp, năng khéo quyết định ở nơi nghĩa sáng tỏ, phạm có sở tác đều nương nơi nghĩa. Như vậy năng chứng tất cả nghĩa chưa chứng, vì trước từng chứng tám Thánh đạo chi, vì tự nhiên chứng; khéo răn chế lập điều chưa từng lập, vì phạm hạnh thù thắng. Như vậy là bậc thấu biết trung đạo, là bậc chứng đạo, là bậc dạy đạo, là bậc thuyết đạo, là bậc dẫn đạo. Như vậy là Sư tử trong loài người, vì lìa bố úy; là Trâu chúa trong loài người, vì lãnh đạo đại chúng; là Cai quản trong loài người, vì thượng thủ trong chúng; là Long vương trong người, vì không mê lầm; là Ngựa lành trong người, vì tâm khéo điều hòa; là Tối thắng trong người, vì dòng dõi gia tộc chiếu sáng trong loài người...; là Tối thượng trong loài người, vì chánh hạnh, giới, trí, uy đức... thù

thắng chiếu sáng trong chúng người; là Hoa sen trong người, vì tám pháp thế gian không thể nhiễm. Như vậy là bậc vô đẳng, vì không gì so sánh được; là bậc vô vô đẳng, vì hết thấy quá khứ vị lại hiện tại không ai sánh được; là bậc tối đệ nhất, vì tối thượng trong các hữu tình; là bậc Đại tiên vương, vì đầy đủ giới, trường thời tích tập phạm hạnh thù thắng, vì xưa chứng đạo đại tiên; là bậc cực tối thắng, vì năng đắc thắng hết thấy ma phiền não, các ngoại đạo; là bậc Đại Mâu-Ni, vì không có hết thấy trạo cử kiêu mạn... vì tương ứng đầy đủ cùng ba tịch tĩnh; là bậc không thể dẫn đoạt, vì tất cả sanh... và các dị luận chẳng thể dẫn đoạt; là bậc tám gọi thiện, vì vĩnh viễn xa lìa tất cả các pháp ác; là bậc đến bờ kia, vì siêu vượt tất cả hữu thân. Như vậy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến nói rộng là Bạc-Già-Phạm. Như vậy là bậc bạch pháp viên mãn nhất thiết trí, vì làm chủ tất cả pháp, không quên mất pháp, vì kiên định thù thắng bậc nhất trong các hữu tình, ở nơi tất cả khổ lạc mà tâm không nhiễm. Là bậc khéo điều phục, vì khéo mật hộ căn môn viên mãn. Là bậc tịch tĩnh, vì khéo thọ trì giới viên mãn. Là bậc an ẩn, vì đã nhập Quyết định địa. Là bậc Bát-niết-bàn, vì đã

chứng Bồ-đề. Là bậc nhỏ mũi tên độc, vì nhổ mũi tên ái; vì điều phục kẻ chưa điều phục, tịch tĩnh kẻ chưa tịch tĩnh như trước đã thuyết; vì an ủi vô về tất cả kẻ chưa an ổn, khéo năng an lập các dị sanh... khiến chứng quả Dự lưu, Nhất lai; vì tịch diệt tất cả kẻ chưa tịch diệt, khéo năng kiến lập trụ quả thứ nhất, quả thứ hai, khiến chứng quả Bất hoàn, cùng quả A-la-hán. Là bậc không gông cùm, là bậc ra khỏi hầm lửa, là bậc vượt qua hầm sâu, là bậc dứt các mong cầu, là bậc không bị khuynh động, là bậc bẻ gãy cờ kiêu mạn, là bậc đại thường trụ. Như vậy như A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu như trước nói rộng, cho đến tận trừ các hữu kiết. Như vậy vĩnh viễn đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, nói rộng cho đến tích tập thuần thiện. trượng phu tối thượng. Như vậy là bậc khéo biết pháp, cho đến là bậc khéo biết bố-đặc-già-la có thứ lớp sai khác. Như vậy là bậc đại Sa-môn, bậc đại Bà-la-môn, là bậc lìa cấu, vì đoạn phiền não chướng; là bậc vô cấu, vì đoạn sở tri chướng, vì nhổ hẳn tập khí; là bậc lương y, thương chủ; là bậc thắng quán, vì ngày đêm sáu thời thường quán sát thế gian, là chỗ nương của thế gian, là chỗ chúng sanh tôn trọng. Như vậy là bậc tất cả chúng thiện thanh

tịnh; là bậc tướng Đại tượng phu và tùy hảo trang nghiêm nơi thân; là bậc đại lực, vì đầy đủ mười lực; là bậc vô sở úy, vì đầy đủ bốn vô úy; là bậc đại bi, vì trường thời tích tập trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới năng chứng đắc, vì nương duyên tất cả hữu tình, vì duyên tất cả chúng khổ làm cảnh giới, vì ở nơi tất cả tổn não, biến đổi, lợi dưỡng của các chúng sanh mà không động chuyển, vì đối với các hữu tình bình đẳng chuyển; là bậc ở nơi ba niệm trụ khéo trụ nhớ nghĩ; là bậc thành tựu ba chủng pháp bất hộ; là bậc không quên mất pháp, vĩnh viễn hại diệt tất cả tập khí, đầy đủ tất cả chủng trí vi diệu.

Lại nữa, trong đây các vị thầy thuyết pháp nên an lập giải thích tướng pháp kinh như sau: trước nên tìm hiểu hoặc văn hoặc nghĩa, kế lại vì người giải thích tùy chuyển theo năm chủng “thích” như trước đã thuyết, giải thích đạo lý chánh pháp được tuyên thuyết. Lại nên như vậy mà an lập tự thân, như các tướng người thuyết pháp đã thuyết ở trước, tức là khéo viên mãn hết bảy mươi chủng pháp nghĩa. Lại tự an lập rồi, phát khởi lời thuyết thuộc phẩm loại như vậy, ở nơi năm đại chúng, dùng tám chủng ngôn từ rất hỷ lạc vì chúng thuyết

pháp. Lại an đặt người khiến trụ cung kính nghe pháp không điên đảo. Lại trước nên xưng khen công đức Đại sư. Nếu có người đầy đủ năm phần thuyết chánh pháp như vậy, nên biết giống như năm phần âm lạc, năng khiến mình người sanh hỷ lạc rộng lớn, lại năng dẫn phát lợi ích mình, người.

Nếu năng khéo tu học như vậy nên biết đầy đủ 5 chủng thù thắng lợi ích: 1. Đối với nghĩa mà Phật thuyết, hiểu rõ chẳng khó; 2. Năng khéo thuyết các pháp tướng viên mãn; 3. Năng khéo khởi phát khiến mình người tương tục hỷ lạc rộng lớn; 4. Năng dẫn thiện xuất ly, cho đến khắp cả trời người đều xưng khen; 5. Năng sanh khởi vô lượng công đức.

Lại nữa, như trong kinh thuyết về **Trụ học thắng lợi**, nên biết kinh đây văn, nghĩa là *thể*.

*Văn*: Trong kinh nói: “Bí-sô các ông phải nên an trụ tu học thắng lợi”. Trong đây có mười hai chữ, bốn danh và một cú. Như vậy nhiếp lấy danh thân, cú thân và chữ thân. Trong đây nói thuyết tương ưng tương học xứ thì nhiếp thuộc “hành tướng”. Gốc xuất phát sở thuyết của Như Lai là do Bí-sô thỉnh vấn, thì nhiếp thuộc “cơ thỉnh”. Ngôn âm sở

thuyết của Như Lai thì nhiếp thuộc “lời”. Vậy nên kinh đây một cú nhiếp đủ sáu văn. Như vậy tuệ làm thượng thủ... trong tất cả các cú, tùy theo tướng đều phải rõ biết.

*Nghĩa*: ở trong nghĩa “địa” đây chỉ cần thuyết Thanh văn địa, hoặc đủ năm địa. Kinh nói: học thắng lợi là tư lương địa; tuệ làm thượng thủ là gia hạnh địa; giải thoát kiên cố và niệm làm tăng thượng là kiến địa, tu địa và cứu cánh địa. Đây gọi là nghĩa địa.

Trong nghĩa “tướng”, thì “học thắng lợi” là tự tướng giới. Tuệ làm thượng thủ thì đầy đủ hai chủng tướng, đó là ở trong tuệ có sở y, sở duyên, trợ bạn... duy chỉ có tự thể tuệ là tự tướng tuệ; sở y, sở duyên, trợ bạn của tuệ là cộng tướng. Giải thoát kiên cố tức là hẵn tất cả phiền não thô trọng là tự tướng giải thoát. Niệm làm tăng thượng là tự tướng niệm. Đây gọi là nghĩa tướng.

Trong nghĩa “tác ý”, thì “học thắng lợi” chẳng phải các tác ý, chỉ hiển nơi chốn kiến lập tác ý. Tuệ làm thượng thủ, đây hiển thị tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải. Giải thoát kiên cố, đây hiển thị tác ý viễn ly, tác ý nhiếp lạc, tác ý gia hạnh cứu cánh và tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Niệm làm

tăng thượng, đây hiển tác ý quán sát. Đây gọi là nghĩa tác ý. Do đạo lý đây, ở trong trí, biến tri... nên tùy theo đó mà kiến lập.

Trong nghĩa “nương”, nương học xứ Niết-bàn nhiếp lấy hành thanh tịnh, tùy chỗ thích hợp mà khởi dạy dẫn... chỗ gọi từ dạy dẫn cho đến vui mừng. Nên biết trong đây cũng thông cả hành thiện... nhưng thù thắng hơn cả thì chỉ cần thuyết hành thanh tịnh. Bồ-đặc-già-la xuất gia thuộc “nương bồ-đặc-già-la”. Lại tất cả bồ-đặc-già-la nương căn yếu kém... nên biết “vui mừng”. Lại ở thời quá khứ, hiện tại nên biết đã chứng đắc, đang chứng đắc, phát khởi “vui mừng”. Ở thời hiện tại phát khởi “chỉ dạy”. Ở thời vị lai phát khởi “dạy dẫn” và “khích lệ sách tấn”. Đây gọi là nghĩa nương.

Trong nghĩa “thắng lợi”, thì tu ba học nhanh chóng được viên mãn là nghĩa thắng lợi.

Trong nghĩa “quá hoạn”, thì người xuất gia không được hành hạnh khác lạ, không được tích chứa tài vật dư thừa.

Trong nghĩa “sở trị, năng trị”, tức là phiền não, vô trí, hủy phạm giới và quên mất chánh niệm. Nên biết phòng hộ giới... tức là nghĩa năng trị. Lại tất cả hành tạp nhiễm đều là sở trị. Hành



ba học... đều là năng trị.

Trong nghĩa “lược, rộng”, trụ học thắng lợi cho đến niệm làm tăng thượng. Đây lược nêu cử tông gọi là nghĩa lược. Nên biết phân biệt đây gọi là nghĩa rộng. Đây gọi là nghĩa lược, rộng. Ngoài đây ra trọn không có hoặc quá hoặc hơn.

Trong phần *Thích* như trước thuyết bao gồm 5 chủng: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Giải thích vấn nạn; 5. Thứ lớp.

1. Pháp: Tức là ở mười hai phần giáo. Nên biết đây nhiếp vào Khế kinh, cũng nhiếp vào Ký biệt, vì liễu nghĩa vậy.

2. Đẳng khởi: Phải thuyết *chỗ nương*, vì muốn tự hiển vào khắp hành trí lực mà phát khởi kinh đây. Lại vì hiển thị người tinh cần tu tập hạnh thanh tịnh, cũng vì hiển thị giáo hóa hữu tình coi trọng của cải danh lợi khiến kia tín hiểu, nương theo trụ học thắng lợi... mà tinh tấn tu tập, nhanh chóng đắc viên mãn ba học thắng lợi. Lại vì hiển thị bốn chủng thể Bí-sô. Trong đây, kinh nói “Học thắng lợi” vì khiến Bí-sô thể xa lìa chủng tánh hình tướng, vì khiến Bí-sô thể mật hộ oai nghi, xa lìa đối hiện quý tặc; “Tuệ làm thượng thủ” vì khiến Bí-sô thể xa lìa chấp trước danh xưng khen tặng hư

vọng; “Giải thoát kiên cố và niệm làm tăng thượng” vì khích lệ khiến Bí-sô thể tu tập chánh hạnh chân thật. Vì sao như thế? Nếu người vui thích tiếng tăm khen tặng, tuy tự gắng sức khích lệ nghe thọ chánh pháp mà tuệ không tăng trưởng. Nếu xa lìa lỗi lầm đã nói trước, liền ở trong chánh hạnh chân thật nhiếp thọ giải thoát chân chánh, kham nhiệm sự khích lệ dẫn dắt. Lại nếu người chỉ sanh vui đủ với chút phần hạ liệt, thì khích lệ kia khiến lần hồi tu học thắng tiến. Nếu người vui truy tìm văn chương chú thuật thuận theo thế gian, giới chậm chạp, thì vì kia thuyết học thắng lợi. Nếu người giữ gìn Thi-la, xả đa văn, thì thuyết tuệ làm thượng thủ. Nếu người chỉ ở văn, tư mà sanh vui đủ, thì thuyết giải thoát kiên cố. Nếu người ở nơi giới, tuệ giải thoát khỏi tăng thượng mạn, thì thuyết niệm làm tăng thượng. Hết thấy loại như vậy gọi là Đẳng khởi.

3. Nghĩa: Trong nghĩa chung, kinh đây tuyên thuyết chánh hạnh và quả chánh hạnh. Hết thấy ba học giới như vậy gọi là giới hạn của học. Lại nói người trụ ba học như vậy, đây hiển phương tiện chân chánh nhiếp lấy bốn chủng Du-già. Lại nói người trụ ba học như vậy, đây hiển thị quả chánh

hạnh. Trong đây tin muốn làm tiền dẫn, sau nhiếp thọ Thi-la, lắng nghe lãnh thọ tinh tấn, lấy tuệ... làm phương tiện.

Trong nghĩa riêng của “học”, chỗ nói danh sai khác: là siêng năng tinh tấn hoặc tu, hoặc tập, thực hành như thánh giáo.

Tự tánh: khéo hiện hành chánh mạng, thanh tịnh thân ngữ.

Ngôn từ huấn dạy giải thích (huấn từ): do chánh hành giới nhĩn nhục... tu tập hiển phát, gọi là học. Lại vì tịch tĩnh, cũng là thanh lương, tinh tấn diệt trừ thói quen, gọi là học. Lại như ngôn từ huấn dạy trước do năm chủng phương tiện là tướng, tự tánh, nghiệp, pháp và nhân quả, tùy thứ lớp như vậy mà giải thích.

Nghĩa môn sai biệt: do 5 tướng, đó là tự tánh sai biệt, cõi giới sai biệt, thời sai biệt, vị sai biệt và bổ-đặc-già-la sai biệt. Nay sẽ giải thích.

- Tự tánh sai biệt: là học thắng lợi, là chỗ hiển thị bảy phẩm giới, hoặc 250 học xứ, hoặc hơn đây.

- Cõi giới sai biệt: trong Dục hành có luật nghi Biệt giải thoát; trong Sắc, Vô sắc hành có luật nghi tinh lự và luật nghi vô lậu không hệ

thuộc giới.

- Thời sai biệt: ở nơi học thắng lợi, quá khứ đã học, vị lai sẽ học, hiện tại đang học. Học thắng lợi đây ở quá khứ, vị lai, hiện tại bình đẳng không khác.

- Vị sai biệt: các học thắng lợi của bồ-đặc-già-la đã nhập chánh pháp, thì người chưa thành thực là vị hạ, người đang thành thực là vị trung, người đã thành thực là vị thượng. Nếu người tâm không hỷ lạc mà khích lệ tu tập các phạm hạnh, thì học thắng lợi đây là vị khổ. Nếu người tâm hỷ lạc, chẳng cần khích lệ mà tự tu phạm hạnh, thì học thắng lợi đây là vị lạc. Nếu ở nơi phạm hạnh, không hỷ lạc không phải không hỷ lạc, thì học thắng lợi đây là vị không khổ không lạc. Lại học thắng lợi đều là vị thiện, không phải vị bất thiện, không phải vị vô ký. Nếu người nghe thọ đầy, gọi là vị văn. Nếu người tư duy đây, gọi là vị tư. Nếu người tu tập đây, gọi là vị tu. Nếu người chưa chứng đắc tăng thượng tâm, tuệ, chỉ là vị tăng thượng giới. Nếu người đã chứng đắc, là hai vị tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ. Hết thấy loại như vậy là vị sai biệt.

- Bồ-đặc-già-la sai biệt: trong đây ý nói bồ-

đặc-già-la xuất gia, hoặc là độn căn, hoặc là lợi căn, hoặc hành tham... hoặc hành đẳng phần, hoặc hành mông trần. Đây chỉ là Thanh văn, không phải các Độc giác, không phải chư Bồ-tát. Do Độc giác kia riêng tự mình giác ngộ, còn Bồ-tát là giải thoát kiên cố, cho nên không thuyết chung trụ tu học thắng lợi với Thanh văn. Lại trong đây chỉ thuyết người lấy Bát-niết-bàn làm pháp, người đã nhập chánh pháp, người không có chướng ngại, người cũng đủ phước, người chẳng đủ phước, người chẳng phải không phước, chỉ là người, chẳng phải trời. Hết thấy loại như vậy gọi là bổ-đặc-già-la sai biệt.

Như ở nơi học thắng lợi, thì ở nơi tuệ làm thượng thủ, ở nơi tánh giải thoát kiên cố, ở nơi tánh niệm làm tăng thượng, tùy chỗ thích hợp nên biết đều có năm chủng sai biệt như vậy.

Trong đây nghĩa riêng của “thắng lợi”, danh sai khác là công đức tăng tiến viên mãn. Tự tánh: như thuyết nên quán mười chủng thắng lợi. Huấn từ: vì pháp đây năng nhiều ích nên được tán thán, gọi là thắng lợi. Lại pháp đây hữu tình theo đó sanh khởi quyết định nên triển chuyển thực hành, gọi là thắng lợi. Lại pháp đây tùy theo đó được

xung khen, gọi là thắng lợi. Môn sai biệt: nên biết có mười chủng sai biệt, đó là năng nhiếp thọ đối với Tăng, khiến Tăng tinh cần chân thật cho đến nói rộng.

Trong đây nghĩa riêng của “Bí-sô”, danh sai khác là Sa-môn xả ly pháp gia đình, hướng đến đời sống không nhà. Tự tánh: là các hạnh đồng phạm với “đầy đủ luật nghi Biệt giải thoát”. Huấn từ: vì nương nơi hình sắc mà phát siêng tinh tấn, hãi sợ đường ác, tự mình phòng hộ giữ gìn, vì nhiếp lấy không tổn hại, gọi là Bí-sô. Môn sai biệt: vì Sát-đế-lợi... sai biệt, vì tộc trên tộc dưới sai biệt, vì già trẻ trung niên sai biệt.

Trong đây nghĩa riêng của “trụ”, danh sai khác là thời thời tinh siêng tu tập. Tự tánh: tức là lìa sở học đã thuyết thì không có pháp riêng. Huấn từ: tùy thời khắc nhiếp thọ chủng chủng oai nghi, nên gọi là trụ. Môn sai biệt: vì oai nghi sai biệt; vì sớm mai, giữa ngày và chiều sai biệt; vì ngày đêm sai biệt.

Trong đây nghĩa riêng của “tuệ”, danh sai khác là trí kiến minh hiện quán... Tự tánh: là chọn lựa pháp tướng, pháp sở hữu của tâm. Huấn từ: vì tánh chọn lựa, vì trị bệnh vô trí, gọi là tuệ; lại năng liễu tri mỗi mỗi phẩm khác nhau, gọi là tuệ; lại năng

hiển rõ các bậc thông tuệ là tánh thông tuệ, gọi là tuệ. Môn sai biệt: theo chỗ thích hợp mà an lập như trước.

Trong đây nghĩa riêng của “giải thoát”, danh sai khác là vĩnh viễn đoạn, lìa hệ buộc, thanh tịnh, diệt tận, ly dục... Tự tánh: vĩnh viễn hại thô trọng, vĩnh viễn đoạn phiền não. Huấn từ: năng giải thoát khỏi chủng chủng trói buộc của tham... gọi là giải thoát; lại Thế Tôn vì chủng chủng tịch mặc mà thuyết, lấy đây làm thể tánh tịch mặc, gọi là giải thoát. Môn sai biệt: gồm giải thoát đợi thời, giải thoát bất động, giải thoát kiến sở đoạn, giải thoát tu sở đoạn, giải thoát Dục hành, giải thoát Sắc hành, giải thoát Vô sắc hành. Hết thấy loại nghĩa môn sai biệt còn lại nên biết như trước.

Trong đây nghĩa riêng của “niệm”, danh sai khác là tâm sáng thông, nhớ biết rành rẽ không quên mất. Tự tánh: là pháp sở hữu của tâm. Huấn từ: quay lại nhớ nghĩ các pháp, nên gọi là niệm; lại tùy việc đã trải qua mà phát khởi nhớ nghĩ, do đây năng khiến ký ức sáng tỏ rành rẽ, nên gọi là niệm. Môn sai biệt: tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp... nói rộng cho đến sáu chủng tùy niệm. Theo thứ lớp nghĩa môn sai biệt như trước đã thuyết, nên biết

tùy chỗ thích hợp mà giải thích nói rộng.

4. Giải thích vấn nạn:

**Hỏi:** Trụ học thắng lợi có nghĩa gì?

**Đáp:** Thêm lời đây hiển thị ở nơi tăng thượng giới học thấy được công đức thù thắng của trụ.

**Hỏi:** Tuệ làm thượng thủ có nghĩa gì?

**Đáp:** Thêm lời đây hiển thị ở trong các căn, tuệ căn là bậc nhất.

**Hỏi:** Giải thoát kiên cố đây có nghĩa gì?

**Đáp:** Thêm lời đây hiển thị vĩnh viễn đoạn trừ phiền não kiến, tu sở đoạn.

**Hỏi:** Niệm làm tăng thượng có nghĩa gì?

**Đáp:** Thêm lời đây hiển thị không sanh vui đủ đối với chút phần chúng đắc thấp kém.

**Hỏi:** Ở trong kinh khác, Thế Tôn đã thuyết thứ lớp ba học khác với đây, cơ sao trong đây trước thuyết tăng thượng giới, sau thuyết tăng thượng tuệ mà chẳng phải tăng thượng tâm?

**Đáp:** Trong đây hiển thị “trụ học thắng lợi”. Do ngôn thuyết đây để hiển tuệ do văn... mà thành tựu nhiếp thọ không hồi hận, do đây dần dần đắc tam-ma-địa, tức là hiển thị tăng thượng tâm học. Như Thế Tôn thuyết: “Trong năm căn, căn năng thâm nhiếp lãnh thọ thù thắng nhất đối với những



điều được nhiếp thọ là tuệ căn”. Bởi lẽ các Bí-sô thành tựu tuệ căn cho đến năng tu định căn, như vậy cho đến thành tựu định căn, nên biết đều là lực của tuệ căn. Nay trong kinh đây, Thế Tôn hiển thị tuệ căn là nhân dẫn phát Tam-ma-địa, cùng nhân dẫn dứt đoạn trừ phiền não. Cho nên tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học đồng thời được nói đến.

**Hỏi:** Trong kinh khác thuyết tu tập ba học tiến đến viên mãn, có sao không thuyết tu tập tăng thượng tâm học tiến đến viên mãn?

**Đáp:** Như đã thuyết ở trước, nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

**Hỏi:** Có sao trong đây chỉ thuyết trụ học thắng lợi, không thuyết trụ tuệ thắng lợi, trụ giải thoát thắng lợi...?

**Đáp:** Đối với hữu tình ở trong thấp kém, nếu khuyến khích kia nắm giữ thọ trì thắng lợi, nên biết cũng tức là giáo hóa hữu tình ở trong thắng diệu khiến nhiếp thọ thắng lợi. Lại nhiếp thọ đối với Tăng, khiến Tăng tinh cần chân thật... có hết thấy mười chủng thắng lợi phân minh dễ hiểu, dễ có thể ngộ nhập. Vậy nên chỉ thuyết trụ học thắng lợi.

**Hỏi:** Người chưa giải thoát thì ở trong các pháp, giải thoát là thù thắng nhất. Nhân duyên nào chỉ thuyết trụ tuệ làm thượng thủ, mà không thuyết trụ giải thoát làm thượng thủ?

**Đáp:** Đối với hữu tình ở trong thấp kém, khuyến khích thọ trì tánh tuệ làm thượng thủ, nên biết cũng tức là giáo hóa hữu tình ở trong thắng diệu nhiếp thọ tánh tuệ làm thượng thủ. Lại vì ở nơi giải thoát hiển thị công đức bất cộng sai biệt. Những gì gọi là công đức bất cộng sai biệt? Đó là vì ở nơi vô thường, vô thượng tuệ giải thoát ở biên thường nên thật sự bền chắc.

**Hỏi:** Những gì gọi là trụ học thắng lợi?

**Đáp:** Như trong chỗ thi thiết các học xứ, quán mười thắng lợi, thường phòng hộ gìn giữ giới, kiên cố phòng hộ gìn giữ giới, thường thực hành, thường triển chuyển... Như vậy gọi là trụ học thắng lợi.

**Hỏi:** Các cú nhiếp thọ Tăng... có nghĩa thế nào?

**Đáp:** *Nhiếp thọ đối với Tăng* là cú chung. Khiến Tăng tinh cần chân thật, tức là khiến lìa biên thọ dụng dục lạc. Khiến Tăng an lạc, tức là khiến lìa biên thọ dụng tự khổ hạnh. Vì khiến nhiều người cứu trụ phạm hạnh, triển chuyển tăng trưởng rộng

lớn, cho đến vì các trời người khai thị con đường thiện chân chánh, tức khiến thánh giáo trường thời tương tục không đoạn dứt. Trong đây, người chưa tịnh tín khiến được tịnh tín, người chưa nhập chánh pháp khiến được nhập chánh pháp, người đã tịnh tín khiến được tăng trưởng, người đã nhập chánh pháp khiến được thành thực, người khó điều phục khiến điều phục, người phạm giới khiến khéo đỗi bỏ, người tầm quý khiến trụ an lạc, người trụ tịnh giới khiến không hối hận, người ngăn phòng lậu hiện pháp khiến thuận theo hàng phục phiền não triền, người hại diệt lậu hậu pháp khiến dứt bỏ tà nguyện, tu hành phạm hạnh, khiến tùy thuận vĩnh viễn đoạn tùy miên hoặc. Mười chủng thắng lợi như vậy được nhiếp làm ba, tức ba chủng đây khai triển rộng là mười. Những gì là ba? 1. Khiến Tăng an trụ không nhiễm ô; 2. Khiến Tăng an trụ an lạc; 3. Khiến thánh giáo Phật trường thời tùy chuyển. Trong đây do bảy chủng tùy phòng hộ hiển thị an trụ không nhiễm ô và an trụ an lạc. Bảy chủng tùy hộ: 1. Tùy hộ kính dưỡng; 2. Tùy hộ tự khổ hạnh; 3. Tùy hộ tiền của gia sản thiếu thốn; 4. Tùy hộ qua lại tiếp xúc lẫn nhau; 5. Tùy hộ tâm truy cầu biến đổi; 6. Tùy hộ phiền não triền; 7.

Tùy hộ tà nguyên. Một cú rớt sau hiển thị thánh giáo trường thời tùy chuyển.

Sao gọi là thường giữ gìn giới? Vì không xả bỏ học xứ.

Sao gọi là kiên cố giữ gìn giới? Vì không hủy phạm học xứ.

Sao gọi là thường thực hành? Vì không khuyết phạm học xứ.

Sao gọi là thường triển chuyển? Vì đã khuyết phạm, liền dừng dứt, trở lại thanh tịnh.

Sao gọi là thọ học học xứ? Vì thuận theo đây tu học đầy đủ các học xứ. Người hành như vậy thường giữ gìn Thi-la, kiên cố giữ gìn Thi-la; sau khi nghe chánh pháp, một mình ở chốn tịch tĩnh, buộc niệm tư duy, suy lường quán sát thẳm sâu. Vì muốn hướng đến cầu tăng thượng tâm, tuệ, nương văn, tư, tu khiến sanh diệu tuệ, năng chứng đắc giải thoát. Tánh giải thoát đây khiến không thối chuyển trong việc hành pháp, nên thuyết danh là kiên cố, là quả Thánh trí xuất thế gian. Lại hành giả đây do lực chánh niệm tư quán sát sâu: “Giới uẩn của ta có viên mãn chưa? Ta ở nơi các pháp có chánh tuệ thông đạt không? Ta ở nơi giải thoát khéo chứng chưa?”. Như vậy chỉ nương lực giữ gìn

chánh niệm, phát khởi tuệ làm thượng thủ, chứng đắc giải thoát kiên cố. Lại chánh niệm đây lược có ba chủng: hoặc nhân thuyết pháp, hoặc nương dạy trao, hoặc do quán sát nên làm, không nên làm.

**Hỏi:** Thế Tôn thuyết giới có vô lượng chủng, đó là giới việc thiện, giới Bí-sô, giới Cận trụ, giới tinh lự, giới đẳng trì, giới mà bậc Thánh yêu thích... Hết thấy giới như vậy, nay nương giới gì mà thuyết “Trụ học thắng lợi”?

Đáp: Nương giới Bí-sô, vì thù thắng hơn cả.

**Hỏi:** Thế Tôn thuyết tuệ cũng có nhiều chủng, đó là tuệ thành tựu do văn, tuệ thành tựu do tư và tuệ thành tựu do tu. Nay nương tuệ nào mà thuyết “Trụ tuệ làm thượng thủ”?

Đáp: Nương đủ cả ba tuệ.

**Hỏi:** Thế Tôn thuyết giải thoát cũng có nhiều chủng, đó là giải thoát thế gian, giải thoát xuất thế gian, giải thoát hữu học, giải thoát vô học, giải thoát động chuyển, giải thoát bất động. Hết thấy loại như vậy, nay nương giải thoát nào mà thuyết “Trụ giải thoát kiên cố”?

Đáp: Nương giải thoát bất động xuất thế gian.

**Hỏi:** Thế Tôn thuyết niệm cũng có vô lượng chủng, đó là sở hữu các niệm ở nơi thân niệm trụ,

ở nơi thọ niệm trụ, ở nơi tâm niệm trụ, ở nơi pháp niệm trụ, ở nơi sở tác sở thuyết đã lâu tùy niệm, ở nơi sở thọ đọc tụng các pháp tùy niệm, dạy trao tùy niệm, nên làm không nên làm tùy niệm, Phật tùy niệm... Nay trong đây nương niệm nào mà thuyết “Lấy niệm làm tăng thượng”?

Đáp: Nương nên làm, không nên làm mà quán sát tùy niệm là thù thắng hơn cả.

5. Thứ lớp: bao gồm 3 chủng.

Thứ lớp viên mãn: tức là trước phải an trụ giới Bí-sô, kế nên lắng nghe lãnh thọ chánh pháp Như Lai, kế nên như lý tác ý tư duy. Người hành như vậy, do thanh tịnh trì giới nên không ưu buồn hối hận, do không ưu buồn hối hận nên dần dần sanh khởi định, do chánh phương tiện thâm nhiếp trí tuệ, chánh tư duy như lý tác ý, nên tăng thượng tâm học nhanh chóng thành tựu viên mãn. Như vậy gọi là thứ lớp viên mãn, vì trước trước sau sau dần được viên mãn.

Thứ lớp năng thành: do trụ học thắng lợi năng thành tựu tuệ làm thượng thủ, do tuệ làm thượng thủ năng thành tựu giải thoát kiên cố. Sac gọi là năng đắc trụ học thắng lợi, cho đến năng thành giải thoát kiên cố? Do niệm làm tăng thượng, gọi

là thứ lớp năng thành tựu. Lại an trụ tu tập ba học nhanh chóng đắc viên mãn như vậy, cũng gọi là thứ lớp năng thành tựu.

Thứ lớp giải thích: hay khéo dạy răn đệ tử Thanh văn tất cả việc phải làm và không được làm, nên gọi là Đại sư. Lại năng giáo hóa dạy dẫn vô lượng chúng sanh khiến khổ được tịch diệt, nên gọi là Đại sư. Lại vì hàng phục trừ diệt tà uế ngoại đạo xuất hiện thế gian, nên gọi là Đại sư. Từ âm thanh người lắng nghe chánh pháp, lại năng khiến người lắng nghe chánh pháp, nên gọi là Thanh văn.

**Hỏi:** Nhân duyên nào chỉ vì Thanh văn mà thuyết “Trụ học thắng lợi..”?

**Đáp:** Do chúng Thanh văn thuận theo đó tu học là con chân thật của chư Phật Thế Tôn. Trong đây, pháp nên biết tuyên thuyết danh, cú, văn thân. Học xứ là chỗ tuyên thuyết năm tụ hủy phạm. Đủ lân mãn là trong đêm dài hằng trụ các pháp vô lượng như từ... đối với các hữu tình. Đủ đại bi là năng nhổ bật, cứu giúp vô lượng chúng sanh vốn có nhiều pháp khổ. Nghĩa lợi vui là năng cùng chung nhiều pháp lạc với chúng sanh. Mong lợi ích là năng cùng chung vô lượng phẩm loại pháp diệu

thiện với chúng sanh. Hằng bi mẫn là năng cứu chúng sanh thoát khỏi vô lượng các pháp ác bất thiện. Vì khiến nhiều người cứu trụ phạm hạnh tức là nương dòng tộc Sát-đế-lợi... mà thuyết. Chuyển rộng thêm tức là nương chủng loại hữu tình như vậy, sau chuyển tăng rộng mà thuyết. Cho đến vì các trời người mà thuyết tức là nương thế lực kia mà thuyết, trong đây hiển thị Thế Tôn đại bi trùm khắp tất cả, chẳng phải một phần. Chánh thiện khai thị tức là tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu. Tuyên thuyết chánh pháp là đối với mười hai phần giáo, lắng nghe, thọ trì, tìm hiểu, nhậm văn, giữ gìn, đọc tụng; ở chốn tịch tĩnh, tư duy chánh pháp như vậy. Như vậy năng khiến kia được lợi ích, tức là nương tăng thượng giới học mà thuyết. Như vậy năng khiến kia được an lạc, tức là không nương vào chút khổ vất vả nhỏ mà gây trở ngại khiến không tự tại hành. Như vậy năng khiến kia được lợi ích an lạc, tức là người ly dục, hành tăng thượng tâm, hành tăng thượng tuệ. Khéo hành đây nên gọi là lợi ích, năng nhiều ích nên gọi là an lạc.

Lại nữa, nếu ở xứ đây Thế Tôn khen ngợi công đức Đầu-đà vi diệu, đây gọi là lợi ích. Nếu ở xứ đây Thế Tôn cho thọ nhận trăm vị ăn uống,



trăm ngàn y phục, đây gọi là an lạc. Nếu ở xứ đây Thế Tôn chế lập ba học, đây gọi là lợi ích an lạc. Lại thuyết: “Như Lai ở trong các pháp dùng tuệ kia khéo quán sát”, đây hoặc là lợi ích, hoặc là an lạc, hoặc là lợi ích an lạc, nương tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà thuyết. Trong đây có hai nhân duyên gọi là khéo quán sát: 1. Vì đêm dài xuyên suốt tu tập, rõ biết hết thấy; 2. Vì chánh giác ngộ không điên đảo. Ở nơi kia khéo chứng đắc giải thoát, tức là nương tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ mà thuyết. Do hai nhân duyên gọi là khéo chứng đắc: 1. Vì đến cứu cánh; 2. Pháp không hồi chuyển, pháp không thối thất.

“Thi-la uẩn của ta không viên mãn”, đây hoặc tu tập một phần Thi-la, hoặc chẳng y chỉ Thi-la như vậy để tu tập viên mãn các Thi-la định địa. “Ta không khéo quán sát các pháp”, đây cũng do hai chủng tướng như trước nên biết. “Ta ở nơi giải thoát không khéo chứng đắc”, đây do hai chủng tướng như trước nên biết. “Điều nên thuyết, như vậy đã thuyết”, đây tổng kết điều trước đã nêu ra một cách tóm lược và phân biệt rộng.

Lại nữa, do 6 chủng tướng phải nên giải thích

tất cả Khế kinh: 1. Do biết khắp sự; 2. Do xả bỏ xa lìa ác hạnh và các phiền não, tùy phiền não; 3. Do thọ học thiện hạnh; 4. Do hành như bệnh... trí biến tri thông đạt; 5. Do quả kia; 6. Do mình và người lãnh thọ quả kia. Do 6 tướng đây và do tướng được kiến lập như trước, nên khéo giải thích tất cả kinh điển. Trong đây, sự là uẩn, giới, xứ, duyên khởi, niệm trụ và chánh đoạn... Quả kia, đó là yếm hoạn, ly dục, giải thoát và khắp giải thoát. Mình người lãnh thọ quả kia, đó là “Ta sanh đã tận”. Hết thấy loại như vậy gọi là phần *Nhiếp thích*.



## **IV. PHÂN NHIỆP DỊ MÔN**



**Quyển 83**  
**PHÂN NHIẾP DỊ MÔN**  
**Phẩm thượng**

Như vậy đã thuyết Nhiếp Thích. Sao gọi là **Nhiếp Dị Môn?**

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Phẩm Bạch và phẩm Hắc  
 Tuyên thuyết dị môn thầy  
 Vì khai ngộ giác nghĩa  
 Tụng tổng, lược nên biết.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Thầy, đệ nhất, hai tuệ  
 Thiện thuyết bốn chủng thầy  
 Cũng có nhân duyên thầy  
 Rộng thuyết thí, giới, đạo.*

Trong đây Như Lai gọi là Đại sư. Nói tiếp sư tức là đệ tử thứ nhất, như tôn giả Xá Lợi Tử kia... Nói tập sư là Quĩ phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc bậc đồng pháp, hoặc bậc năng khai ngộ, hoặc

bạc khiến nhớ nghĩ.

Đại sư tức là người lập Thánh giáo. Nói tiếp sư là người truyền Thánh giáo. Tập sư là người thuận theo Thánh giáo. Vì khai, hứa, chế, chỉ tất cả điều phải làm và không được làm; vì mọi lúc triển chuyển dạy răn dạy trao, nên biết tức là bậc năng thuyết, bậc truyền thuyết và bậc tùy thuyết. Vì đuổi bỏ, ngăn ngừa những việc không được làm, gọi là bậc năng tương trợ. Vì vui mừng ủng hộ những việc nên làm, gọi là bậc tương trợ thù thắng. Vì năng khai thị những việc nên làm, những việc không được làm, gọi là bậc tương trợ hết lòng. Vì tùy chỗ sanh khởi tất cả nghi hoặc đều năng khiến trừ, gọi là bậc năng dẫn dắt. Vì đều năng khiến trừ ác tác ưu hối, gọi là bậc dẫn dắt thù thắng. Vì đều năng khiến trừ tất cả phiền não và tùy phiền não, gọi là bậc dẫn dắt hết lòng.

Người năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc: vì nghĩa chưa hiển rõ năng hiển phát, vì nghĩa đã hiển phát khiến trong sáng rõ ràng. Vì nghĩa cú thăm sâu dùng tuệ thông đạt, rộng khai thị; vì thế làm quỹ phạm, làm tôn trọng, làm chỗ nương tựa, gọi là bạn thứ hai. Theo đó mà triển chuyển bạn, gọi

là bạn lành. Xa xưa đồng vui nơi cư gia, gọi là bạn cũ. Cha mẹ thân tộc xoay vần hệ thuộc lẫn nhau, gọi là người gần gũi thương yêu. Nếu chẳng phải quyến thuộc mà thí ân huệ, gọi là người có ân.

Nói nghĩa lợi là việc mong cầu năng dẫn nghĩa lợi, vì đây mà vui gọi là vui nghĩa lợi. Lợi ích gọi là thiện hạnh, vì đây mà vui gọi là vui lợi ích. An lạc là an trụ an ổn, có nghĩa lợi ích thân tâm, vì đây mà vui gọi là vui an lạc. Nương hiện pháp vui gọi là vui an ổn, nương hậu pháp vui gọi là vui tương ưng an ổn. Ở nơi tất cả sự việc, hiển hiện chân chánh thuận theo, gọi là tín thuận. Nếu ở nơi bổ-đặc-già-la kia mà phát khởi tín thuận, gọi là tín. Sau khi hiển bày công đức và uy lực tuệ thù thắng của bổ-đặc-già-la kia rồi, tức có người ở pháp của bậc kia mà phát khởi tín thuận, thuận theo môn chánh lý, gọi là tịnh tín. Tức do lực tăng thượng như vậy, cho đến lông trên thân dựng đứng, cảm động rơi lệ, hết thấy hành động của người kia như vậy là tướng tịnh tín. Sau khi người kia đã nghe hết thấy công đức uy lực của bậc ấy rồi, ở nơi các oai nghi đi đứng... hằng thường tin chân thật công đức, gọi là tín thuận làm theo.

Nói dục, là nếu ở nơi đây vui làm vui được. Tinh tấn: dũng mãnh phát khởi gia hạnh rồi tâm. Nỗ lực sách tấn: đã dũng mãnh, lại chân chánh siêng năng tu học ở nơi gia hạnh kia. Cương quyết: đã phát siêng tinh tấn rồi trọn không mệt mỏi phớt bỏ, không hoại mất, không thối lui. Siêu vượt: ân trọng tinh tấn. Uy thế: đầu đêm, giữa đêm mặc áo giáp tinh tấn. Sách tấn: hoặc như chỗ đã nói mặc giáp phát siêng tinh tấn, hoặc lại tăng thêm uy lực mạnh mẽ, dũng mãnh phát siêng tinh tấn.

Thấy sâu lợi ích thù thắng của quả kia, gọi là dũng nhuệ. Lúc siêng tu, năng kham nhẫn chịu ước lạnh... gọi là dũng mãnh. Do khéo rõ biết trước sau sai biệt, ở nơi sự chứng đắc thù thắng sai biệt vượt hơn, thâm sanh tín thuận, thành tựu tinh tấn, gọi là khó chế phục. Ở nơi những điều chứng đắc thấp kém, khéo tiến tu không khiếp sợ lui sụt, gọi là không vui đủ.

Nói khích lệ tâm, là trong lúc phát siêng tinh tấn có các ma sự, những việc chướng ngại, tất cả phiền não và tùy phiền não, cực khéo nhận ra thông hiểu, nhanh chóng quán sát khiến tâm tĩnh lặng. Thường hằng, tức ở trong chánh gia hạnh



đây năng thường tu làm, năng không xả ách. Chánh tín là khi Đại sư thuyết chánh pháp, ở nơi chánh pháp đã lắng nghe rồi, thu được tịnh tín. Không phóng dật là đã được tịnh tín, ở trong pháp lạc vượt khỏi các chướng ngại, phòng hộ tâm, hằng thường phát khởi tu tập thiện pháp. Du-già là thọ trì, đọc tụng, luận vấn, quyết trạch, chánh tu gia hạnh. Tư duy là theo điều đã thọ trì, quán sát sâu kỹ rốt ráo pháp nghĩa.

Nói nhớ nghĩ, là đối với tất cả pháp nghĩa đã quán sát, không bị quên mất; ở nơi điều đã làm, điều đã nói từ lâu xa, năng chân chánh theo đó nhớ nghĩ. Tâm tư là nương pháp nghĩa như vậy không điên đảo, chỗ phát khởi tâm tư... thì xa lìa. Trí: gia hạnh diệu tuệ xuất thế gian. Hiểu: chánh thể diệu tuệ xuất thế gian. Tuệ: đã chứng đắc tuệ xuất thế gian, về sau chứng đắc diệu tuệ thế gian. Quán sát: do tác ý quán sát không điên đảo, quán sát sâu kỹ đã đoạn, chưa đoạn, còn sót thừa, không sót thừa. Phạm hạnh: tám Thánh đạo chi và xa lìa pháp phi phạm hạnh, tập quen dâm dục. Nói an trụ phạm hạnh còn lại, là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Kia do sự nhiếp thọ của ba xứ: do Xa-ma-tha,

do Tỳ-bát-xá-na và do tu thân niệm, như chỗ thích hợp là tự tánh kia, phẩm loại kia. Trong đây tín, niệm đều thông hai phẩm.

Lại, Đại sư đây cũng được xưng khen là đệ nhất, vì hành nghĩa tự lợi; cũng xưng khen là tôn quý, vì hành nghĩa lợi tha; cũng xưng khen là thù thắng, vì hành cả hai nghĩa; cũng xưng khen là cao cả, vì chiếu sáng bao trùm tất cả ngoại đạo; cũng xưng khen là vô thượng, vì chiếu sáng bao trùm tất cả Thanh văn, Độc giác, Trung thừa, Hạ thừa.

Lại có cách nói khác. Đệ nhất: vì khéo viên mãn cùng những người thế gian. Tôn quý: vì khéo viên mãn cùng các Thanh văn. Thù thắng: vì khéo viên mãn cùng các Độc giác. Cao cả: vì ở nơi phiền não chướng được thanh tịnh. Vô thượng: vì ở nơi sở tri chướng được thanh tịnh.

Lại có cách nói khác. Đệ nhất: vì ở Dục hành khéo đắc viên mãn. Tôn quý: vì ở Sắc hành khéo đắc viên mãn. Thù thắng: vì ở Vô sắc hành khéo đắc viên mãn. Cao cả: vì siêu vượt tất cả ba cõi thế gian, khéo viên mãn. Vô thượng: vì khéo đắc viên mãn xuất thế gian. Hữu tình không chân như rắn, hữu tình hai chân như người, hữu tình bốn chân

như trâu, hữu tình nhiều chân như loài trăm chân, hữu tình hữu sắc từ Dục giới cho đến Đệ tứ tinh lục, hữu tình vô sắc từ Không vô biên xứ cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, hữu tình hữu tướng từ Dục giới cho đến Vô sở hữu xứ (trừ trời Vô tướng), hữu tình vô tướng thuộc trời Vô tướng. Hữu tình chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng sở hữu sanh thiên ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy nói lược phẩm loại sai biệt, hiển thị Như Lai là đệ nhất ở trong ba loài: loài xuân động, loài nương thân và loài nương tâm.

Lại nữa, nói tuệ năng đắc là tổng nhiếp tất cả sở hữu thiện tuệ năng dẫn nghĩa lợi, khéo sanh trưởng tăng ích. Tuệ rộng lớn là chỗ có tuệ phẩm nhuyễn, trung, thượng tăng tiến sai biệt. Tuệ thanh tịnh là tuệ do đời trước xuyên suốt tu tập, trải qua nhiều thời khiến thành thục. Tuệ thành biện là tuệ đối với các phiền não biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ. Tuệ viên mãn tức thiện tuệ đầy đã đến rốt ráo. Tuệ không gián đoạn tức thiện tuệ đầy đã triển chuyển thành pháp bất thối, rốt ráo xuất ly. Tuệ nhạy bén là tuệ rõ biết nhanh chóng. Tuệ nhanh chóng là tuệ không trệ ngại. Tuệ thông lợi

là tuệ khéo liễu tri tận sở hữu và như sở hữu. Tuệ xuất ly là tuệ năng khéo liễu tri đối với pháp xuất ly và ly dục thế gian. Tuệ quyết trạch là tuệ năng liễu tri đối với các pháp ly dục xuất thế gian. Tuệ thăm sâu là tuệ năng liễu tri các pháp tùy thuận tánh Không thăm sâu, tương ưng duyên khởi, vì năng như thật khéo thông đạt ở nơi tất cả nghĩa cú thăm sâu. Trong đây đã chế lập tuệ Như Lai, thì tuệ Thanh Văn... năng tùy theo đó mà hiểu rõ.

Lại, nói tuệ lớn tức là tuệ đầy trường thời xuyên suốt tu tập. Tuệ rộng tức tuệ đầy cảnh sở hành vô lượng vô biên. Tuệ không gì sánh, vì các tuệ khác không gì có thể sánh xứng. Tuệ bảo, vì ở trong các căn, tuệ là thù thắng hơn cả, như bảo châu ma-ni năng hiển phát khiến bảo Tỳ-lưu-ly-luân-vương tịnh sáng. Vì tuệ đầy tương ưng với thí dụ kia nên đều được danh là tuệ bảo.

Lại, nói tuệ nhân là tuệ câu sanh. Tuệ minh, do người dẫn, tức là tuệ do từ người dẫn mà khéo gia hạnh. Tuệ quang là tuệ thành tựu do gia hạnh văn, tư. Tuệ chiếu sáng là tuệ thành tựu do tu. Tuệ đấng là tuệ ở nơi sở thuyết kinh điển Như Lai, kiến lập khai thị thăm sâu... Tuệ nền là tùy lượng, tùy thời

năng tùy chuyển giáo pháp. Tuệ chiếu là ở nơi các pháp kia, dùng diệu tuệ năng khéo liễu tri, tuy khéo liễu tri nhưng chỉ do người mà chuyển, chưa phải do tự thân chứng đắc. Tuệ không ám là tự thân tác chứng. Tuệ căn là sở hữu các tuệ do ở nơi sở chứng khác năng liễu tri khắp lực tăng thượng. Tuệ lực là tuệ do tự mình chứng đắc trước sau sai biệt, năng liễu tri khắp lực tăng thượng; tuệ đây do nương đạo lý pháp nên không bị thối khuất. Tuệ tài là dụng tuệ năng chiêu cảm dẫn tất cả giàu sang thù thắng tự tại, thành tựu tự tâm được tự tại hành chuyển. Trong đây, tuệ bảo là thù thắng hơn cả trong tất cả tài bảo, năng là nhân căn bản của tất cả của cải trần bảo thế gian. Tuệ kiếm và tuệ đao năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả kiết. Tuệ gậy năng phòng hộ xa tất cả phiền não thiên ma ác. Tuệ dây cương là tuệ nắm giữ con ngựa ý căn phi nhanh vào Thiện hạnh địa. Tuệ không đọa, vì khiến các thân phần không tan hoại. Tuệ tường thành, vì khắp ở tất cả triển chuyển một môn. Tuệ thêm bậc là đạo gia hạnh. Tuệ bảo điện, tức là đến cứu cánh. Vì muốn hiển thị hết thấy ba tường thành, lại thuyết ba chủng, đó là giới trí, chủng chủng giới trí và không

phải một giới trí.

Lại, nói chánh kiến tức năng khéo thông đạt chân thật pháp. Tuệ hữu học là tuệ như lý tác ý năng dẫn phát tâm thiện giải thoát, tuệ thộn giải thoát; lại về sau có các tuệ hữu học nhiếp thuộc quả Dự lưu, quả Nhất lai và quả Bất hoàn; lại các tuệ vô học nhiếp thuộc A-la-hán Bồ-đề, hoặc nhiếp thuộc Độc giác Bồ-đề, hoặc nhiếp thuộc Như Lai tối thắng Vô thượng Bồ-đề.

Sao gọi là giới trí? Vì trí năng rõ biết chủng chủng cõi giới, hoặc năng rõ biết mười tám giới, gọi là không phải một giới trí; vì trí năng thông đạt rõ biết hướng đến phẩm loại sai biệt của giới kia, địa kia, bổ-đặc-già-la kia, hoặc năng rõ biết giới kia có chủng chủng phẩm loại, gọi là chủng chủng giới trí.

Lại, nói vi tế vì năng nhập nghĩa chân thật thâm sâu. Thâm xét tất cả, vì năng chứng nhập đầy đủ tất cả nghĩa. Thông minh, vì tuệ tương ứng với dẫn phát. Tuệ triết, vì tuệ tương ứng với câu sanh.

Lại, nói nhãn vì năng nắm lấy việc hiện thấy. Trí vì năng nắm bắt việc không hiện thấy. Minh vì hiểu biết nhập vào tận sở hữu của sự việc. Giác vì

hiếu biết nhập vào như sở hữu của sự việc. Hành nghĩa: nhiếp thiện pháp do *tư* mà thành tựu. Hành pháp: nhiếp thiện pháp do *văn* mà thành tựu. Hành thiện: nhiếp thiện pháp do *thí, giới* mà thành tựu. Hành điều nhu: nhiếp thiện pháp do *tu* mà thành tựu.

Lại, nói thiện thuyết, vì khéo viên mãn các văn cú. Thiện giác: năng khéo hiện thông hiểu tất cả nghĩa. Xuất ly: là đạo thế gian, đoạn trừ các khổ, đắc xuất ly. Hướng đến Đẳng giác: là đạo xuất thế, vì vượt qua các khổ, năng chân thật hiện Đẳng giác. Không sai biệt: tướng văn nghĩa thuyết của thầy và đệ tử không chống trái nhau, thấm nhuần phần tán. Có tháp vững chắc: tất cả thiên ma ngoại đạo và người thế gian khác không thể khuynh động. Có chỗ nương: vì đầy đủ bốn nương không hoại mất.

*Đại sư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác*, đây là các cú về giáo sở thuyết thiện thanh tịnh. Trong các cú đây lược hiển bốn chủng khéo thuyết pháp luật tối cực viên mãn. Đó là cú thứ nhất hiển văn nghĩa viên mãn. Cú thứ hai hiển quả viên mãn. Cú thứ ba hiển hạnh viên mãn. Một cú sau cùng hiển bậc thầy viên mãn.

Lại nữa, pháp của chư Phật Thế Tôn có nhân duyên: vì có duyên khởi, nên chế lập “tất cả học xứ”. Có xuất ly: vì đã hủy phạm, nên chế lập “như pháp trở lại ra khỏi xa lìa”. Có chỗ nương: vì bốn nương, chế lập “vượt qua tất cả ác giới luật, các sự hủy phạm”. Có vượt qua: vì chế lập “xa lìa biên thọ dụng dục lạc, biên tự khổ hạnh, thuận theo đó ứng dụng khiến thành tự”. Có thần biến: vì ba chủng hiển hiện thần biến, vì khiến thu được thần thông nhanh chóng, không gián đoạn, chế lập “chân chánh dạy trao không gián đoạn”.

Lại nữa, nay rộng thuyết Thí. Nói xả, giải thoát: vì hồi hướng Niết-bàn, vì không buộc đăm trong quả bố thí. Thường duỗi tay: ân trọng rộng thí. Vui xả bỏ: trước khi thí, đang khi thí và sau khi thí, ý vui thanh tịnh, không nhớ lại hồi tiếc. Thí tế tự: một hương như pháp, không dùng sự bất thiện để tích chứa tài vật, mọi lúc đều luôn trải khắp vật thí mà thí xả. Xả viên mãn: vì ở nơi ruộng phước mà phụng hiến. Ở trong huệ thí vui phân bố: vì đối với cha mẹ, vợ con... luôn phân bố bình đẳng. Tất cả như thế tổng cộng có sáu thí: 1. Thí không chỗ nương; 2. Thí rộng lớn; 3. Thí hoan



hỷ; 4. Thí luân luân; 5. Thí ruộng, đất đai; 6. Thí quyển thuộc nhiếp thọ. Trong đây nương theo phẩm loại thời gian, nơi chốn bố thí mà thuyết.

Lại nữa, nay rộng thuyết Giới. Trong Ôt-Đà-Nam nói:

*Thi-la, pháp, sát sanh*  
*Thuyết rộng đầy đủ giới.*

Nói giới luật, vì ở nơi sự nhiệt nã do tội hủy phạm tịnh giới, mà năng tịch tĩnh, lại vì tương ưng với nghĩa thanh lương. Luật nghi: vì xa lìa tướng tự thể. Đầy đủ: chánh nhiếp thọ không hối hận... Thanh tịnh: hiện hành nhiếp thọ Tam-ma-địa. Nói thiện: năng nhiếp thọ quả khả ái. Không tội: năng nhiếp thọ lợi mình người. Không hại: năng bỏ hết thảy sự đấu tranh, chống đối, cầm nắm dao gậy... Tùy thuận: thuận theo chúng đặc các quả Sa-môn và sở hữu công đức thù thắng khác. Ẩn giấu: thường ẩn che thiện pháp của mình. Hiển phát: thường tự phát lộ pháp ác của bản thân. Đoan nghiêm: nhiếp thọ đầy đủ sở hữu vật trang nghiêm của Sa-môn như thiếu dục... Ruộng phước: nhiếp thọ chánh kiến, quỹ phạm, tịnh mạng, viên mãn đức. Không nhiệt:

xa lìa biên tự hành khổ. Không nã: xa lìa biên thọ dụng dục lạc. Không hối hận: chân chánh xa lìa sự nhiễm ô ưu buồn, không an vui.

Lại, nói thiện thuyết pháp vì nhiếp thuộc đạo lý, vì giữ gìn chuyển vận đức thù thắng. Tỳ-nại-da: thuận theo năng diệt tất cả phiền não. Bạc thánh: xa lìa tất cả pháp tạp nhiễm ô, khiến kia không sanh khởi. Nói thiện: năng cho quả khả ái vô tội. Nên tập: phải thân cận tu tập. Lành thay: là các Thánh hiền xưng khen một sự việc nào đó.

Lại, nói sát sanh tức nói rộng phẩm hắc, phẩm bạch như trong *Có tâm có tứ* địa đã thuyết. Lại nói đầy đủ giới... đều rộng thuyết: tức là an trụ đầy đủ giới, cũng năng phòng hộ giữ gìn luật nghi Biệt giải thoát cho đến nói rộng. Mật hộ căn môn: hoặc phòng hộ giữ gìn niệm, hoặc thường thuận theo niệm cho đến nói rộng. Ở nơi ăn biết lượng: ở nơi việc ăn uống, tư trạch mà ăn, không vì vui thích sung mãn, không vì kiêu ngạo phóng dật, cho đến nói rộng. Đi đứng qua lại, an trụ chánh biết cho đến nói rộng. Tất cả như vậy nên biết đê rộng thuyết trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, nay rộng thuyết Đạo. Trong Ót-Đà-

Nam nói:

*Niệm trụ, chánh đoạn  
Thân tức, căn lực  
Giác chi, đạo chi  
Vô lượng theo sau.*

Vì muốn siêng tu bốn niệm trụ, nên phát khởi vui muốn mãnh lợi phẩm thượng: tức là vì đoạn trừ lỗi lầm của tác ý bất chánh. Tinh tấn: siêng năng sách tấn vì muốn đoạn trừ các lỗi lầm chậm chạp. Siêng năng sách tấn: vì đoạn trừ các lỗi lầm của hai tùy phiền não hôn trầm và trạo cử. Dũng mãnh: vì không tự khinh miệt. Dũng nhuệ: vì năng đối kháng ngoại địch. Không thể chế phục: vì không sanh vui đủ đối với ít phần chứng đắc thấp kém. Chánh niệm: vì không quên mất dạy trao. Chánh biết: vì không hủy phạm cấm giới. Không phóng dật: không xả ách thiện. Trụ nhiệt quang: năng tu pháp đối trị giải đãi. Chánh giải: vì năng tu pháp đối trị hủy phạm. Niệm thành tựu: vì năng tu pháp đối trị quên mất chánh niệm. Điều phục thế gian: vì năng tu tất cả pháp thế gian chân chánh đối trị tham ưu. Trong đây hiển thị siêng tu niệm trụ, tức là các Bí-sô... cần phải tu tập bốn chủng đối trị.

Lại nữa, chỗ có tên gọi sai khác của các chánh đoạn, các thần túc, như đã thuyết rộng trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, ở chỗ Như Lai an lập chánh tín... nói rộng nên biết như phần *Nhiếp quyết trạch*; an trụ có thể lực, có tinh tấn, có đồng mãn... nên biết nói rộng như *Bồ-tát địa*.

Lại nữa, tư trạch các pháp, tư trạch thẳm sâu, tầm tư toàn khắp, quán xét toàn khắp, nói rộng như *Thanh văn địa*. Đã đạt được tác ý chân vô lậu, duyên cảnh thánh đế, tác ý tương ưng tất cả vô lậu, gọi là trạch pháp. Tư trạch: tổng hợp chung tất cả chủng loại pháp khổ là Khổ thánh đế. Tư trạch thẳm sâu: phân tích nắm lấy từng phần riêng của các khổ, tức là sanh khổ, lão khổ... Cực tư trạch pháp: tức nương xứ đây chọn lựa pháp như Khế kinh... Vì cơ sao? Vì nương đây, nên trước hết huân tu thực hành.

Lại, tư trạch: quyết định hiểu rõ sâu xa. Tư trạch thẳm sâu: quyết định hiểu rõ sâu xa hết thấy. Cực tư trạch pháp: quyết định hiểu rõ sâu xa hết thấy những điều gần. Ở phần trước là tìm hiểu đạo, phần này là quyết định đạo.

Lại có cách nói khác. Nói hiểu rõ, vì ở nơi sự sở tri, tác ý phát khởi hiểu biết. Hiểu rõ hết thảy: vì đã phát khởi hiểu biết rồi, phương tiện tìm hiểu. Hiểu rõ gần: tìm hiểu rồi, xác quyết. Thông suốt sáng rõ: vì rõ biết phân biệt thể. Thông đạt: vì thông đạt sự sở tri.

Lại, thông suốt sáng rõ: vì rõ biết tự tướng. Thông đạt: vì rõ biết cộng tướng. Quán sát sâu: năng quyết định nắm giữ tận sở hữu, như sở hữu, trước sau dần dần tăng trưởng bội phần. Thông duệ: ở trong nghĩa kia trước sau thứ lớp không quên mất. Giác: kham năng chọn lựa, tuệ câu sanh. Minh: tuệ do huân tập mà thành tựu. Tuệ hành: năng thọ trì, đọc tụng, luận vấn, quyết trạch thù thắng, liễu biệt tăng thượng, tức ở nghĩa kia triển chuyển tăng trưởng phân minh, siêng năng tu tập tuệ. Tỳ-bát-xá-na: ở nơi nghĩa đã liễu biệt trước, quán sát sâu xa. Trải qua nhập vào: trước tầm tư ở nơi cảnh sở duyên, trải qua tác ý tư duy nên tâm nhập vào. Nạp thọ: năng thâm nhiếp lãnh thọ kia. Thôi thúc tâm: tức là nắm lấy các tướng kia. Cực thôi thúc tâm: tức là nắm lấy tướng tùy hảo của kia.

Lại có cách nói khác. Thôi thúc tâm: vì tâm

mong cầu tìm hiểu. Cực thôi thúc tâm: vì tâm tư duy quán xét. Thôi thúc tâm cùng tột: vì ở nơi được mát, thúc đẩy chọn lựa tâm tư cực bén nhạy. Vì thánh giáo làm chỗ nương mà khởi tâm cầu, gọi là tâm tư. Vì hiện lượng làm chỗ nương, gọi là tư duy. Vì tỷ lượng làm chỗ nương, gọi là phân biệt. Chán lìa: tăng thượng ý lạc, phát khởi quyết định ở nơi hạnh viễn ly. Xa lìa: từ người nên thọ biên xa lìa. Tùy lìa: thọ rồi về sau năng phòng hộ giữ gìn giới kia. Hoàn lìa: nếu đã phạm rồi, tức năng như pháp hối trừ; từ đây về sau dừng nghỉ, hành trì luật nghi, tùy phòng hộ giới. Dừng nghỉ: đầy đủ sự nhu hòa nhẫn nhục. Luật nghi: đầy đủ thiếu dục từ tâm... Mật hộ căn môn: tức tự mình không gây tạo. Không gây tạo: do không tác động đến người khác. Không hành: do rõ biết chân chánh nên không hiện hành. Không phạm: không do quên mất chánh niệm mà hiện hành. Cầu dò: vì nương đây vượt qua pháp ác. Phao nổi: nương đối trị, thế năng chuyển vận si cuồng, lạc đường, khiến vượt thoát đi ngược các pháp chướng ngại. Không hỷ lạc: ở nơi hạnh viễn ly tăng thượng ý lạc rất đầy đủ sung mãn. Không trái vượt: vì ở trong tất cả nhóm sở học, vì

không hủy phạm, vì không xả bỏ. Không trái vượt khác: ở nơi một phần sở học, vì không hủy phạm, vì không xả bỏ. Niệm: vì tâm an trụ. Niệm hết thấy: là tâm an trụ đẳng trụ... như vậy nói rộng 9 chủng tâm trụ sai biệt. Tướng đây đã thuyết trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Trí, tuyên thuyết, thiện, dục  
Bùng cháy, riêng, xa trần  
Nhu bệnh thấy, giải thích  
Ngã đoạn, tận sanh thấy  
Gồm trời, thế, chúng sanh  
Nương thấy, ngã tác thấy.*

Nói trí, tức tuệ do lắng nghe lời nói làm tiền dẫn. Kiến: tuệ do kiến lời nói làm tiền dẫn. Giác: tuệ do nhận biết lời nói làm tiền dẫn. Tri: tuệ do hiểu biết lời nói làm tiền dẫn. Trí: biết cảnh chẳng hiện thấy. Kiến: thấy cảnh hiện thấy ở trước. Minh: thông hiểu, ngược lại vô minh. Giác: thật có nghĩa. Trí giác: trí hiểu biết không tăng thêm những gì chẳng thật có. Tuệ: đặc tuệ do cầu sanh sanh khởi. Minh: tuệ do gia hạnh huân tập mà thành tựu.

Hiện quán: ở bên trong hiện quán các pháp rồi, đối với các pháp chẳng phải không hiện thấy, chẳng cần duyên trí khác.

Lại nữa, nói tuyên thuyết tức nhân người thỉnh hỏi mà vì họ ký biệt. Thi thiết: do lời và dục, thứ lớp kết nối danh, cú, văn thân. An lập: đã thứ lớp kết nối rồi, tóm lược vì người thuyết. Phân biệt: đã lược thuyết rồi, phân biệt khai thị giải thích nghĩa ấy. Khai thị: năng triển chuyển đoạn trừ chỗ sanh nghi hoặc của người. Hiển phát: tự thông đạt nghĩa cú thẳm sâu, vì người hiển dạy. Dạy: không nhân người phát khởi thỉnh hỏi, chỉ vì ai mãi nên thuyết pháp khai thị. Khai thị khắp: diễn thuyết không gián đoạn, không lấy quyền làm thầy, không ôm lòng che giấu.

Lại nữa, lúc đầu thiện tức khi lắng nghe sanh hoan hỷ. Lúc giữa thiện: khi tu hành không ngại vất vả khổ nhọc, nương hành trung đạo, xa lìa hai biên. Lúc sau thiện: cực rốt ráo lìa các cấu và tất cả rốt ráo ly dục làm ngăn mé sau. Diệu nghĩa: năng dẫn phát lợi ích an lạc. Văn thiện xảo: khéo kết nối danh thân... và lời đầy đủ viên mãn. Thuần nhất: không cùng chung với ngoại đạo. Viên mãn:



vì không hạn lượng nên tôn quý thù thắng hơn cả. Thanh tịnh: vì tự tánh giải thoát. Sáng sặc: vì tương tục giải thoát. Phạm hạnh: là tám Thánh đạo chi. Nên biết đạo đây nương chỗ hiển thuyết của bốn chủng diệu tướng như thuận nhất.. Lắng nghe kỹ: ở nơi tướng pháp như vậy, khích lệ khiến lắng nghe sâu xa. Nên khéo khẩn thiết: khuyến khích khiến không điên đảo, như lý tư duy ân trọng, không gián đoạn.

Lại nữa, nói dục mãnh lợi, như tác nghĩ: “Đối với việc kia, ta nên làm gì?”, cho đến nói rộng. Yêu thích mãnh lợi: ở trong việc tu tập, gia hạnh chân chánh. Vui mãnh lợi: đối với bậc tuyên thuyết và Đại sư, những bậc đáng tôn trọng... Tín mãnh lợi: đối với giáo pháp, dạy trao dạy răn.

Lại nữa, nói năng bùng cháy tức là nhanh chóng chứng đắc thông tuệ, trọn không tự nhàn hạ, trì hoãn, phát siêng tinh tấn kiên trì cho đến về sau. Thuận Du-già: tôn trọng lời dạy mà huân tu gia hạnh hoặc bằng hoặc hơn, trọn không giảm dần suy thối. Năng vĩnh viễn đoạn trừ: năng tu tập đối trị phiền não. Năng nhàn cư: nương cư trú ở chốn viễn ly, nơi bờ vắng, tu Tam-ma-địa khiến

hiện tại tiền, nương Tam-ma-địa tu tập đối trị.

Lại nữa, riêng tức ở chốn viễn ly, nơi bờ vắng, không an trú xứ thứ hai. Xa lìa: đối với các sự nhiễm ô vô ký, không hiện hành tác ý. Không phóng dật: ở nơi tâm tư pháp ác như dục... phòng hộ tâm, lại tự an đặt mình nơi các phẩm thiện. Bùng cháy: như trước đã thuyết. Phát khởi: bên trong gìn giữ tâm, đoạn trừ năm cái; lại do đây nên phát khởi khiến trừ kia khiến đến nơi an ổn vô thượng.

Lại nữa, nói xa trần lìa cấu. Trần: trí đã sanh, nhưng chưa đến rốt ráo; năng chướng ngại hiện quán, hoặc có gián đoạn, hoặc không gián đoạn, hiện ngã mạn chuyển. Cấu: sở hữu thô trọng của phẩm ngã mạn và phẩm kiến đoạn. Vì vậy tất cả kia vĩnh viễn đều không, nên gọi là xa trần lìa cấu.

Lại, trần là ngã mạn và tất cả phiền não kiến sở đoạn. Cấu: sở hữu thô trọng của hai phẩm. Ở trong pháp: an trú trong sở hữu tự tướng và cộng tướng của pháp. Pháp nhãn: tuệ như thật hiện chứng “duy chỉ có pháp”. Pháp kiến: ở nơi khổ... như thật thấy. Pháp đắc: tùy chứng đắc quả Sa-môn. Pháp tri: đã chứng đắc rồi, như điều đã chứng năng tự rõ biết: “Ta là Dự lưu, ta đã chứng đắc

pháp không thối đạo”. Pháp chí thành: vì lực hiện quán để tăng thượng, thành tựu chứng tịnh; đối với Phật Pháp Tăng và Giới mà bậc thánh yêu thích, tự mình đã chứng đắc, dụng chánh tín như thật chí thành thực hành. Vượt qua hoặc: ở nơi sự chứng đắc của bản thân. Vượt qua nghi: ở nơi sự chứng đắc của người. Chẳng được duyên nơi người: ở nơi pháp đây, bên trong tự mình chứng đắc, chẳng phải chỉ lắng nghe theo người. Chẳng bị điều khác dẫn đoạt: ở nơi thánh giáo của Đại sư, không bị tất cả ngoại đạo, dị luận khác dẫn đoạt. Ở trong các pháp được vô sở úy: ở nơi chứng đắc của bản thân, nếu bị người cật vấn quyết không hãi sợ. Ngược dòng: vì đã chứng thánh đạo. Thú hưởng: ký thần thông rớt ráo đi vào các cõi, không thối trở lại. Lại có sự sai khác, nên biết kiến lập hai chủng pháp là thế tục và thắng nghĩa.

Lại nữa, nay thuyết như bệnh cho đến nói rộng. Sao gọi là hiển thị kia như bệnh... chẳng phải chỉ thuyết kia như trọng bệnh cho đến nói rộng? Người tu hành trước như thật dụng hành vô thường... ở trong sự kia như thật chê trách, khởi tư duy đây như bệnh... thật đáng nhàm chán trái lìa. Vì muốn

không hòa hợp với kia, nên kể đến thuyết hành vô thường... như thật hiển thị quán sát quả kia. Vô thường: vì hiển hiện sanh của thân cùng với sát-na đều triển chuyển. Sát-na triển chuyển: do xúc kia sanh khởi tận diệt, nên thọ kia cũng sanh khởi tận diệt; thấy đây tương tục, chẳng phải không hiện thấy, chẳng phải duyên trí khác. Khổ: có hai chủng khổ, đó là các khổ như sanh... và các sở hữu thọ đều nói là khổ. Hai chủng khổ đây như chỗ thích hợp do thấy hữu của sanh thân triển chuyển nên được hiểu biết nhập vào. Tức là chết: không gián đoạn, có hữu của sanh thân sanh khởi, sanh rồi lại có lão... các khổ. Cho nên thuyết là vô thường nên khổ, do thấy sanh thân có triển chuyển, cho nên nhận biết được tánh khổ.

Sao gọi là các sở hữu thọ đều nói là khổ? Các thọ lạc biến hoại nên khổ. Tất cả thọ khổ sanh rồi trụ nên khổ. Thọ không khổ không lạc, thể là vô thường, là pháp hoại diệt nên nói là khổ. Trong đây, thọ lạc do vô thường nên tất có biến hoại. Tất cả thọ khổ do vô thường nên sanh trụ tương tục đều sanh khởi khổ. Thọ không khổ không lạc đã hoại diệt rồi, do vô thường nên gọi là khổ. Đã sanh

khởi tức pháp hoại diệt, nên cũng gọi là khổ. Pháp hoại diệt đây vì hai kia đỗi theo, vì tương ứng với hai kia, nên cũng gọi là khổ.

Sao nói phải quán thọ lạc là khổ? Do thọ đây là tùy miên của tham. Do tùy miên nên đương lai nắm giữ khổ, ở trong hiện pháp năng sanh hoại khổ. Như vậy phải quán thọ lạc là khổ.

Sao nói phải quán thọ khổ như tên? Tức là quán như tên độc, cho đến hiện tiền thường nảo hoại.

Sao nói thọ không khổ không lạc, thể là pháp vô thường hoại diệt? Đã diệt tức là vô thường. Đương lúc chưa diệt cũng chính là pháp hoại diệt. Nếu vô thường, từ đây lại sanh hoặc lạc hoặc khổ. Pháp hoại diệt thì trọn chẳng thoát khỏi hai chủng khổ, lạc. Không: tức là pháp chân thật, không thường, không hằng, biến đổi. Vô ngã: vì xa lìa ngã, vì nhiều duyên sanh, vì không tự tại.

Lại nữa, nói giải thích, vì năng hiển thị tự tánh kia. Khai thị: vì hiển thị đây nên biết khắp, vì đây nên vĩnh viễn đoạn... sai biệt. Hiển rõ: năng hiển thị nếu chẳng vĩnh viễn đoạn, nếu không biết khắp thấy, thì thành quá hoạn. Liễu: là tác ý liễu

tướng. Giải: là tác ý thắng giải. Tri: tác ý viễn ly... Giải liễu: vì rõ được tự tướng. Cận giải liễu: vì rõ được cộng tướng. Liễu tận tướng: vì rõ biết tận sở hữu của kia. Thông đạt: vì rõ biết như sở hữu của kia. Xúc: nhiếp vào phạm hạnh ở trong tám Thánh đạo chi. Tác chứng: quả của kia là Niết-bàn.

Lại nữa, nói ngã, tức ở năm thủ uẩn, hành ngã, ngã sở kiến hiện tiền. Hữu tình: các bậc hiền thánh vì như thật rõ biết “chỉ có pháp”, lại không biết khác, lại vì rõ biết ở nơi hữu tình kia có ái trước. Ý sanh: đây là tánh chủng loại ý. Nho đồng (ma-nạp-phước-ca): nương ở nơi ý hoặc cao hoặc thấp. Dưỡng dục: vì năng tăng trưởng nghiệp hậu hữu, vì năng tạo tác tất cả dụng sĩ phu. Bồ-đặc-già-la: năng lớp lớp tiến đến nhập vào các cõi không biết chán đủ. Mạng giả: sống hòa hợp hiện tiền tồn tại hoạt động. Sanh giả: đầy đủ sở hữu pháp như sanh...

Lại nữa, cần đoạn các ái, dừng dứt các kiết tức là khi đắc hiện quán thánh đế, liền năng vĩnh viễn đoạn ba kiết; ở tất cả cõi, ái hậu hữu không hiện hành trở lại. Kia ở thời sau, lớp lớp siêng tu tùy quán sanh diệt, lại năng vĩnh viễn đoạn. “mạn”...

không sót thừa. Cho nên nói rằng năng chánh tu tập vĩnh viễn đoạn các “mạn”. Vì chân thật hiện quán nên tất cả ái tùy miên kia vĩnh viễn đoạn. Do nhân duyên đây, đời đương lai các khổ và các pháp hậu hữu không thể được trở lại, lại năng rốt ráo hết ngăn mé khổ.

Lại nữa, ta sanh đã tận, đó là hữu thứ tám... Phạm hạnh đã lập: ở nơi Thánh đạo, tu rốt ráo nên không trở lại thối thất. Việc làm đã xong: tất cả kiết vĩnh viễn không sót thừa, đã chứng đắc tất cả đạo quả. Không thọ hậu hữu: ở nơi bảy hữu vĩnh viễn tận diệt. Lại, “Ta sanh đã tận” có 2 chủng sanh: 1. Sanh của sanh thân, đây như trước đã thuyết; 2. Sanh của phiền não, đây mỏng nhẹ nên cũng nói là tận. Đây ký biệt quả thứ nhất. Phạm hạnh đã lập: là quả Bất hoàn, phi phạm hạnh như tham... vĩnh viễn đoạn. Việc làm đã xong, không thọ hậu hữu: là quả A-la-hán. Nên biết trong đây ký biệt bốn chủng hành tướng giải liễu.

Lại nữa, trời thế gian là cú chung. Đây có 2 chủng: 1. Kế cả Ma; 2. Kế cả Phạm. Chúng sanh gồm có Sa-môn, Bà-la-môn: hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sanh trong cõi người, vì mong cầu Ma,

Phạm mà tu hành. Chúng sanh gồm có các trời, người: ở trong cõi trời, trừ Ma và Phạm; ở trong cõi người, trừ Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy tổng kết giải thoát ba phược, ra khỏi xa lìa dục tham.

Lại nữa, nay nói Tỳ-nại-da, đoạn trừ, siêu vượt: Tỳ-nại-da do tác ý liễu tướng và tác ý thắng giải; đoạn trừ do tác ý viễn ly...; siêu vượt do tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Lìa hệ: tức là lìa chín kiết. Giải thoát: giải thoát tất cả sanh lão... Lìa điên đảo: do kiến đạo. Nhiều: do tu đạo, kia nhiều tu tập tu đạo, gọi là nhiều. Lợi ích: hành các thiện. An lạc: hành không tổn não. Ai mãn: như có người hành các thiện, hành không tổn não, ai mãn đối với người, vì lấy việc đây làm chỗ mong cầu, vì đáng vui thích, nên được gọi là nghĩa; vì không có tội, vì năng dẫn nghĩa lợi. Làm lợi ích an lạc: đối với kia khởi hành thiện, hành không tổn não. Người: là Sát-đế-lợi... hoặc có người nhân nơi Phật xuất hiện nơi đời, hoặc nhân nơi Tăng khéo thuyết chánh pháp, nên khéo tu hành được nhiều lợi ích, nhiều an lạc; hoặc làm lợi ích an lạc cho mình, thương xót thế gian; hoặc làm lợi ích cho người, hoặc cả hai cùng. Cho nên nói nghĩa lợi ấy là lợi ích an lạc. Trong



đây chỉ thuyết về trời và người: vì kia có năng lực liễu nghĩa, có thể tu chánh hạnh.

Lại nữa, nương là năm thủ uẩn cùng bảy chủng sự được nhiếp thọ, tức là cha mẹ và vợ con... Thủ: là các dục tham, cũng gọi là thủ. Do không an lập và an lập mà nói có bốn thủ. Chỗ nương của tâm: đó là bốn thức trụ. Chấp trước: các phiền não do “nương” phát sanh, tức gọi là triền. Phẩm thô trọng của kia, gọi là tùy miên. Như vậy gọi là nương, thủ, chỗ nương của tâm, chấp trước, tùy miên. Ở trong đây có thức thân cùng tất cả tướng bên ngoài: đó là tướng cảnh giới của ngã, ngã sở, ngã mạn, chấp trước, tùy miên, nhân duyên.

Lại nữa, hành của ngã, ngã sở: tức là hữu thân kiến. Ngã mạn: mạn đây tức các triền kia, gọi là chấp trước; tức thô trọng kia, gọi là tùy miên. Nhiều phần chấp trước: đó là các ngoại đạo. Tùy miên: thông cả hai.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Như Lai, tướng vô thường,  
Đáy cát, bố, vô vi,  
Chẳng có, chẳng tương tục,  
Không, vô thường, không sót.*

Hết thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác: như kinh đã phân biệt. Ứng: vì nên cúng dường. Minh Hạnh Viên Mãn: đó là ba minh, hành, ngă. chặn, hành hạnh, thấy đều viên mãn.

Lại nữa, bốn chủng pháp tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trú thấy đều viên mãn. Trước là hành hạnh, sau là trụ hạnh. Trong đây thar.h tịnh thân ngữ ý nghiệp, hiện hành chánh mạng là hành viên mãn. Mật hộ căn môn là ngă. chặn viên mãn. Do hai chủng đây hiển thị ba chủng bất hộ, pháp vô vong thất của chư Như Lai. Do không gây tạo lỗi lầm tĩnh lự thế gian, ngă. chặn hành tự khổ hạnh. Thiện Thệ: vì trong đêm dài ở tất cả chủng, đều đầy đủ hai chủng công đức là tự lợi, lợi tha. Thế Gian Giải: vì ở nơi tất cả chủng hữu tình thế gian và khí thế gian đều khéo thông đạt. Do khéo ngộ nhập hữu tình thế gian: vì nương tức trụ sanh tử tiền tế hậu tế; vì nương tất cả thời, tám vạn bốn ngàn hạnh sai biệt. Do khéo ngộ nhập ở nơi khí thế gian: tức là phương đông... mười phương vô biên thế giới thành hoại đều khéo rõ biết. Lại ở nơi tự tánh các pháp thế gian, nhân duyên ái vị, quá hoạn, xuất ly, năng hướng đến hành... đều khéo

rõ biết. Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ: vì trí không gì sánh xứng, không gì vượt hơn. Ở trong hiện pháp là bậc Đại trượng phu, phần nhiều điều ngự vô lượng trượng phu, vì tối đệ nhất, vì tôn quý hơn cả. Thiên Nhân Sư: vì có năng lực khiến trời người hiểu nghĩa thâm sâu mà siêng tu chánh hạnh. Phật-Đà: vì rốt ráo đoạn tất cả phiền não kể cả các tập khí, hiện Đăng Chánh Giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bạc-Già-Phạm: vì thần nhiên an trụ ngôi tòa diệu Bồ-đề, nhậm vận hàng phục diệt trừ tất cả quân ma, có đại thế lực. Trong đây Như Lai là chữ chung đầu tiên. Ứng Chánh Đăng Giác...: vì vĩnh viễn giải thoát khỏi tất cả phiền não chướng và sở tri chướng. Riêng chi tiết bên trong lược có 2 chủng, chỗ gọi cộng đức và bất cộng đức. Ở trong cộng đức: như nói giải thoát khỏi các phiền não chướng và sở tri chướng. Các chữ còn lại trong cú Minh Hạnh Viên Mãn... là bất cộng đức.

Lại nữa, ở trong *Kinh Tướng Vô Thường*. Tu: tức là hoặc tu, hoặc tập cho đến nói rộng. Quả tu: tất cả dục tham cho đến nói rộng. Tu sai biệt: thí dụ sai biệt. Tu phương tiện: hoặc trụ a-lan-nhã cho đến nói rộng. Trong đây, hoặc tu: do tác ý liễu

tướng. Hoặc tập: do tác ý thắng giải. Nhiều tu tập: do tác ý còn lại. Lại, hoặc tu: ở nơi sự sở tri mà phát khởi hướng đến. Hoặc tập: tu gia hạnh ân trọng, không gián đoạn. Nhiều tu tập: trường thời tu tập thành thực. Là xứ: vì làm chỗ nương. Là sự: vì làm sở duyên. Tùy thuận: do tác ý tư duy. Xuyên suốt tập: tùy ý muốn mà được không khó khăn. Khéo nhiếp thọ: lắng nghe chánh pháp. Khéo phát khởi: bên trong như lý tác ý tư duy.

Lại, khéo nhiếp thọ: tác ý ân trọng. Khéo phát khởi: tác ý không gián đoạn. Lại, khéo nhiếp thọ: đến cứu cánh. Khéo phát khởi: chánh gia hạnh. Thuận theo Dục tham nên nói ở nơi trạo. Thuận theo Sắc tham nên nói ở nơi mạn. Thuận theo Vô sắc tham nên nói ở nơi vô minh. Nhổ tận gốc: hại diệt tùy miên. Nhanh bề gãy các cành nhánh: vì đoạn diệt kia khiến thiện pháp địa thấp không tăng trưởng, vì dụng sở duyên tướng vô thường hiển thị tướng vô thường, tự tâm tác ý quán vô thường. Lầu gác: giải thoát đồng hành với tướng vô thường. Đòn đồng: nương nhân kia. Dấu vết hình tướng: vì tướng bất tịnh là bậc nhất. vì sở duyên rộng lớn. Rỉ chảy: nhân giải thoát đồng

hành với tướng vô thường, năng hướng đến Niết-bàn. Mặt trời mọc: năng đối trị vô minh tối tăm. Như Luân vương: vô học, tướng vô thường. Như Thành vương: tướng còn lại. Hoặc ở a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở nhà trống, hoặc ở nơi vắng vẻ dưới gốc cây có bóng râm... tức là thâm nhiếp xa lìa giới hạn ngoại cụ. Chỉ có sắc tánh vô thường: tức là chỉ có sắc, đều không có ngã. Phải chánh tu gia hạnh như vậy.

Lại nữa, lược có 4 chủng đi đến đạo và hai chủng chướng đạo. Do nghi nên không thể phát khởi đi đến. Tuy phát khởi đi đến, nhưng do tà tâm tư nên lạc đến xứ khác, đây là do phần tà tâm tư kiến hành. Tuy không việc đây, thì cũng không thể kham nhiệm dạy trao dạy răn. Phẫn: lúc người khuyển can. Khổ não: người xuất gia không được tự tại, ngăn cấm khó khăn, hạnh thô tế... Không vui: sự sân hỗn tạp. Hai chủng đây giống như hầm hố và khe suối, lại là hai chủng năng chướng lộ trình. Tuy không có việc đây, nhưng do lợi dưỡng và cung kính, tuy vào chốn núi rừng vẫn bị chướng ngại. Mãnh lợi: rừng rậm thâm u. Vì cố sao? Tuy xả sự nhiếp thọ mà không thể xả bỏ đây vậy.

Lại nữa, nói có bố tức là có trộm cắp và gian dối. Có úy: tức là có đi qua rừng thâm u, có các ác thú và phi nhân đe dọa. Có châm chích: là tất cả xứ có nhiều gai độc châm chích. Lạc đường: đến xứ khác. Đường ác: không bình an. Năm chủng như vậy hiển khó khăn của lộ trình. Đi vào đường ác: hiển thị gặp phải khó khăn, lạc đường, hành theo đường ác và thân cận không phải thiện sĩ. Không phải thiện sĩ: hiển thị bỏ-đặc-già-la năng hành các lỗi lầm. Các đạo tặc trộm cướp... gọi là không phải thiện sĩ.

Lại nữa, nói không động, vì xa lìa tất cả tướng. Không chuyển: vì dứt tận tham ái, vì không lay động nơi các cảnh giới. Khó thấy: vì thẳm sâu. Cam lồ: tức là sanh lão bệnh tử đều vĩnh viễn tận. An ẩn: vượt qua tất cả tai hoạn khủng bố của người và phi nhân. Thanh lương: vì tất cả khổ đều tịch diệt, rất mát mẻ. Việc thiện: tức là cảnh sở duyên hiện pháp lạc trú. Hướng đến kiết tường: đoạn trừ tất cả cảnh sở duyên phiền não. Không ưu sầu: vượt quá tất cả ái, phi ái. Lại chứng đắc rồi không bị hoại mất. Không chết: vì thường trụ, vì không thối thất trở lại. Không thiêu đốt: tức là

thanh tịnh. Không nhiệt não: vì vĩnh viễn chấm dứt tất cả thiếu thốn ở nơi các dục. Không bệnh: tất cả bệnh, tất cả ung nhọt... đều vĩnh viễn lặn dứt. Không động loạn: tất cả động loạn đều diệt tận. Niết-bàn: tất cả y đều tịch diệt.

Lại nữa, sao là không có ngã, không có ngã sở? Vì ở phạm vi đời vị lai mà nói, ở nơi tánh ngã, ngã sở nhiếp lấy nội xứ, ngoại xứ, nhiếp lấy tự nội thể tánh và nhiếp lấy các sự nhiếp thọ, không sanh khởi mong cầu. Lại vì hiển thị sự mong cầu sở y không sanh khởi và mong cầu thọ của sở y kia cũng không sanh. Ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có: vì ở phạm vi đời hiện tại mà nói, trước quán trạch diệt, đây quán vô thường diệt. Lại vì trước chỉ có mong cầu, vì về sau ở hiện tại quán tánh nhân vô thường.

Lại nữa, nói không tương tục tức đã chết rồi, về sau thức khác không sanh. Không thủ: không chỗ trụ thức, không hướng đến nhập vào sự danh sắc, tự thể vĩnh viễn không sanh khởi. Không sanh trưởng: không có danh sắc thêm tăng rộng. Tất cả hành đều dừng nghỉ: vì ngũ uẩn đều dừng nghỉ.

Lại nữa, nói không, tức xa lìa tất cả phiền

não... Vô sở đắc: xa lìa tất cả tướng sở hữu. Ái tận: không mong cầu sự vị lai. Ly dục: không thọ dụng hỷ lạc hiện tại. Diệt: đoạn phiền não sót thừa. Niết-bàn: là Vô dư y.

Lại nữa, nói vô thường tức là tánh phá hoại, pháp hư bại. Hữu vi: nương tiền tế chỗ có tâm tư. Tạo tác: nương hậu tế chỗ có mong cầu. Duyên sanh: nương hiện đời, lực của các nhân duyên khiến sanh khởi. Có pháp tận: vì tận dứt một phần. Có pháp chết: vì diệt toàn phần. Lại, có pháp tận: vì diệt toàn phần. Có pháp chết: vì tương tục biến hoại. Có pháp ly dục: vì tương ưng với quá hoạn. Có pháp diệt: vì tất cả pháp hữu vi đều có ra khỏi xa lìa.

Lại nữa, “đoạn không sót thừa” là cú chung. Nói vĩnh viễn xả bỏ: đoạn các triền. Vĩnh viễn biến đổi nhả ra: đoạn tùy miên. Vĩnh viễn tận: giải thoát quá khứ. Vĩnh viễn ly dục: giải thoát hiện tại. Vĩnh viễn diệt: giải thoát vị lai. Vĩnh viễn tịch tĩnh: do kiến đạo. Vĩnh viễn diệt chết: do tu đạo. Nên biết trong đây do hai chủng đạo nên đoạn sự phiền não, hiển đoạn không sót thừa.



*Quyển 84*  
**PHÂN NHIỆP DI MÔN**  
**Phẩm Hạ**

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Ba chủng dục, mời thỉnh  
Vì pháp, tăng, huệ thí  
Chán, phạm chí, vô thường  
Bọt nước thấy là sau.*

“Các dục vô thường, hư ngụy, không thật” tức tuyên nói các dục là điên đảo. Vì có sao? Vì dụng 4 chủng nên biết sự điên đảo của chúng. Tức trong đây vì hư nên vô ngã, vì ngụy nên bất tịnh, vì không thật nên khổ, vì lẽ ở nơi các dục vui chẳng thật. Nhưng vì các dục kia chúng hiển hiện hết thấy giống như thường, nên được gọi là pháp hư vọng, là sự điên đảo.

Sao nói các dục là pháp hư vọng? Vì hiển nghĩa đây nên dụ kia như việc huyễn. Tuy không phải thường, nhưng hiển hiện tương tự thường,

nên đồng pháp kia. Đối gạt mê hoặc kẻ ngu: kẻ ngu vì không thấy nghe, không như thật biết các dục kia, trong đêm dài hằng bị kia lừa dối mà lại sanh sâu đắm nhiễm, bị bức xúc bởi sự biến hoại khổ. Người thông tuệ thì không như vậy, vì như thật biết các dục kia.

Lại các dục kia dụ như xương khô, vì khiến không no đủ; dụ như đồng thít, vì chúng có nhiều; dụ như bó đuốc cỏ, vì làm nhân cho ác hạnh hành phi pháp; dụ như một phần tro nóng, vì tăng trưởng ái dục khiến nhiệt não mạnh mẽ; dụ như rắn độc lớn, vì là chỗ các thánh hiền xa lìa; dụ như chỗ được trong mộng, vì nhanh chóng tan hoại; dụ như chỗ vay mượn đủ thứ vật để trang nghiêm, vì nương gá các duyên; dụ như quả chín đầu cành, vì có nguy cơ rơi xuống đất.

Lại “bất tịnh” là cú chung. Nói xú uế: vì khi đã thọ dụng thức uống ăn rồi, kế tiếp chúng bị biến hoại. Chỗ biến hoại thành phân, nước tiểu bất tịnh gọi là nơi xú uế. Chỗ biến hoại thành máu thịt... gọi là sanh xú uế. Đáng chán lìa: vì chỗ thọ dụng dâm dục biến hoại mà thành, thật là xấu xa đáng xả lìa.

Lại nữa, nên gọi mời: vì xả bỏ của cải thế gian. Nên phụng thỉnh: vì tận dứt tham ái. Muốn cầu quả báo, cho nên gọi mời. Muốn cầu giải thoát, cho nên phụng thỉnh. Nên chấp tay: tức là hai hành động vào lúc gọi mời và phụng thỉnh. Nên hòa kính: vì nên lễ bái hỏi thăm, vì nên cùng kia đồng giới kiến. Vô thượng phước điền của đời nên phụng thí: vì huệ thí đối với vị kia được quả vô lượng vậy.

Lại, thiện thuyết: văn nghĩa diệu khéo thiện xảo. Hiện thấy: ở trong hiện pháp khả chứng đắc. Không nhiệt: vì lìa phiền não. Không thời: vì ra khỏi ba đời. Khó dẫn: lão, bệnh, tử... không thể dẫn đoạt. Khó thấy: ở trong cõi trời... chẳng thể thấy. Bên trong tự sở chứng: chỉ tin người mà không có khả năng chứng. Các bậc có trí: là bậc học và bậc vô học. Làm nhà cửa, làm cồn bãi, làm chỗ cứu hộ, làm chỗ quay về, làm chỗ hướng đến: do cú sau giải thích cú trước, hiển nghĩa xuất ly.

Lại vì năng rõ biết bốn Thánh đế, gọi là chánh kiến. Sanh khởi: ở mọi lúc đều năng phát sanh. Đã sanh khởi: ở đời quá khứ trụ vị vô học. Nay sanh khởi: ở đời hiện tại, hoặc đã chứng đắc, hoặc tu

viên mãn. Sê sanh khởi: hoặc chưa chứng đắc, hoặc siêng tu tập. Nên tu, nên tập, nên nhiều tu tập: tùy chỗ thích hợp nên biết như trước đã thuyết. Nên tùy phòng hộ: tùy thuận xa lìa pháp thối đọa. Nên xúc: tức bằng thân thể. Nên tác chứng: hoặc quả, hoặc trí thù thắng, như nói: “Ta đê chứng đạo”. Thuyết đúng thời: hoặc rõ biết người kia mong muốn vui nghe và đủ khả năng nghe: mới vì kia thuyết, người nghe pháp phải ngồi thấp hơn... gọi là đúng thời. Nên thuyết theo đúng thứ tự: trước tiên nếu rõ biết người kia vui muốn tăng thượng rồi, liền ân trọng tùy theo khả năng có được mà tận lực vì kia thuyết pháp; chỉ vì muốn khai thị nghĩa sai biệt mà người kia chưa từng được nghe, không chỉ dùng ngôn từ hoa mỹ vui thích để thuyết; tiếp theo vì kia khai thị nghĩa. Tùy mật: giả sử phòng có nạn. Tùy hội: vì kia giải thích chỉ dạy. Khiến hoan hỷ: giáo hóa người khiến họ lãnh thọ lời dạy. Khiến vui thích: giáo hóa người ở mức độ bậc trung. Khiến hỷ lạc: giáo hóa người hỷ báng. Khích lệ: vì muốn người kia có được đức chân thật, dùng tâm điều thuận, phát lời tốt lành khen ngợi. Quả trách đui bỏ: quán người kia thật có lỗi

phạm, dụng tâm không giận dữ, tự phát lời khai thị quả trách. Đạo lý: đầy đủ bốn đạo lý là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, pháp nhĩ đạo lý và chứng thành đạo lý. Có ích: không xả bỏ sự thực hành. Không tạp: vì không lẫn tạp, vì có sự liên kết. Có pháp: vì năng dẫn nghĩa, vì nương nơi khổ... vì có vô lượng chủng pháp do xuất ly, viển ly mà sanh khởi. Như chúng hội: tùy theo khả năng kham nhiệm của bốn chúng như Sát-đế-lợi... Dùng tâm từ: vì muốn khiến kia được nghĩa lạc. Tâm lợi ích: vì khiến làm sao để người ân trọng lắng nghe chánh pháp đều được thấu hiểu, thu được lợi ích lớn. Tâm ai mãi: vì muốn khiến người kia tu tùy pháp hành pháp. Không chỗ nương: chẳng vì lợi dưỡng, cung kính, danh xưng, tức là không nương các việc như y phục... cũng không nương sự cung kính... chỉ vì khiến người lãnh hội nhập vào chánh pháp.

Lại đối với người không có sự khinh miệt, cho đến nói rộng. Không tự cao: chẳng vì sự lợi dưỡng cung kính mà nói lời như vậy: “Chỉ có ta năng biết pháp luật như vậy, bọn các người chẳng biết”, nói rộng cho đến đã tự khen ngợi công đức rồi, lại luận bàn lỗi lầm của người. Tùy từng lúc nên nghe pháp:

đến lúc như vậy phải tự quán sát: “Ta nay cần có nhiều thực hành trong việc lắng nghe thuyết pháp”. Khi người thuyết pháp, phải chánh rõ biết: “Ta chớ ở trong tâm bị chướng ngại”, tức liền ân trọng đem tâm khiêm hạ ngồi ở chỗ thấp, đầy đủ oai nghi, tùy chỗ mà kham nhận lắng nghe chánh pháp, khởi tướng cung kính. Vì muốn sáng tỏ những nghĩa trước chưa hiểu rõ, nên phát khởi thưa hỏi. Nếu lúc được trả lời mà vẫn chưa thấu hiểu, hay sanh khởi nghi hoặc, trọn không được trách mắng, hủy chê. Đối với bậc thắng vượt hơn thì cung kính tùy thuận. Đối với người ngang bằng, hoặc đối với người kém hơn, vì cung kính pháp cũng không được khinh miệt. Đối với vị thầy thuyết pháp thâm sanh tôn trọng. Như thuyết pháp: vì sẽ thành tựu quả lợi ích thù thắng rộng lớn không gì vượt hơn. Không khinh pháp: tức không nói lời như vậy: “Lời đây chẳng trau chuốt văn tự chương cú gì cả, văn câu quá thô thiển”. Không khinh vị thầy thuyết pháp: tức không nói lời như vậy: “Chủng tánh kia ti liệt so với ta”. Không tự khinh: vì đối với sở chứng không khiếm nhược hạ liệt, tức không nói lời như vậy: “Ta không có năng lực hiểu pháp”. Tâm phụng

giáo: tâm không nhiễu loạn, chỉ muốn cầu được thông hiểu. Tâm nhất thú hướng: vì muốn lãnh thọ thông hiểu văn câu sai biệt. Lắng tai nghe: vì muốn rõ biết âm vận sai biệt. Tu trị ý: vì muốn ngộ nhập nghĩa thâm sâu. Ở tất cả tâm không gì mà không buộc niệm: vì muốn lãnh hội không gián đoạn âm vận, văn cú nghĩa, không gì chẳng rõ biết, không gì chẳng thông đạt, vượt qua lỗi chấp không.

Lại nữa, nói “chánh hành” là cú chung. Nên hành đúng lý: trụ quả hữu học. Hành chất trực: trụ ở hướng đạo. Hành hòa kính: là vô học, bởi kia cung kính sâu đối với chánh pháp, đạo sư và học xứ... Hành tùy pháp: lúc ở nơi chuyển các nhân, tùy pháp hành pháp, do lắng nghe âm thanh của người, bên trong chân chánh như lý tư duy.

Lại nên hành đúng lý là chánh đạo và quả diệt hành. Hành chất trực: như thánh giáo mà chánh tu hành, không siểm, không cưỡng, như thật hiển hiện. Hành hòa kính: cùng cộng tương ưng với sáu pháp kiên cố. Hành tùy pháp: tùy pháp hành pháp. Các A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận cho đến nói rộng. Cứu cánh cùng tột cho đến nói rộng. Cũng gọi là xuất ly, vượt qua hào sâu, ra khỏi

hầm hố sâu, cho đến nói rộng. Vĩnh viễn. đoạn năm chi, thành tựu sáu chi cho đến nói rộng. Thành tựu Dự lưu, không pháp đọa điên đảo, quyết định hướng đến ba quả Bồ-đề, cho đến nói rộng. Như vậy tất cả chi tiết trong phần *Nhiếp sự* ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, “con của Đại sư” là cú chung. Từ bụng mà sanh: vượt qua sự sanh con ti liệt thấp kém của hàng dị sanh. Từ miệng mà sanh: từ thuyết pháp âm mà dẫn sanh. Từ pháp mà sanh: được sanh từ như lý tác ý, tùy pháp hành pháp. Từ pháp mà hóa: từ đường Pháp thân mà được thành lập, là giống như pháp. Pháp đẳng phần: thọ dụng tài bảo của pháp vô lậu, là giống như pháp. Các cú như vậy hiển thị sanh tăng thượng viên mãn và phần giống như pháp sanh viên mãn. Trong cú đầu tiên của tăng thượng sanh viên mãn tức là loại trừ lỗi lầm của khí. Trong cú thứ hai tức là loại trừ từ tình huyết bất tịnh mà sanh. Trong cú thứ ba là loại trừ dục tham chẳng phải chánh pháp mà sanh. Ba cú như vậy hiển thị sanh tăng thượng viên mãn. Trong cú thứ tư hiển thị tự thể giống như pháp. Trong cú thứ năm hiển thị thọ dụng giống như pháp. Hai cú



như vậy hiển thị phần phụ tương tự pháp của sanh viên mãn.

Lại nói thứ tự là duyên. Tập là nhân. Vì duyên tăng thượng gọi là chủng loại kia. Vì nhân tăng thượng gọi là sở sanh kia. Tuy từ nhân sanh ra mà tích chứa thế lực duyên mới được sanh khởi, làm nương cho kia vậy. Lại ở trong đây, cú sau sẽ giải thích cho cú trước.

Lại, “khéo thấy” là cú chung. Khéo biết: biết pháp nghĩa. Khéo tư duy: như chánh lý mà tư duy. Khéo thông tuệ: biết toàn phần. Khéo thông đạt: biết như thật. Hai cú sau hiển tánh khéo thấy. Hai cú trước hiển gia hạnh kia.

Lại nói thánh, vì vô lậu, vì tương tục trong hàng thánh giả. Xuất ly: vì vượt khỏi tất cả khổ của ba cõi. Quyết đạt: vì rốt ráo xuất ly không thối chuyển.

Lại nữa, các pháp đều lấy Thế Tôn làm gốc, bởi Phật Thế Tôn là bậc tối sơ hiện Đẳng Giác. Thế Tôn làm mắt: vì hiện Đẳng Giác rồi, khai thị hết thấy trời, người. Thế Tôn làm chỗ nương: ở nơi pháp sở thuyết, tùy theo sự nghi hoặc sanh khởi mà năng khai thị giải thích tất cả.

Lại, Phật Thế Tôn năng làm mắt: vì năng dẫn phát tuệ câu sanh. Năng làm trí: vì năng dẫn phát tuệ gia hạnh. Năng làm nghĩa: vì năng dẫn phát tuệ thành tựu do tư. Năng làm pháp: vì năng dẫn phát tuệ thành tựu do văn. Ở nơi nghĩa chưa hiển rõ năng quyết liễu: vì năng đoạn tất cả nghi hoặc. Năng làm chỗ nương của tất cả nghĩa: là năng dẫn phát sự hưng thịnh của tất cả thế gian và xuất thế gian.

Lại nữa, nói nhàm chán, đó là ở vị kiến đạo. Ly dục, đó là ở vị tu đạo, rốt ráo ly dục. Diệt, đó là ở vị vô học, tất cả y đều diệt. Hai chủng trước ở vị gia hạnh, tu tập hạnh nhàm chán và hạnh ly dục. Một chủng sau ở vị vô học, hành ở nơi diệt hành.

Lại, nói nhàm chán: do kiến đế, ở nơi tất cả hành đều nhàm chán trái lìa. Ly dục: do ở vị tu đạo, vĩnh viễn đoạn trừ tham. Giải thoát: do lìa tham. Một hướng an ẩn: đối với phiền não sót lại, tâm được giải thoát. Khấp giải thoát: vì đoạn phiền não, ở nơi khổ sanh... khấp đều được giải thoát.

Lại nữa, nói Bà-la-môn: vì đoạn trừ các ác, vì rốt ráo đến bờ kia là tướng đây. Không do dự...: vì ở nơi điều chứng đắc của bản thân lìa nghi hoặc.

Đoạn các việc làm ác: đối với việc nên làm, không việc gì không làm; đối với việc không nên làm, quyết định không làm. Là các tham ái: không ham thích lợi dưỡng cung kính. Ở nơi có, chẳng phải có, không đấm trước tùy miên: vì vĩnh viễn đoạn tùy miên. Nên biết trong đây, hoặc đời hiện tại, hoặc đời vị lai, gọi là có. Đời quá khứ gọi là chẳng phải có. Do các cú đây hiển bày quán sát tướng Bà-la-môn không điên đảo. Do ba cú trước hiển bày quán sát tướng đa văn và chánh biết của kia. Nếu kia không chân chánh tu tập phẩm thiện, lại hiển bày quán sát tướng kia bằng câu thứ tư.

Trong đây, đấm trước là 8 chủng đấm trước. Ở đời quá khứ nhiếp lấy *chẳng phải có* sanh khởi ưu buồn đấm trước. Ở đời hiện tại nhiếp lấy *có*, có năm chủng đấm trước: 1. Sanh khởi tu trị; 2. Sanh khởi cứu hộ; 3. Sanh khởi ngã sở; 4. Sanh khởi cao hơn; 5. Sanh khởi thấp hơn. Ở đời vị lai nhiếp lấy *có* thì có sanh khởi hành, sanh khởi động. Tổng hợp ba đời đây gọi là vì sanh khởi hậu trọng, vì sanh khởi sự hám ngọt. Sanh khởi ưu buồn: vì chỗ yêu thích bị biến hoại. Sanh khởi tu trị: vì nhiếp lấy chấp ngã, năng tăng trưởng nghiệp hậu hữu,

năng gây tạo tất cả dụng mạnh mẽ. Sanh khởi cứu hộ: vì ở nơi sự bức não mà mong cầu cứu hộ. Sanh khởi ngã sở: vì chấp làm ngã sở. Sanh khởi cao hơn: vì kế chấp “ta là hơn” nên khởi kiêu mạn, như Thế Tôn nói: “Như chúng sanh thế gian giương cao cờ mạn”. Sanh khởi thấp hơn: vì kế chấp “ta là hạ liệt”, cũng là khởi kiêu mạn. Sanh khởi hành: là yêu thích mong cầu ở đời vị lai. Sanh khởi động: mong cầu rồi, phương tiện tìm kiếm. Sanh khởi hậu trọng: tức là vui thích những vật không thể ăn dùng như vàng, bạc... có thể dùng để mua bán trao đổi. Sanh khởi sự hám ngọt: vì có thể ăn cùng.

Lại có sai khác: năm cú sau lược hiển đạo và tác chứng quả đạo. Đây lược hiển đạo của Bà-la-môn: đó là không do dự... đoạn các việc làm ác, lia các tham ái, ở nơi có, *chẳng phải có* không dấn trước, tùy miên. Các cú như vậy lược hiển thu được tác chứng quả đạo, vì ở nơi những điều ghi nhớ hiểu biết, đoạn trừ nghi hoặc; vì ở trong sở hành, đoạn trừ tất cả sự quên mất thực hành pháp; vì ở đời vị lai, đoạn nhân khổ; vì ở đời hiện tại, đoạn nhân khổ thô trọng.

Nói có, ở trong nghĩa đây nên biết tác ý các

tướng nhiếp thuộc ba cõi. Chẳng phải có: tác ý tư duy ở nơi vô tướng giới. Đấm trước: ở trong nghĩa đây chính là tham sân si. Như các bậc hữu học ở nơi Vô tướng định vẫn còn tùy miên, các bậc A-la-hán không còn tâm tư, hý luận, đấm trước và tướng. Bốn chủng tạp nhiễm như vậy, hai chủng trước là phẩm xuất gia, hai chủng sau là phẩm tại gia. Do đấm trước tùy miên nên tạp nhiễm kia được sanh khởi. Những người xuất gia do nhớ nghĩ tìm lại cảnh đã từng thọ dụng, nên sanh khởi tâm tư; do động loạn hiện hành, nên có hý luận. Những người tại gia trụ cảnh hiện tiền, nên có tướng, có đấm trước. Do có nhiễm đấm nắm giữ các tướng, nên có hai chủng nhân duyên tạp nhiễm, đó là không như lý tác ý và pháp xứ thuận theo kia. Do nhân duyên đây, tạp nhiễm sanh khởi. Cho nên nói đây là nhân duyên của tạp nhiễm.

Lại nữa, nói “sở hữu vô thường đều là khổ”, đây bao gồm những nghĩa nào? Hoặc có các loại đồng phạm với vô thường như sanh, lão... các nhóm khổ sanh khởi. Hoặc nương các xúc nên có các thọ: vì kia đều biến hoại, sanh rồi tìm đến diệt, nên nói các thọ thấy đều là khổ. Hoặc có pháp sanh

khổ và có pháp hoại khổ: vì kia đều vô ngã, tự chẳng phải ngã. Nơi ấy cũng không có ngã. Do đây nhiếp thọ hành “không”, “vô ngã”.

Lại, hiểu rõ: là tuệ thành tựu do nghe, do các bậc trí luận thuyết như vậy. Hiểu rõ hết thấy: là tuệ do tư mà thành tựu. Hiểu rõ thẳm sâu: là tuệ do tu mà thành tựu. Tức ở trong ba tuệ hành như vậy mà có sở hữu các nhãn, gọi là hỷ lạc, hoặc hỷ lạc hết thấy, hoặc hỷ lạc khắp. Lại có tùy quán vô thường, tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt.

Lại, chỗ tổn hại của lực vô thường cho đến nói rộng, nên biết trong đây tăng thêm một sự tóm lược văn hiển vô thường... sai biệt, như chỗ thích hợp chướng ngại sai biệt là sau cùng. Do muốn hoạch đắc chỗ chưa hoạch đắc: vì ban đầu muốn đắc, hoặc trước đã từng có sở chứng thấp kém. Tác chứng ở bậc cao hơn sai biệt: tức là ở nơi đoạn mà tác chứng. Quán sát: đây nói tuệ. Thẳm lự: đây nói tam-ma-địa. Như lý quán sát: đây nói “hai pháp không điên đảo triển chuyển”. Tuy thật không có mà lại hiển hiện: vì ở trong đây không thật vui. Hư: vì không, vô ngã. Ngụy: vì bất tịnh. Không bền

chắc: vì vô thường. Đây tức hiển thị không có bốn sự diên đảo.

Lại nữa, sắc như đông nước bọt: vì nhanh chóng tăng giảm; vì thủy giới phát sanh, như nghĩ đến mùi vị thức uống ăn nước miếng chảy ra; vì kia không thể uốn nắn, không như đất sét mà khiến chuyển biến làm thành những hình dạng khác nhau, cho nên nói là không thể uốn nắn. Lại thật chẳng phải đông mà hiển dụ giống như đông, vì năng khiến hữu tình phát khởi sự hiểu biết.

Thọ dụ bọt nước nổi: vì ba hòa hợp sanh, trụ không bền lâu, tương tự pháp. Như đất: vì chỗ các căn kia sanh khởi nương tựa. Như mây: là các cảnh giới. Như mưa: là các thức. Mưa tuôn rơi: là các xúc. Như bọt nước nổi: vì các thọ nhanh chóng khởi rồi tan diệt, không trụ bền lâu.

Tướng đồng như bóng nắng: vì tánh điều động, vì vô lượng chủng tướng thay đổi sanh khởi, vì khiến nơi sở duyên mà phát khởi diên đảo, vì khiến cảnh giới hiển rõ ràng, vì do phân biệt đây thành tướng nam nữ... sai biệt.

Hành thuộc loại cây chuối. Như người mắt sáng: là Thánh đệ tử. Dao bén: là đao diệu tuệ. Vào

rừng: vì ở nơi năm đường, khởi ý phan duyên cuốn theo chủng chủng tự tánh các thứ khổ sai khác, các cây pháp giống nhau. Vì giữ lấy cây chuối đứng thẳng: tác giả, thọ giả, ngã kiến. Đào sạch gốc của kia: đoạn ngã kiến. Bẻ gãy lá: phân tích tỉ mỉ đến ngọn “chỉ là chủng chủng các pháp hành tư..”. Ở trong đây đều không chỗ nào năng thu hoạch được: vì trải qua thời gian không trụ bền chắc lâu dài. Hà hướng thật bền chắc: hà hướng có cái khác thường hằng thật ngã, tác giả, thọ giả mà có thể thấy được.

Thức như việc huyền. Huyền sĩ: thức hành theo phước, phi phước, bất động. Trụ ngã tư đường: trụ bốn thức trụ. Tạo làm bốn chủng sự huyền hóa: là voi, ngựa... như thân voi tuy hiện có thể thấy mà không chân thật là thân voi. Như vậy nên biết thức hành theo phước, phi phước, bất động, trụ bốn thức trụ, tuy có tướng ngã, người làm, người thọ... có thể thấy, nhưng không chân thật tánh ngã khả đắc. Lại thật tánh của thức ẩn bên trong, bên ngoài hiện tướng khác, giống như hình tượng huyền.

Lại nữa, đã thuyết dị môn phẩm bạch, nay Ta sẽ thuyết dị môn của phẩm hắc. Ốt-Đà-Nam nói:



*Sanh, lão, tử, nhóm thầy  
Khả hân thầy, phiên nã  
Nói rộng tham sân si  
Ít thầy sai biệt thầy.*

Nói sanh, là ban đầu kết sanh, tức ở vị danh sắc... Sanh: lúc thai tạng đã đủ tháng. Xuất: ra khỏi thai. Hiện: từ vị anh nhi cho đến vị thiếu niên và trung niên. Khởi: cho đến vị lão niên.

Lại, uẩn đắc: ở vị danh sắc. Giới đắc: ở trong vị dây có được chủng tử kia. Xứ đắc: danh sắc tăng trưởng, sáu xứ đầy đủ. Các uẩn hiện: từ vị ra khỏi thai cho đến vị già nua. Mạng căn khởi: xả chúng đồng phận cũ, chọn lấy chúng đồng phận mới.

Lại nữa, nói về lão. Té ngã: gặp tuổi suy yếu bước đi đến lui nhiều khó khăn, vấp ngã. Đầu bạc: tóc lông biến đổi thành trắng bạc. Nhiều nếp nhăn: da có nhiều nếp nhăn. Suy yếu: gặp lúc tuổi suy yếu tức da vàng khô nứt nẻ, không tươi nhuận. Hư hoại: sức lực dững kiện đều không còn, xương sống cong vẹo, thân hình khom chúi về trước, đi đứng nương nhờ gậy, nhiều các nốt đen, xanh đen khắp thân thể. Già không nhanh nhẹn: đối với việc đi,

đứng, ngồi... thấy đều không thể linh hoạt. Gây yếu: các căn thiếu sáng suốt khi tiếp xúc các cảnh. Suy thối: trí nhớ không minh mẫn. Khấp suy thối: các căn kia từ niệm, hơi thở, cho đến nháy mắt thấy dần dần tổn giảm. Các căn thực: tức kia suy phế, không còn khả năng chịu đựng. Các hành mục nát: chỗ nương của các căn đã trải qua thời gian lâu. Thế hư bại: tức là tánh kia suy giảm biến đổi.

Lại nữa, nói vấn: xả bỏ thân hình. Chung: vào thời chết. Táng: vào lúc đây vẫn còn thi hài. Một: vào lúc đó, thi hài tận diệt. Lại, táng: còn sắc thân để làm căn cứ. Một: chỉ căn cứ theo danh thân. Thọ thối, hơi ấm thối: lúc sắp lâm chung, tim còn đập. Lúc mạng căn diệt: tất cả tuổi thọ đều hết. Tử: thức xả bỏ, tim ngừng đập. Qua đời: từ lúc chết cho đến về sau, hoặc trải qua một tuần, hoặc trải qua hai, ba tuần...

Lại nữa, tất cả ngu phu dị sanh ở nơi sáu xứ do chấp ngã, gọi là chứa nhóm; do chấp ngã sở, gọi là giữ gìn. Vì dụng hữu thân mỗi mỗi sai khác làm căn bản, kiến thú của các dạng loại thế gian sai biệt, ngã mạn tăng thượng, ái hiện hành, nên gọi là che giấu. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ vui có

tham dục, gọi là vị. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ khổ thì có sân khuể, gọi là kiết. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ không khổ không vui có ngu si, gọi là hợp. Vì sở hữu sáu xứ có luyến tiếc đời quá khứ, gọi là tùy miên. Vì sở hữu sáu xứ có mong cầu đời vị lai, gọi là hệ thuộc. Vì sở hữu sáu xứ có đăm nhiệm ở đời hiện tại, gọi là chấp trước. Đối với sáu xứ của thân khác mà mình nhiếp thọ, thì chấp làm ngã sở. Đối với sáu xứ của thân khác hoặc kém, hoặc bằng, hoặc hơn, không do mình nhiếp thọ, vì nương chủng loại mạn, phát khởi mạn. Ở nơi bất định địa hệ buộc Dục giới, phát khởi sở hữu mong cầu về sau. Ở nơi định địa hệ buộc Sắc, Vô sắc, bởi rộng lớn vi diệu nên tùy chỗ thích hợp phát khởi hậu trọng. Phẩm tại gia nương sắc thanh hương vị xúc, bởi ái vị quyến thuộc đuổi theo mà phát khởi vị hám ngọt. Phẩm xuất gia nương sáu xứ, bởi giải đãi phóng dật phiền não, nên ở khắp tất cả không thể xả ly.

Lại nữa, nên biết trong bốn cú khả hân, khả lạc, khả ái và khả ý đây, lược hiển sự việc đáng yêu thích. Sự việc đáng yêu thích đây lược có ba chủng: 1. Sự khả mong cầu; 2. Sự khả tâm tư; 3. Sự khả

đám trước. Sự việc đáng yêu thích ở vị lai, vì đáng mong cầu gọi là khả hân. Sự việc đáng yêu thích quá khứ, vì chỉ đáng vui, vì chỉ đáng muốn gọi là khả lạc. Sự việc đáng yêu thích hiện tại lược có hai chủng: 1. Sự cảnh giới; 2. Sự lãnh thọ. Nếu sự cảnh giới, vì đáng yêu thích gọi là khả ái. Nếu sự lãnh thọ, vì đáng yêu thích gọi là khả ý. Như vậy đã thuyết các sự việc đáng yêu thích hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc cảnh giới, hoặc lãnh thọ có sự sai biệt. Hoặc còn có tên là sự khả mong cầu, hoặc sự khả tầm tư, hoặc sự khả đắm trước, cho nên tuyên thuyết tất cả các cú sai biệt như vậy.

Lại, khả hân: vì đáng mong cầu hệ thuộc đời vị lai. Khả lạc: hiện vui muốn không chán đủ hệ thuộc đời hiện tại. Khả ý: tùy nhớ nghĩ tìm lại những điều vừa ý hệ thuộc đời quá khứ. Khả ái: tương diệu sắc khả ái thông cả ba đời. Khả dục: nhớ nghĩ đẹp ý. Dục sở dẫn: vì hệ buộc Dục giới, hoặc vì thuận theo hai chủng thọ dụng dục sai biệt. Khả nhiệm trước: vì ở xứ tham.

Lại nữa, vì ở nơi năm chủng sự năng hòa hợp, gọi là kiết. Năm chủng sự: 1. Sự sở kiết; 2. Sự năng

kiết; 3. Sự tội lỗi; 4. Sự đả lưu; 5. Sự hướng đến. Sở duyên các kiết gọi là sự sở kiết. Vì cơ sao? Do ái khuể... ở nơi mỗi mỗi sở duyên tùy theo tướng sai biệt mà hòa hợp. Tức các kiết kia triển chuyển dẫn dắt nhau mà hòa hợp, gọi là sự năng kiết. Do nhân duyên các kiết khiến sanh tội lỗi trong hiện pháp, cho đến lãnh thọ tâm pháp ưu khổ do từ kia sanh khởi nên kia năng hòa hợp, gọi là sự tội lỗi. Vì đời đương lai nhân của tham... mãnh lợi phát sanh tạo thành mà hòa hợp, gọi là đả lưu. Lại năng sanh năm đường, vì ở trong các đường năng hòa hợp, gọi là sự hướng đến. Do nhân duyên đây tự hành ác hạnh, bị người dùng roi đánh đập trừng phạt, trói buộc bắt bớ, quở trách mắng chửi, đuổi bỏ gia hại... sanh khởi chủng chủng các thứ khổ, gọi là năng tự tổn mình. Hoặc tự mình không gặp những điều như vậy mà khiến người gặp, gọi là năng tổn người. Hoặc do kia nên cả mình và người đều gặp, gọi là đều năng tổn cả hai. Năng sanh tội hiện pháp: do việc kia nên gặp chủng chủng sự khổ như đã thuyết, nhưng có sự việc không nhất định dẫn đến các đường ác. Năng sanh tội ở hậu pháp: cũng các việc trên, nhưng có sự việc tuy ở

hiện pháp người không biết, các tội lỗi kia lại là nhân đến các đường ác. Năng sanh tội ở hiện pháp hậu pháp: đủ cả hai chủng. Lại ở hiện pháp lòng ôm nhiều nhiễm đấm, sự mong muốn không toại ý, nên rộng sanh chủng chủng tâm pháp ưu khổ ở đương lai dẫn đến các đường ác. Kiết tuy vô lượng nhưng gom chung lược có 9 chủng.

Lại trong phạm vi nghĩa không theo ý muốn, cho nên thuyết có ba phược là tham, sân, si. Do nhân duyên tham, sân, si kia nương ba thọ, tuy muốn thoát khỏi chúng mà không thể thoát, nên gọi là phược.

Lại, sự đuổi theo của chúng tử phiền não phẩm thô trọng, gọi là tùy miên, cũng chính là nghĩa tùy phược, cũng chính là nghĩa vi tế. Căn bản của tùy miên đây chỉ cần có bảy chủng.

Lại vì từ phiền não sanh, vì gần gũi phiền não, vì tùy não loạn tâm, gọi là tùy phiền não. Trừ bảy tùy miên, tất cả tâm pháp nhiễm ô còn lại đều là tùy phiền não.

Lại nghĩa hiện khởi tương tục, không đoạn dứt, gọi là triền. Triền có tám chủng, đó là không tà...

Lại kia năng khiến chuyển thành phẩm thượng tương tục sanh khởi, năng khiến thân tâm không thể kham chịu, thuyết là “chu ngọt”, như ruộng không thể gieo trồng.

Lại vì mỗi chủng riêng biệt, vì kia phát sanh nghi có sai khác, nên thuyết năm tâm “chu” như tham... cũng riêng biệt, nên nói có 3 chủng.

Lại vì kia năng khiến không thanh tịnh, gọi là cấu. Lại vì ở các xứ môn thường rỉ chảy, gọi là nễ-già; vì thường năng hại, cũng gọi là nễ-già.

Lại kia năng khiến không tịch tịnh, gọi là tên. Như lúc trúng tên độc mà chưa nhổ bỏ, thì không thể an ổn.

Lại vì năng chướng xả, vì có hý luận, gọi là sở hữu.

Lại kia khiến hành phi pháp, hành không quân bình hiện tại tiền, nên gọi là ác hạnh.

Lại kia năng khiến khởi hết thấy phiền não các ác hạnh, nên gọi là căn.

Lại kia năng khiến xuất sanh sự sanh đương lai, nên gọi là lậu.

Lại đã sanh rồi, do già chết... khiến thiếu thốn, nên gọi là thiếu thốn.

Lại chịu sự thiêu đốt do không yêu thích mà gặp nhau, yêu thích mà chia lìa, tham cầu lợi dưỡng, gọi là thiêu.

Lại kia năng khiến sâu thán khổ ưu não, gọi là não.

Lại kia năng khiến thuận dòng mà chìm nổi, gọi là bạo lưu.

Lại nương tiền tế năng là phương tiện thù thắng lưu chuyển sanh tử ở hiện pháp, gọi là ách.

Lại nương hiện tại năng là phương tiện thù thắng của vị lai, gọi là thủ.

Lại vì khó hiểu, gọi là hệ. Lại ở sự sở tri năng chướng ngại trí, gọi là cái.

Lại so với Sắc giới, Vô sắc giới, thì Dục giới là phần hạ. So với tu đạo, thì kiến đạo là phần hạ. Do phạm vi hai phần hạ sai biệt đây, tùy chỗ thích hợp nên gọi là năm hạ phần chướng, cũng gọi là năm hạ phần kiết. Trái với tướng đây, nên biết là năm thượng phần kiết.

Lại nói rừng, tức năng sanh chủng chủng tánh thể khổ uẩn. Do gần gũi ái nên kia được tăng trưởng, gọi là rừng rậm.

Lại năng phát khởi các đấu tranh kiện tụng..



chúng chúng phần hận đua tranh, nên gọi là tránh. Sở trị của chính nó nên gọi là hắc. Năng dẫn khổ nên gọi vô nghĩa. Không chỗ dùng nên gọi là hư xấu. Tánh nhiễm ô nên gọi là có tội. Không nên thân cận tập theo gọi là nên xa lìa. Hủy phạm tịnh giới đã thọ gọi là phá hoại giới.

Lại, pháp ác: vì không tâm không quý, không tin Phật... hủy báng Thánh hiền, tương ưng tà kiến rất mạnh mẽ; lại vì hiện hành chúng chúng ác pháp; lại vì tâm có tham dục sân khuể... cho đến nói rộng. Nên biết trong đây, kẻ bên trong hư bại: vì bên ngoài giữ tướng Sa-môn, bên trong không pháp Sa-môn, như cây gỗ lớn lớp da ngoài nhìn đẹp đẽ chắc chắn, bên trong bị một ăn rỗng bọng không thật. Sanh sản hạ: rộng như sanh sản của loài hạ, không phải sanh từ cửa pháp như trước thuyết. Nước sanh ốc: vì sự nghe thọ ở đây tương tự như nước, chỉ để trừ cơn khát của ái. Nếu các Bí-sô phạm cấm giới... như ốc kia làm ứ bản nước trong sạch, cho nên giống như nước có ốc chẳng thể dùng uống, phải nên xa lìa. Loa âm cầu hạnh: các Bí-sô tập hành ác hạnh, khi thọ lợi dưỡng ngọa cụ, tự xưng niên lạc cao nhất. Thật chẳng phải Sa-

môn mà tự xưng Sa-môn: vì đã mất phạm Bí-sô mà tự xưng có phạm Bí-sô; vì thật tâm ôm ác dục mà tự xưng “Ta là chân Sa-môn bậc nhất”. Phi phạm hạnh: thật chẳng xa lìa pháp uế dâm dục mà tự xưng “Ta đã xa lìa”. Lại mất tánh Bí-sô mà tự xưng có tánh Bí-sô, nên gọi là vọng xưng phạm hạnh. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng “Ta là chân thật Sa-môn bậc nhất”, nên gọi là vọng xưng Sa-môn.

Lại xả bỏ giới đã thọ, nên gọi là phá giới. Trước đã bỏ ác pháp, trở lại nắm giữ, gọi là pháp ác. Hình tướng, ý lạc xoay vần không tương xứng, do nhân duyên đây gọi là bên trong hư bại. Tùy theo muốn mà đi đứng, gọi là sanh sản hạ. Hủy nhục điều đã nghe gọi là nước sanh ốc. Do tà thọ dụng các tín thí, gọi là loa âm cầu hạnh. Tà ngôn thuyết gọi là vọng xưng phạm hạnh Sa-môn. Lại có tham sân si phần hận... cho đến nói rộng các sự hỗn tạp phiền muộn, như trong phần *Nhiếp sự* Ta sẽ nói rộng. Lại có vô thường, khổ, không, vô ngã, pháp sanh, pháp lão cho đến thiêu đốt, tùy theo từng dạng loại Ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, nhiễm: vì vui đắm trước thọ dụng.

Trước: vì đối với điều nào đó, đoái hoài thương tiếc. Tham tài bảo vật thực: vì mong cầu có được sự thọ dụng ở vị lai. Nuốt hít vào: lại thêm bị sự nuốt hít của trợ bạn phiền não. Mê muộn: về sau sẽ thuyết. Đắm trước: những gì đã được chấp chặt kiên cố, không thể xả bỏ. Tham cầu: đối với những gì chưa được thì truy cầu, siêng năng gia hạnh để tìm kiếm. Dục: những gì chưa đắc, đã đắc, mong cầu thu được và thọ dụng. Tham: trong lúc thọ dụng thì vui thích, đắm trước kiên cố. Gần gũi và vui ái: tương đậy như đã thuyết trong gần gũi và ái lạc. Tàng: ở bên trong nhiếp lấy tự thể, yêu thích điều ấy. Hộ: ở trong sự tương tục của người, yêu thích điều ấy. Chấp: ở trong ngã sở yêu thích điều ấy. Khát: mong cầu tăng gấp bội. Chỗ nhiếp: cư trú ở xứ tham. Chỗ kiêu: cư trú ở bảy xứ kiêu. Chỗ dục: ở chủng chủng phẩm loại thọ dụng cư trú nơi tham dục. Chỗ gần gũi: yêu thích đuổi theo, luyến tiếc các việc trong quá khứ. Chỗ ái lạc: yêu thích đuổi theo các hân hỷ ở hiện tại.

Lại trong hiện pháp thường xuyên tập quen ái, gọi là gần gũi; đời trước thường xuyên tập quen phát sanh ái, gọi là ái lạc. Chỗ mê muộn: vì bên

trong không thể quán sát công đức và lỗi lầm. Chỗ tham trước: cư trú nơi tâm đắm mê vui thích. Chỗ phược trước: cư trú nơi tham sân si. Chỗ hy cầu: cư trú nơi năng sanh ái. Chỗ hệ phược: cư trú nơi tất cả kiết. Là kẻ ác: vì năng hòa hợp pháp bất thiện. Vì khiến sanh hỷ lạc hiện tiền: đó là hy vọng. Vì khiến sanh nói năng hiện tiền: đó là lấy ngôn ngữ mà truy cầu. Vì khiến chứng đắc mà sanh thúc bách: đó là sanh tham trước nên thân truy cầu. Trụ đảm trước: vì bảo vệ giữ gìn điều đã được, không xả bỏ. Nhiễm thảy: ở nơi thọ lạc mà khởi tham dục. Ác thảy: ở nơi thọ khổ mà khởi sân khuể. Ngu thảy: ở nơi ba thọ mà khởi ngu si. Luyến tiếc: ở nơi quá khứ. Hệ buộc tâm: ở nơi vị lai. Lao nhọc: do nhân duyên kia đang phát khởi truy cầu. Thiêu đốt: những điều mong muốn được quả toại ý, khởi tâm nhiễm ô. Thiêu: điều mong muốn bị suy tổn, khởi tâm nhiễm ô. Nảo: điều đã được mà bị biến hoại. Cầu đảo: hiển thị chấp trước yêu thích sự tốt lành. Xúc đối: hiển thị chấp trước yêu thích xúc chạm, cầm nắm. Hy cầu: hiển thị chấp trước yêu thích cùng lợi. Hân duyệt: hiển thị chấp trước yêu thích tư duy như ý.

Lại ở nơi các dục, nơi tâm thú nhập thanh tịnh cho đến nói rộng. Ở năm chủng xuất ly giới nên biết như trước đã thuyết trong *Tam-ma-hi-đa-địa*. Kiêu say: vì cộng tướng cùng ba kiêu. Cực kiêu say: vì nương dựa kiêu, khắp trong các pháp ác bất thiện, năng khiến tâm không được phòng hộ. Hường đến kiêu say: ở nơi kiêu say, chuyển vận theo nhân duyên đó mà lãnh thọ tùy thuận. Ở trong các dục sanh kiêu thấy: không quán thọ dụng dục là lỗi lầm. Bình an: là tự tướng thọ lạc. Lãnh thọ: cộng tướng các thọ. Hường đến thọ: tướng nhân thọ khác. Lại, dục tham: kiên cố đắm trước hết thấy tham, như tham tài của vật thực, tướng đây trong *Văn sở thành địa* đã thuyết.

Lại nữa, nói cấu bên trong, tức là đối với người oán, ý muốn ôm lòng giữ chặt không xả bỏ. Bên trong ganh ghét: đối với điều yêu thích mà bị chướng ngại. Bên trong chống đối: vì năng dẫn phát điều không yêu thích. Bên trong oán: vì năng dẫn phát điều không an ổn. Lại tướng bất khả hỷ, bất khả lạc, bất khả ái... thì ngược lại khả hỷ... đã thuyết ở trước.

Lại nói khổ tức tự tánh khổ, cũng tùy nhớ

ngĩ khổ. Tổn hại: vì hiện tiền khổ. Trái nghịch: tư duy khổ ở ba đời. Không thuận ý: vì khổ hiện hữu năng làm tổn hại. Lại khổ mãnh lợi, kiên cố, vất vả, gian khổ, bất khả ý... như phần *Nhiếp sự* Ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, “bạo ác” là cú chung. Độc trùng cắn chích: tức là lời thô thiển châm chích. Chửi lời đối nhau: lập văn tự không căn cứ, lời thô thiển nhỏ hẹp trái nghịch. Oán hiềm: nương tựa hủy nhục. Phát phẫn: phát lời hiển phát sự vui ác ý. Khuể hại: vì dùng tay... gia hại. Trụ nhãn nhớ buồn bực: đã nóng giận, tổn hại rồi sau mặt mày nhãn nhớ khó chịu, an nhiên trụ trong trạng thái đó. Khấp sanh phần khuể: liên tục nhớ nghĩ lại tương; không nhiều ích gặp phải, khiến sanh oán hận não loạn sâu nơi tâm, hoặc sanh phiền não não loạn nơi tâm. Do nhân duyên đây nên giam cầm nơi khổ, như thuyết: “Bí-sô giải đãi bị các ác hỗn tạp sai sử, trụ trong các thứ khổ”. Có khổ: vì kia nhiếp thọ khổ vị lai. Có thiếu thốn: vì kia xa lìa các phẩm thiện. Có tai: vì kia lâm vào các nhân hoặc khác. Có nhiệt: vì lúc sau phát sanh nhiệt não.

Lại, nói “khổ” là cú chung. Có khổ: vì tương

ung ưu khổ. Có thiếu thốn: vì thọ lạc biến hoại. Có tai: ở trong thọ không khổ không lạc, ở nơi hai điều trên không được giải thoát. Có nhiệt: ở nơi lạc... như chỗ thích hợp có lửa tham sân si.

Lại, có khổ: ở quá khứ. Có thiếu thốn: ở vị lai. Lại hại: hiển thị nhiếp thọ oán hiềm phẩm thượng. Oán và địch thì như trước đã thuyết. Lại, tôi phục: sĩ dụng sanh trái với sĩ dụng chưa sanh. Phá hoại: sĩ dụng trụ trái với sĩ dụng đã sanh. Bị cái khác thắng: công năng sanh trái với công năng chưa sanh. Cái khác rơi ở sau: công năng trụ trái với công năng đã sanh. Lại chẳng tôi phục, phá hoại, chẳng phải sở thắng, có sở thắng, các cú như vậy do các cú trước mà biết được nghĩa.

Lại nữa, không hiểu biết đối với tiền tế: tức là không rõ biết “ở quá khứ, pháp tánh các hành vô thường”. Không hiểu biết đối với hậu tế: tức là không rõ biết “ở hiện tại, pháp tánh các hành tận diệt”. Không hiểu biết đối với tiền hậu tế: tức là không rõ biết “ở vị lai pháp tánh các hành sẽ sanh và pháp tánh sẽ sanh, rồi sẽ tận”. Kể kia không rõ biết như thế: tức nương tiền tế... khởi không như lý tư duy: “Ta ở quá khứ đã từng có chăng?”. Cho đến

nói rộng: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình đây từ đâu mà đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Đây gọi là nương tiền tế hậu tế không như lý tác ý, ở nơi pháp tánh vô thường như vậy mà ngu si không rõ biết. Ở trong các hành, ngã kiến lại theo đó triển chuyển, cho nên không thể rõ biết hai chủng ở trong và ở ngoài chỉ có pháp tánh. Nội: là nội xứ. Ngoại: là dấu vết bên ngoài. Nội ngoại: là nơi căn trụ cùng với pháp xứ, bởi các pháp kia ở nội khả đắc, lại là chỗ thâm nhiếp của ngoại xứ.

Không hiểu biết đối với nghiệp: tức là không thể rõ biết “ở các nghiệp chỉ có tánh hành”, mà lại vọng chấp cho là “ta là người làm”. Không hiểu biết đối với dị thực: tức là ở nơi phát khởi nhân nghiệp của hữu tình thế gian và khí thế gian, hư vọng kế chấp trời Tự tại là người tạo ra, người sanh ra. Không hiểu biết nghiệp dị thực: do ngu si ở khắp tất cả, nên rơi vào tà kiến phỉ báng nghiệp quả. Đây muốn tuyên thuyết chỗ không hiểu biết của ngoại đạo dị sanh ở trong các pháp. Không hiểu biết đối với Phật: tức là không rõ biết Pháp thân Như Lai và các hình tướng. Không hiểu biết



đối với Pháp: tức là không rõ biết hết thấy tướng thiện thuyết. Không hiểu biết đối với Tăng: tức là không rõ biết hết thấy tướng các hành. Không hiểu biết đối với khổ: tức là không rõ biết các tướng phân biệt trong các kinh và trong mười sáu hạnh. Không hiểu biết đối với nhân: tức là không rõ biết “ở trong các chi hữu như vô minh... năng là tánh nhân của hành...”. Không hiểu biết đối với nhân sanh: tức là không rõ biết “ở trong các chi hữu, tánh hành... từ nhân vô minh mà được sanh”.

Lại, ở phẩm pháp tạp nhiễm, thanh tịnh: vì tương ưng thiện, bất thiện; có tội, không tội; lỗi lầm, công đức. Thuận theo hắc bạch: vì phần minh, vô minh, như hắc dị thực hắc, bạch dị thực bạch; và phần có đối ngại như hắc bạch dị thực hắc bạch. Tất cả như vậy đều được sanh khởi từ nhân duyên, nên gọi là duyên sanh. Vì ở nơi tất cả kia mà không rõ biết, nên gọi là không hiểu biết. Ở nơi sáu xúc xứ không thể như thật thông đạt khắp: tức là nơi sáu xứ, thuận theo cảm xúc khiến phát sanh thọ lạc... không thể như thật khắp rõ biết là kia tịch diệt vắng lặng.

Lại, gia hạnh đây không thể ở nơi pháp mà

như thật thông đạt tri kiến hiện quán: tức ở nơi pháp kia không như thật biết. Ở kia ở đây: ở nơi như sở thuyết, hoặc sở vị thuyết. Vô trí: đối với những điều không hiện thấy. Vô kiến: đối với những điều hiện thấy ở trước. Không hiện quán: ở nơi những gì như thật chứng, không do duyên khác. Hắc ám: ở nơi sự thật không chân chánh rõ biết. Ngu si: ở nơi sự không thật, hư vọng sanh khởi tăng ích. Vô minh: ở sự sở tri không thể thiện xảo. Ở xứ kia không chân chánh liễu tri: đối với những điều đã thuyết kia và ở nơi danh, cú, văn thân, không thể hiểu rõ. Hôn ám: rơi vào tất cả tà kiến, phỉ báng.

Lại vô minh cái chướng: sẽ rộng thuyết như phần *Nhiếp sự*. Lại che giấu, ẩn chìm, hôn muội, khắp hôn muội... đã nói rộng như kế kinh "Ái". Không cung kính: vì không tu cung kính. Không tôn trọng: vì không tín đức của kia. Không quý trọng: không đáp ứng theo nhu cầu của người kia, khiến họ bị thiếu thốn. Không cúng dường: không thí lợi dưỡng. Lại không cung kính cho đến không cúng dường, nên biết cú sau triển chuyển giải thích cú trước. Lại không cung kính, không tôn trọng,

không tín mà lắng nghe pháp... đã rộng thuyết trong phần *Nhiếp quyết trạch*.

Lại, không vâng nghe: vì không muốn nghe. Không lắng nghe sâu: vì tâm tán loạn. Tâm không an trụ phụng hành lời dạy: vì không muốn thực hành tu tập. Không tu chánh hạnh: vì ở nơi tùy pháp hành pháp, không như ý lạc mà chân chánh tu hành. Lại không triển chuyển thọ học: ở nơi thánh giáo Đại sư, không thể chứng đắc.

Lại, “vui tùy miên hư ảo để trôi qua kiếp sống” là cú chung. Hư luống: không thể tu tập nhân đi đến nẻo thiện. Không kết quả: không thể đắc quả đi vào nẻo thiện. Vô nghĩa: không thể tu tập nhân đắc Niết-bàn. Không lợi ích: không thể đắc quả Niết-bàn kia.

Lại hỏi: “Ít bệnh não chằng?” vì giới của thân không bị mất quân bình. “Ít sự nghiệp chằng?” vì sự nghiệp gia hạnh đều đặn. “Dậy ở nhẹ nhàng thông tiện chằng?” tức là nhu cầu ăn uống, đã ăn uống rồi dễ dàng tiêu hóa. Lại sức khỏe vui và vô tội... như trong *Thanh văn địa*, phần “ăn uống biết lượng” đã thuyết tướng đây. Lại không chọn lựa phân tích, không chọn lựa phân tích thẳm sâu, đã

rộng thuyết như *Thanh văn địa*. Lại không tư duy, không đúng lượng... đã rộng thuyết như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, ít là không tương ưng với lượng cao rộng. Nhỏ: tương ưng với lượng hẹp kém. Hiếm có: tạm lãnh thọ theo lượng ngôn thuyết của thế gian. Lại nữa, hoặc dị môn: vì tự tướng sai biệt. Hoặc ý thú: vì tướng thô tục sai biệt. Hoặc thù dị: vì tướng nhân sai biệt. Như vậy gọi là phần *Nhiếp dị môn*. Dị môn như vậy ở trong các kinh đã tùy hiển hiện phần thô. Nói đa dụng, tức dùng nhiều ngôn lời để lược tích tập chọn lọc các nghĩa sai khác. Ngoài ra, vô lượng chư Phật Thế Tôn đã thuyết dị môn và nghĩa sai biệt. Do các khía cạnh đây, do sở học đây, do ngôn giáo đây phải nên tinh cần biện biệt tư trạch, hiển thị an lập môn sai khác, nghĩa sai khác.

## **V. PHÂN NHIỆP SỰ**



## **Quyển 85**

### **Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH** **Phần 1**

Như vậy đã thuyết Nhiếp dị môn. Sao gọi là **Nhiếp sự**? Có 3 xứ nên biết nhiếp sự: **1. Sự Tố-đát-lãm (Kinh); 2. Sự Tỳ-nại-da (Luật); 3. Sự Ma-đát-lý-ca (Luận).**

#### **Sự Tố-đát-lãm:**

Do 24 xứ thâm nhiếp tóm lược tất cả Khế kinh:  
1. Khế kinh biệt giải thoát; 2. Khế kinh sự; 3. Khế kinh tương ưng Thanh văn; 4. Khế kinh tương ưng Đại thừa; 5. Khế kinh nghĩa chưa hiển rõ khiến hiển rõ; 6. Khế kinh nghĩa đã hiển rõ lại khiến sáng tịnh hơn; 7. Khế kinh việc làm đời trước; 8. Khế kinh xung tán; 9. Khế kinh hiển thị phẩm hắc; 10. Khế kinh hiển thị phẩm bạch; 11. Khế kinh bất liễu nghĩa; 12. Khế kinh liễu nghĩa; 13. Khế kinh nghĩa lược, văn cú rộng; 14. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú lược; 15. Khế kinh nghĩa lược,

văn cú lược; 16. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú rộng; 17. Khế kinh nghĩa thâm sâu, văn cú cạn; 18. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú sâu; 19. Khế kinh nghĩa sâu, văn cú sâu; 20. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú cạn; 21. Khế kinh đương lai xa lìa lỗi lầm; 22. Khế kinh hiện tiền xa lìa lỗi lầm; 23. Khế kinh khiến trừ chỗ sanh nghi hoặc; 24. Khế kinh vì khiến chánh pháp cứu trụ.

1. Khế kinh biệt giải thoát: ở trong đây y chỉ năm tụ phạm và ra khỏi năm tụ phạm mà thuyết hơn 150 học xứ, vì khiến các thiện nam tử tự mình quý trọng mà tinh cần tu học.

2. Khế kinh sự: gồm bốn A-cấp-ma (A-hàm): 1. Tạp A-hàm; 2. Trung A-hàm; 3. Trường A-hàm; 4. Tăng nhất A-hàm.

Tạp A-hàm: Trong đây Thế Tôn quán sát căn hành của hữu tình được giáo hóa rồi mới tuyên thuyết. Giáo pháp tương ưng mà Như Lai và các đệ tử thuyết, đó là tương ưng uẩn, xứ, giới; tương ưng duyên khởi, thực, đế; tương ưng niệm trụ, chánh đoạn, thân túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, a-na-ba-na niệm, học, chứng tịnh... Lại nương tám chúng thuyết giáo pháp tương ưng với chúng. Về sau người



kiết tập, vì khiến thánh giáo cứu trụ mà kiết tập thành những bài kệ tụng Ôt-Đà-Nam, tùy chỗ thích hợp thứ lớp an bố. Nên biết tất cả giáo pháp tương ưng như vậy lược do ba tướng. Những gì là ba? 1. Năng thuyết; 2. Sở thuyết; 3. Sở vị thuyết. Hoặc Như Lai, hoặc đệ tử Như Lai là năng thuyết, như phần giáo được Phật thuyết hay đệ tử thuyết. Hoặc sở liễu tri, hoặc năng liễu tri là sở thuyết, như phần giáo tương ưng năm thủ uẩn, sáu xứ, nhân duyên và phần đạo phẩm; hoặc các chúng Bí-sô, thiên, ma... là sở vị thuyết, như phẩm kết tập. Như vậy tất cả lược nêu ra phần thô của năng thuyết, sở thuyết và sở vị thuyết.

Tức tất cả sự giáo tương ưng kia hoặc dài, hoặc ngắn, hoặc vừa được tập hợp lẫn lộn phức tạp, cho nên gọi là Tập A-hàm. Lại tức giáo tương ưng kia được thuyết bằng tướng vừa phải, cho nên gọi là Trung A-hàm. Lại tức giáo tương ưng kia được thuyết bằng tướng rộng dài, cho nên gọi là Trường A-hàm. Lại tức giáo tương ưng kia được thuyết bằng đạo lý tăng dần từng số 1 lên đến 2, 3... cho nên gọi là Tăng nhất A-hàm. Bốn chủng như vậy thầy trò triển chuyển truyền lại đến nay, do đạo lý đây cho

nên gọi là Tăng nhất A-hàm, cũng được gọi là khế kinh sự.

3. Khế kinh tương ứng Thanh văn: ở trong mười hai phần giáo, trừ phần Phương quảng, còn lại là khế kinh tương ứng Thanh văn.

4. Khế kinh tương ứng Đại thừa: là phần Phương quảng. Nghĩa của phần đây nên biết như trước.

Bốn chủng khế kinh như vậy khiến nghĩa chưa hiển rõ được hiển rõ. Hai mươi chủng khế kinh còn lại tùy theo chỗ thích hợp nên biết tướng kia.

Từ đây về sau nương bốn chủng khế kinh đã thuyết đây, sẽ thuyết Ma-đát-lý-ca của khế kinh, vì muốn quyết trạch điều Như Lai thuyết, điều Như Lai xưng khen tán thán, điều tốt đẹp của những bậc tiên thánh trong khế kinh. Thí như không bản mẫu thì chữ nghĩa không sáng sạch rõ ràng, như vậy chỗ kinh đây không nhiếp bản mẫu tức nghĩa mờ tối, nghĩa không rõ ràng. Trái với tướng đây tức nghĩa sáng sạch rõ ràng. Như vậy gọi là Ma-đát-lý-ca.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Giới, lược giáo, tướng hành*

*Chóng thông, nhân, đoạn chi  
Hai phẩm, trí, sự tránh  
Không chán, trụ thiếu dục.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Giới, thuyết, dẫn đầu, quán sát, quả  
Tướng ngu, quyết định vô thường... giới  
Hai chủng thứ lớp phải nên biết  
Không phải đoạn, không phải thường và nhiễm  
tịnh.*

Có bốn chủng hữu tình được giáo hóa, do hữu tình kia trước tập theo tà giải thoát, nương điều tự thân thấy được rồi huân tập thành cõi giới. Những gì là bốn? Ở trong hữu trước, đời trước, thân trước, chỗ được tự thể trước, vì lắng nghe thường kiến tăng thượng và pháp bất chánh không như lý tác ý lực tăng thượng. Nên nay do kia làm nhân, do kia làm duyên, lớp lớp huân tập tà giải thoát, nương kiến ấy mà tích tập thành cõi giới. Như nói do thường kiến, thì nói rộng do đoạn kiến, do hiện pháp Niết-bàn kiến, do hữu thân kiến cũng vậy.

Trong đây, Thế Tôn với trí lực chủng chủng thắng giải, trí lực chủng chủng giới lực tăng thượng,

như chỗ thích hợp trước tìm hiểu thắng giải và sau tìm hiểu cõi giới của hữu tình kia. Vì điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia, phần nhiều triển chuyển bốn chủng giáo pháp. Hoặc lại có loại hữu tình khác, người trí chưa thành thực khiến kia trí thành thực, người trí đã thành thực khiến kia giải thoát các phiền não.

Vì hữu tình tà cõi giới ban đầu dạy: “Nhân diệt nên hành diệt”. Do đây thuyết môn “Hành tận tánh vô thường” khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ hai dạy: “Nhân nhóm họp nên hành nhóm họp”. Do đây thuyết môn “Hành khởi tánh vô thường” khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ ba chuyển dạy chánh pháp môn “các hành khổ”, khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ tư, hoặc có loại lìa các hành khởi, hành hữu thân kiến, thì chuyển dạy chánh pháp môn “các hành không”; hoặc có loại nương hành khởi, hành hữu thân kiến thì chuyển dạy chánh pháp môn “vô ngã”, khiến điều

phục tà thắng giải, tà côi giới của kia.

Lại nữa, thiện thuyết pháp luật lược do ba chủng bất cộng, bất cộng ngoại đạo nên liệt vào số thiện thuyết: 1. Vì tuyên thuyết giải thoát chân thật rất ráo; 2. Vì tuyên thuyết phương tiện của kia; 3. Vì tuyên thuyết bên trong tự chứng đắc kia.

1. Sao gọi là *giải thoát chân thật rất ráo*? Là sẽ rất ráo giải thoát và tất cả giải thoát, tức là quả kiến đạo và từ đây về sau sở đắc quả tu đạo thế gian, xuất thế gian. Trong đây, quả kiến đạo vì “sẽ rất ráo” nên được gọi là chân thật, mà chưa phải rất ráo, vì đối với tất cả giải thoát vẫn còn việc phải làm.

Lại giải thoát có ba chủng: 1. Giải thoát của thế gian; 2. Giải thoát của bậc hữu học; 3. Giải thoát của bậc vô học. Giải thoát của thế gian: đây không chân thật, vì còn bị thối chuyển. Giải thoát của bậc hữu học: tuy là chân thật mà không rất ráo, vì còn việc phải làm. Nên biết giải thoát của bậc vô học thì đầy đủ cả hai chủng là chân thật và rất ráo.

2. Sao gọi là *phương tiện của kia*? Tức là ở trong các hành, nương tánh như sở hữu và tánh

tận sở hữu mà tu tưởng vô thường; nương vô thường mà tu tưởng khổ; nương khổ mà tu tưởng không, vô ngã. Nhân đây khi được nhập hiện quán đế, do chân chánh quán sát cảnh sở tri, nên đạt được chánh kiến. Do chánh kiến đây làm chỗ nương, ở trong vị tu đạo khắp các hành trụ tưởng nhằm chán trái lìa. Vào lúc trụ, tuy vị kia lãnh thọ tương ưng nhớ nghĩ tư duy cảnh hoặc không hiện tiền, hoặc hiện tiền rõ ràng mà không sanh hỷ. Vì hỷ không sanh lực tăng thượng, nên vào lúc hành tuy lãnh thọ sở duyên cảnh giới mà không sanh nhiễm trước. Vị kia ở trong tất cả cảnh giới mong cầu đã được hãy còn không mong cầu, hà hướng mê đắm. Do vị kia hoặc trụ hoặc hành như vậy, nhanh chóng năng diệt tận hỷ tham triền, an trụ tâm thanh tịnh. Lại tức như đạo đã đắc ấy mà tu tập rất nhiều lấy làm nhân duyên, nên vĩnh viễn nhổ trừ tận gốc phẩm tùy miên thô trọng; đạt được giải thoát chân thật rốt ráo, nên biết tức là tâm thiện giải thoát.

3. Sao gọi là *bên trong tự chứng đắc kia*? Nên biết có bốn chủng tướng. Nếu ở nơi giải thoát của bậc hữu học chuyển, thì bên trong tuệ đạt đến chứng đắc hai chủng tướng: “Ta đã tận dứt các

hành sanh khởi trong các đường ác”, hoặc “Ta đã tận trừ các hành hậu hữu còn lại sanh khởi, hoặc bảy lần sanh, hoặc hai lần sanh, hoặc một lần sanh...”. Lại “Đạo Ta đã trụ năng tận rốt ráo không thối chuyển”.

Nếu ở nơi giải thoát của bậc vô học chuyển, thì bên trong tuệ chạm đến chứng đắc hai chủng tướng như vậy: “Ta đã tác chứng đoạn, việc cần thiết còn lại là đoạn trừ tất cả phiền não sót thừa” và “Nay ta hãy còn không sót lại một lần sanh, huống là hai hay bảy”. Lại tùy ý lạc mà năng vì người như thật trả lời. Như vậy gọi là bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, tức giải thoát kia có hai chủng pháp dẫn đầu: 1. Pháp kiến dẫn đầu; 2. Pháp quả đạo dẫn đầu.

Pháp kiến dẫn đầu: do từ thanh âm thuyết dạy chánh pháp của người, phát khởi như lý tác ý diệu thiện do văn tư tu mà thành giải thoát, phương tiện kia và bên trong tự chứng đắc lực tăng thượng. Nếu chưa nhập Chánh tánh ly sanh, thì năng nhập Chánh tánh ly sanh, đắc kiến như thật chánh kiến xuất thế.

Pháp quả đạo dẫn đầu: đã đắc chánh kiến như vậy, vì đoạn các phiền não sót thừa, lại khởi chánh tư duy... Còn lại, hoặc đồng thời sanh, hoặc thời sau sanh pháp đạo dẫn đầu.

Lại nữa, vì muốn chúng đắc giải thoát chỗ chưa chúng đắc, nên quán sát tám sự. Đó là ở trong các hành quán sát ái vị, quá hoạn, xuất ly và quán sát văn, tư, lực tư trạch, kiến đạo, tu đạo. Ở trong các hành, khi quán sát ái vị năng khéo thông đạt sở hữu tự tướng các hành ái vị. Khi quán sát quá hoạn của các hành, năng khéo rõ biết quá hoạn cộng tướng của phần vị ba thọ, biết được trong ấy rất ít các ái vị, nhiều các quá hoạn. Như vậy rõ biết ái vị nhiệm trước tương ưng cùng nhiều cộng tướng của các quá hoạn rồi, ở trong tất cả hành chỗ có ái vị, tùy chỗ sanh khởi dục tham phiền não liền năng trừ khiển, chế phục, đoạn diệt, xả bỏ. Ở đây dục tham không hiện hành gọi là đoạn diệt, không phải vĩnh viễn ly dục mà gọi là đoạn diệt. Lại nơi sự kia tâm chưa giải thoát, thì năng ở nơi tùy miên rốt ráo siêu vượt, cho đến vĩnh viễn ly dục tâm đắc giải thoát. Đây là môn quán sát sai biệt thứ nhất.



Lại người tu tập lúc đang quán sát các hành kia, trước dụng tuệ do văn mà thành tựu. Như nương A-hàm nên rõ biết các hành thể là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên không và vô ngã. Vị kia thuận theo thánh giáo như vậy mà thắng giải, như vậy thông đạt. Đã thông đạt rồi, lại dụng tư duy tương ứng với thúc đẩy vượt qua cho đến thành tựu tác ý vi tế, ở nơi cảnh kia rõ biết như thật. Do lực thông đạt rõ biết tăng thượng như vậy, nếu phiền não hiện hành tương ứng với kia, thì dụng như thật quán sát chỗ có lỗi lầm tai hại ở hiện pháp, đương lai. Do lực tư trạch làm chỗ nương, giả sử phiền não lại sanh khởi cũng không đắm trước, tức liền xả ly. Vị kia nương rõ biết thông đạt và lực tư trạch như vậy, nhiều thực hành tu tập, năng nhập Chánh tánh ly sanh. Đã nhập Chánh tánh ly sanh, nhờ lực tu đạo dần dần lìa các dục. Như vậy vị kia trước dụng hai chủng lực tư trạch và kiến đạo, tùy chỗ thích hợp đoạn các phiền não, đó là không hiện hành đoạn và một phần đoạn, do dụng lực tu đạo nên được rốt ráo ly dục. Cũng tức do hai chủng trước dần dần ly dục tham, do lực tu đạo mà tâm đắc giải thoát.

Lại nữa, có hai chủng quả phiền não đoạn và quả khổ diệt: 1. Các quả kiến sở đoạn: do chứng kia nên năng tự rõ biết: “Ta đã vĩnh viễn tận diệt địa ngục, bàng sanh, quỷ thú. Ta nay chứng đắc pháp Dự lưu, không còn thoái đọa”, cho đến nói rộng. 2. Quả tu sở đoạn: do chứng kia, năng tự rõ biết “Ta nay đang tạm nương thân cuối cùng, hữu thân thứ hai vĩnh viễn không chuyển trở lại”.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt do hiện tại làm nhân vị lai; 2. Khổ diệt do quá khứ làm nhân hiện tại.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của tâm; 2. Khổ diệt của thân.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của hoại khổ và khổ khổ; 2. Khổ diệt của hành khổ.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của nghiệp quả phi ái; 2. Khổ diệt của nghiệp quả khả ái.

Lại có phần ít các Thánh đệ tử đã được dấu tích kiến đế, tuy đã vượt qua sự hãi sợ khổ nơi các ác đạo, nhưng vì chưa vĩnh viễn tận diệt tất cả kiết, nên tâm vẫn còn hãi sợ hữu sanh lão tử ở đời đương lai như các dị sanh. Vì đoạn trừ kia, nên

năng phát khởi vui muốn mãnh lợi, cho đến chánh niệm và không phóng dật siêng tu quán hành.

Lại nữa, ngu phu có hai chủng tướng. Những gì là hai? 1. Đối với điều nên cầu mà không như thật biết; 2. Đối với điều không nên cầu lại phát khởi mong cầu.

Những gì gọi là điều nên cầu? Đó là Niết-bàn, các hành vĩnh viễn diệt, mà các ngu phu lại không vui muốn ở đời đương lai các hành chẳng sanh. Lại ở nơi các hành sanh chỉ thấy vui thích hân hoan, do nhân duyên đây, đối với điều nên cầu và sở hữu các thứ khổ do các hành sanh khởi, không như thật biết.

Những gì gọi là điều không nên cầu mà lại phát khởi mong cầu? Điều không nên cầu là các lão, bệnh, tử, không ưa mà gặp nhau, yêu thương mà chia lìa, những điều mong cầu không toại ý, khiến phát khởi chủng chủng nhiệt não sâu, thán, ưu, khổ... Đối với các hành sanh khởi như vậy, kia lại sanh vui thích hân hoan. Ở nơi sanh là gốc tất cả các hành, khởi sâu vui đắm. Ở nơi sanh là gốc sở hữu các nghiệp, thì gây tạo chứa nhóm. Do nhân duyên đây nơi hữu sanh khổ và sanh là gốc của già,

bệnh, chết... các thứ khổ sai khác không được giải thoát. Như vậy gọi là điều không nên cầu mà lại sanh khởi mong cầu.

Lại nữa, ở trong các hành có bốn điều quyết định: 1. Quyết định vô thường; 2. Quyết định khổ; 3. Quyết định không; 4. Quyết định vô ngã.

1. Sao gọi là *các hành quyết định vô thường*? Do ba chủng tướng nên biết các hành quá khứ, vị lai hãy còn quyết định vô thường, hà huỷng hiện tại. Những gì là ba? Vì trước không mà có, vì trước có mà không, vì sanh khởi và tận diệt tương ưng.

Nếu hành vị lai trước chưa có mà quyết định chẳng phải có, tức lẽ chẳng phải trước không mà nay có, như vậy ứng với chẳng phải quyết định vô thường? Do kia lúc trước thi thiết “chẳng phải có”. Chẳng phải có làm dẫn đầu, thời sau mới có, cho nên các hành vị lai quyết định vô thường. Nếu hiện tại theo duyên hành sanh rồi quyết định có, tức lẽ chẳng phải trước có mà nay không, các hành vị lai liền ứng với chẳng phải quyết định vô thường, các hành hiện tại cũng ứng với sanh khởi, tận diệt không cùng tương ưng? Do hành hiện tại theo duyên sanh rồi, chẳng phải quyết định có. Lấy có làm

dẫn đầu thi thiết chẳng phải có, cho nên các hành quá khứ quyết định vô thường. Như vậy, các hành hiện tại, nhân hành vị lai trước không mà có, nhân hành quá khứ trước có mà không. Do đây thi thiết sanh khởi, tận diệt tương ưng. Cho nên nói rằng: “Nên biết các hành quá khứ, vị lai quyết định tánh vô thường, hà huống hiện tại”. Đây gọi là các hành quyết định vô thường.

2. Sao gọi là *các hành quyết định tánh khổ*? Các hành quá khứ vị lai còn là pháp sanh khổ, hà huống hiện tại. Vì cơ sao? Các hành quá khứ là khổ đã qua. Các hành vị lai là khổ chưa đến. Các hành hiện tại là khổ đang hiện tiền. Đây gọi là các hành quyết định tánh khổ.

3. Sao gọi là *các hành quyết định tánh không*? Các hành quá khứ, vị lai còn quyết định tánh không, hà huống hiện tại. Vì cơ sao? Các hành vị lai tánh nó chưa có, do đây nên không. Các hành quá khứ tánh nó đã diệt, do đây nên không. Các hành hiện tại tuy có chưa diệt, vì thắng nghĩa đế tánh tự xa lìa, do đây nên không. Nên gọi là các hành quyết định tánh không.

4. Sao gọi là *các hành quyết định vô ngã*? Các

hành quá khứ vị lai còn quyết định vô ngã, hà huống hiện tại. Vì cơ sao? Các hành vị lai: chẳng phải tướng ngã, vì chưa hiện tiền. Các hành quá khứ chẳng phải tướng ngã, vì đã diệt qua rồi. Các hành hiện tại đang hiện tiền, chẳng phải tướng ngã, vì đang hiện tiền. Cho nên, các hành quyết định vô ngã.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định vô thường: 1. Do đời quá khứ đã hoại diệt; 2. Do đời hiện tại, vị lai là lẽ pháp hoại diệt.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định là khổ: 1. Vì pháp sanh khổ...; 2. Vì tánh ba khổ. Các tướng khổ đây nên biết như trước đã rộng thuyết.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định là không: 1. Vì sẽ rớt ráo lìa, tánh không; 2. Vì về sau mới lìa, tánh không. Rớt ráo lìa, tánh không: vì trong các hành, tánh ngã ngã sở rớt ráo không vậy. Về sau mới lìa, tánh không: vì tất cả phiền não đã đoạn, trong tâm giải thoát, tất cả phiền não thấy đều không.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định vô ngã: 1. Vì các hành thuộc chủng chủng tánh

bên ngoài; 2. Vì các hành từ các duyên sanh, không tự tại.

Lại do mười tướng nên biết các hành có bốn tướng quyết định như vậy: do tướng pháp tánh tương ưng bại hoại, biến đổi, biệt ly; tướng không đáng vui, không an ổn tương ưng với tướng đổi khác, chia lìa. Hết thấy tướng như vậy, như trong *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt.

Lại nữa, nương đạo xuất thế tu tác ý, có năm phẩm giới là hệ buộc: 1. Đoạn giới; 2. Vô dục giới; 3. Diệt giới; 4. Hữu dư y Niết-bàn giới; 5. Vô dư y Niết-bàn giới. Tức là đoạn các hành kiến đạo sở đoạn, gọi là Đoạn giới. Đoạn các hành tu đạo sở đoạn, gọi là Vô dục giới. Tức đây chỉ là Hữu dư y, gọi là Hữu dư y Niết-bàn giới. Đây nương diệt gọi là Diệt giới, cũng gọi là Vô dư y Niết-bàn giới. Tức năm giới đây do tất cả hành vĩnh viễn tịch tĩnh, gọi là các hành dừng. Do ngã, ngã sở, ngã mạn, chấp trước cùng tùy miên đều xa lìa, gọi là không. Do tất cả tướng đều xa lìa, gọi là vô sở đắc. Ở trong Đoạn giới, tất cả tùy thuận pháp thượng hữu lậu, chỗ có tham ái đều xa lìa, gọi là ái tận. Ở Vô dục giới, chỗ có dục tham đều xa lìa, gọi là vô dục. Ở

trong Diệt giới và ở trong Hữu dư y, Vô dư y Niết-bàn giới, như chỗ thích hợp vì đều vĩnh viễn diệt, vì đều tịch tĩnh, tùy theo thứ lớp gọi là diệt, cũng gọi là Niết-bàn. Lại ở Đoạn giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu nhằm chán. Ở Vô dục giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu ly dục. Ở Diệt giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu diệt.

Lại nữa, vì siêng tu tập tâm giải thoát có hai chủng thứ lớp: 1. Thứ lớp trí; 2. Thứ lớp quả trí.

1. Sao gọi là *thứ lớp trí*? Ở trong các hành, do tư trạch đạo lý các hành kia sanh diệt, trước khởi trí vô thường. Về sau, ở hành tương ứng sanh quán là pháp sanh, pháp lão cho đến pháp ưu khổ nhiệt não... do nhân duyên đây tất cả đều khổ. Trong đây trước nương trí vô thường, về sau phát sanh trí khổ.

Lại các hành kia vì là pháp sanh cho đến là pháp nhiệt não, chính là đạo lý duyên khởi tướng hành sanh tử xoay vần lưu chuyển không được tự tại, cho nên không có ngã. Trong đây trước nương trí khổ, về sau phát sanh trí vô ngã. Như vậy quán



vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, gọi là thứ lớp trí.

2. Sao gọi là *thứ lớp quả trí*? Tức là nhằm chán, ly dục, giải thoát, khắp giải thoát.

Sao gọi là nhằm chán? Vì có đối trị hiện tiền, nên phát khởi tướng nhằm chán trái lìa, khiến các phiền não không hiện hành trở lại.

Sao gọi là ly dục? Do tâm tu tập nhằm chán, tuy không tác ý tư duy đối trị, nhưng ở nơi tất cả pháp cảnh sự đáng yêu thích nhiễm đắm, tham không hiện hành. Đây do lực canh phòng đoạn tăng thượng.

Sao gọi là giải thoát? Tức ở nơi đối trị canh phòng đoạn đây nhiều tu tập, vĩnh viễn nhổ hẳn gốc tùy miên. Như vậy gọi là nhằm chán, ly dục, giải thoát có sự sai khác thứ nhất.

Lại có sự giải thích khác: Ở vị Đoạn giới, nhằm chán đã đạt đến thành tựu tròn đầy, gọi là nhằm chán. Tức nương nơi nhằm chán đây, trừ Phi tướng phi phi tướng xứ, ở các địa dưới còn lại khi đắc ly dục, thi thiết kiến lập vị ly dục, gọi là ly dục. Ở Phi tướng phi phi tướng xứ khi đắc ly dục, thi thiết kiến lập vị giải thoát, gọi là giải thoát. Đây

gọi là nhàm chán, ly dục, giải thoát có sự sai khác thứ hai.

Sao gọi là khắp giải thoát? Do phiền não tạp nhiễm giải thoát như vậy, nên các khổ tạp nhiễm như sanh... cũng khắp giải thoát, gọi là khắp giải thoát. Như vậy do lực tăng thượng của trí, ở trong các hành khởi nhàm chán. Do tu tập nhàm chán, nên đắc ly dục. Do tu tập ly dục, nên đắc giải thoát và khắp giải thoát. Như vậy gọi là thứ lớp của trí.

Trong đây lại có bốn chủng tà chấp. Những gì là bốn? 1. Kiến tà chấp; 2. Mạn tà chấp; 3. Bên trong tự tà chấp; 4. Do người dạy khiến tà chấp.

Kiến tà chấp: ở trong các hành chấp ngã, ngã sở. Do đây chướng ngại hiện quán đế.

Mạn tà chấp: ở trong các hành khởi chấp ngã mạn. Do đây chướng ngại đoạn trừ phiền não tu sở đoạn...

Bên trong tự tà chấp: tức là một mình ở chốn không nhân, phân biệt bất chánh làm chỗ nương, chấp có thật ngã, hoặc kiến tà chấp, hoặc mạn tà chấp. Lại ở bên trong khởi phân biệt bất chánh chấp ngã, ngã sở, gọi là bên trong tà chấp, cũng gọi là không do người dạy khiến tà chấp.

Người dạy khiến tà chấp: do người dạy khởi tà chấp trước, cho đây là ngã, đây là ngã sở, ngã mạn hành chuyển.

Như vậy, vì tất cả tà chấp trên vĩnh viễn đoạn, nên gọi là quá trí.

Lại nữa, do ba chủng tướng nên biết các hành không phải thường, không phải đoạn. Những gì là ba? 1. Dụng hành vô trụ làm nhân; 2. Nhân sanh rồi không trụ; 3. Các hành vị lai, tánh nhân diệt. Trong đây vì các hành nhân vô thường, vì nhân sanh rồi trụ chẳng thể đắc, nên biết các hành không phải thường. Các hành năng sanh, tánh nhân hiện tại diệt, nên biết các hành không phải đoạn.

Lại có bốn duyên năng khiến các hành triển chuyển lưu chuyển. Những gì là bốn? 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên. Bốn duyên đây lược có hai chủng: 1. Nhân; 2. Duyên. Chủng nhân chỉ là nhân duyên. Ba chủng còn lại chỉ là duyên.

Lại, nhân duyên là chủng tử các hành. Đẳng vô gián duyên là sáu thức trước và pháp tương ưng đẳng vô gián diệt; là sáu thức sau và pháp tương ưng đẳng vô gián sanh. Sở duyên duyên là năm

thức thân lấy năm cảnh riêng khác làm sở duyên, thức thân thứ sáu lấy tất cả pháp làm sở duyên. Tăng thượng duyên là năm thức lấy sở y nhãn... mỗi mỗi riêng khác làm tăng thượng duyên và lấy năng sanh tác ý... làm tăng thượng duyên. Ý thức thân lấy bốn đại chủng thân và năng sanh tác ý... làm tăng thượng duyên.

Lại, nghiệp được gây tạo trước kia nhìn về hướng quả ái, phi ái sanh khởi, nên biết cũng là tăng thượng duyên.

Lại, tư lương như vậy nhìn về hướng của đạo, đạo nhìn về hướng đắc Niết-bàn, nên biết cũng là nhiếp thuộc tăng thượng duyên.

Lại nữa, do ba chủng sự, hai chủng tương ưng mà năng quán sát tạp nhiễm, thanh tịnh.

Sao gọi là do ba chủng sự mà năng quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? 1. Quán sát nhân duyên tạp nhiễm ở trong các hành, tức là quán ái vị, ở nơi kia là ái vị; 2. Quán sát nhân duyên thanh tịnh ở trong các hành, tức là quán quá hoạn, ở nơi kia là quá hoạn; 3. Quán sát thanh tịnh ở trong các hành, tức là quán xuất ly, ở nơi kia là xuất ly. Tất cả như vậy tóm lược chung làm một, gọi là do ba sự

mà quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh.

Sao gọi là do hai chủng tướng mà năng quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? 1. Do tánh như sở hữu; 2. Do tánh tận sở hữu. Tánh như sở hữu: ở trong các hành, hoặc ái vị, hoặc quá hoạn, hoặc xuất ly. Tánh tận sở hữu: như ở trong các hành, tận sở hữu ái vị, tận sở hữu quá hoạn và tận sở hữu xuất ly.

Trong đây, quán sát các hành làm duyên sanh khởi lạc, sanh khởi hỷ, gọi là ở nơi kia ái vị. Lại ái vị đây rất là nhỏ hẹp. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là ái vị.

Lại quán sát các hành là pháp vô thường, khổ, biến hoại, gọi là ở nơi kia quá hoạn. Lại quá hoạn đây rất là rộng lớn. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là quá hoạn.

Lại quán sát ở trong các hành, dục tham tận diệt, dục tham đoạn trừ, dục tham xuất ra, gọi là ở nơi kia xuất ly. Lại xuất ly đây tịch tĩnh, không gì vượt hơn, rốt ráo an ổn. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là xuất ly.

Lại tức ái vị đây, tức quá hoạn đây, tức xuất ly

đây, ở trong các hành hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc thắng, hoặc xa, hoặc gần, quán sát tỉ mỉ sâu xa. Nên biết đây gọi là ở nơi các hành quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là ái vị, quá hoạn, xuất ly.

Lại vì rõ biết thể tánh của ba sự như vậy, nên biết ba nhóm hữu tình sai khác: 1. Nhóm nhiễm trước các dục; 2. Nhóm xa lìa các dục; 3. Nhóm lìa hệ buộc của các dục.

Ở nơi ba nhóm đây, lại có ba chủng thế gian ngu si: 1. Trời thế gian; 2. Sa-môn, Bà-la-môn; 3. Các trời, người. Ba chủng thế gian như vậy do ba nhân duyên mà được an lập: 1. Do được dục tự tại và thanh tịnh tự tại, đó là hoặc Ma, hoặc Phạm thế gian; 2. Do siêng tu đắc nhân kia, đó là hoặc Sa-môn, Bà-la-môn; 3. Do hướng đến chủng chủng nghiệp nhân quả, đó là hoặc các trời, người.

Lại ở ba chủng đây tùy chỗ thích hợp năng tác chứng đoạn, lìa bốn tâm điên đảo có hai chủng đạo: đó là đã nhập kiến địa và ở nơi tu đạo bậc cao hơn, an trụ nhiều tu tập.

Lại, hai chủng đạo đây có bốn chủng tướng

mà quả là tâm giải thoát: 1. Tướng giải thoát khỏi tham sân phược; 2. Tướng xuất ly, đoạn diệt dục tham; 3. Tướng lìa hệ buộc của chín kiết; 4. Tướng giải thoát các khổ sanh... Trong đây, ba tướng trước hiển thị nhân xứ giải thoát phiền não, một tướng sau hiển thị quả xứ giải thoát khỏi các khổ. Nghĩa đây cũng thí như có người trong nhà lao bị giam cầm, trói cột bởi chũng chũng vật hoặc bằng cây, hoặc bằng dây, hoặc bằng sắt. Lại sai khiến người khác canh giữ. Hoặc giả sử từ ngục kia trốn thoát đi xa, mà bị bắt trở lại. Hoặc chẳng thể cử động, hà huống trốn thoát. Hoặc tại chỗ giam cầm tối tăm đưa vào chũng chũng các dục vi diệu khả ái, khiến kẻ kia tự nhiên sanh tâm vui thích chấp đắm, không muốn trốn thoát. Như vậy, kẻ kia bị sự trói cột của tất cả chũng vật, bị sự nắm giữ chặt chẽ của các phương tiện khéo, bị sự giam cầm kiên cố của lao ngục, lại bị kẻ oán thù muốn mà gia hại, hoặc đánh đập, hoặc cắt xẻo, hoặc dùng gậy đánh, hoặc đoạt mạng. Nếu kẻ kia năng thoát khỏi bốn sự trói buộc trên, cũng đồng nghĩa từ tất cả chỗ giam cầm mà được giải thoát.

Như vậy, ba chũng hữu tình thế gian ngu si

kia bị sự giam cầm trói cột của chúng chúng trói buộc, nên biết thí như bị sự nắm giữ chặt chẽ của tham sân si phược; thí như tâm tư bất chánh sanh khởi và phiền não tùy miên chưa nhổ tận gốc. Vì nếu tâm tư bất chánh sanh khởi, cử động cùn chẳng thể, hà hướng trốn thoát, tức đắc ly dục. Vì nếu phiền não tùy miên chưa nhổ tận gốc, tuy dụng phương tiện đạo thế gian trốn thoát cho đến Hữu đảnh, vẫn bị bắt giữ trở lại. Chúng chúng các dục vi diệu khả ái kia, thí như chín kiết. Do kiết kia, khiến tự nhiên vui đắm nơi sanh tử, ở nơi tự thân bị giam cầm không muốn trốn thoát.

Kẻ kia như thế bị sự trói buộc rất kín sâu của chúng chúng vật phược; bị sự trói buộc rất kín sâu của phương tiện phược khéo; bị sự trói buộc rất kín sâu của ngục phược rất kiên cố; lại bốn ma oán tùy theo chỗ ham muốn vui thích đem binh lính sanh... khổ mà gia hại. Nếu năng từ phược kia mà khéo đắc giải thoát, liền năng gọi là từ tất cả phược mà được giải thoát.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Lược dạy, quả dạy, chết, đọa số*



*Ba biến trí, đoạn, phược, giải thoát  
Kiến, mạn, tạp nhiễm, câu nói tịnh  
Đủ bốn viễn ly, ba viên mãn.*

Do ba nhân duyên có các Thanh văn đến chỗ của bậc Đại sư thỉnh cầu được dạy trao. Những gì là ba? Hoặc có Thanh văn chỉ thích nghe nhiều cho là rốt ráo, nên nhầm chán trái bỏ đối với các sự thực hành khác, lại khởi nghĩ: “Chỉ lược nghe pháp là đầy đủ nghĩa lợi, hà tất lấy đa văn làm rốt ráo. Chỉ cần tu chánh hạnh là chân thật trong sạch”. Do đây người kia muốn xả bỏ đa văn rốt ráo.

Hoặc có Thanh văn bị ngăn ngại chùn bước trước sự nhập môn quá nhiều điều phải thực hành, tức là phải khéo phương tiện mới được nhập.

Hoặc có Thanh văn đã khéo lắng nghe, khéo tư duy nhiều pháp. Người kia khởi nghĩ: “Ta ở nơi nhiều pháp đã khéo nghe, tư duy”, hoặc “Ta nay đã thông hiểu tận nghe, tư duy, nếu chỉ lấy việc đắc các pháp làm chỗ nương, ở nơi các cảnh tâm an trụ và ở nơi cảnh dục ràng buộc, tâm giải thoát.. mà khiến ta không bị tác ý tán loạn, thì lẽ như đây còn chẳng thể đắc tâm an trụ, hà huống giải thoát”.

Lại ở trong tất cả pháp đã nghe đã nghĩ như vậy, người kia không xác quyết được, khởi nghĩ: “Vậy phải nương thế nào nhanh chóng chứng thông tuệ? Vậy phải nương đâu nhanh chóng được xuất ly? Phải duyên cảnh nào khiến tâm an trụ? Phải duyên cảnh nào khiến chúng đắc giải thoát?”. Người kia tự mình không thể xác quyết, nên hiện tiền được gặp Đại sư, hoặc đệ tử của chư Như Lai, liền đến thỉnh hỏi để được dạy trao.

Lại nữa, nên biết chánh dạy trao có bốn chủng quả đắc nghĩa tự lợi. Tức là vì đây xuất gia và như đây xuất gia, đó là: đầy đủ hình tướng, đầy đủ sự nghiệp, đầy đủ ý lạc và đầy đủ xứ xả, thủ. Vì nương đây nên đắc vô thượng, đắc hiện pháp, đắc nội chứng, đắc tự nhiên.

Lại nữa, có sáu chủng chết: 1. Chết quá khứ; 2. Chết hiện tại; 3. Chết không điều phục, 4. Chết điều phục, 5. Chết đồng phạm; 6. Chết không đồng phạm.

Chết quá khứ: các hành quá khứ chết, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết hiện tại: các hành hiện tại chết, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết không điều phục: ở đời quá khứ không điều không phục, hành có tùy miên, triển chuyển đuổi theo tùy miên. Thế gian nói là sĩ phu tùy miên đã mạng chung. Ở đời hiện tại kết sanh tương tục, hành có tùy miên nhiếp lấy tự thể được sanh khởi. Ở đời hiện tại cho đến mạng tận hết cũng lại như thế, không điều không phục, nói rộng cho đến mạng chung. Tự thể vị lai lại được sanh khởi, lại năng nhiếp thủ hành có tùy miên. Do nhiếp thủ kia lấy làm nhân, nên bị sự trói buộc của các khổ sanh... cũng bị sự trói buộc của các phược lớn như tham...

Chết điều phục: ở đời hiện tại cho đến lúc mạng chung đã điều đã phục không còn tùy miên. Tự thể vị lai không sanh khởi trở lại, cũng không nhiếp thủ hành có tùy miên. Do không nhiếp thủ kia lấy làm nhân, nên giải thoát khỏi các khổ của sanh... sai biệt, cũng lại giải thoát khỏi các phược lớn như tham...

Chết đồng phạm: như ở đời quá khứ từng không điều không phục mà xả thân mạng, ở đời hiện tại cũng không điều không phục mà xả thân mạng, nên biết như đây gọi là chết đồng phạm, cũng gọi

là chết tương tự, cũng gọi là chết tùy thuận.

Chết không đồng phận: nếu ở quá khứ không điều không phục mà xả thân mạng, nhưng ở đời hiện tại đã điều phục mới xả thân mạng, đây gọi là chết không đồng phận, chết không tương tự, chết không tùy thuận. Nếu ở đời hiện tại hành có tùy miên, triển chuyển đuổi theo tùy miên, mà lúc mạng chung chết như quá khứ, gọi là chết đồng phận và chết tùy thuận. Vì lúc mạng chung không như quá khứ, nên không năng nhiếp thủ các hành vị lai đồng phận kết sanh tương tục.

Lại sáu chủng chết đây, nên biết có hai tướng:

1. Tướng quá hoạn của các hành lưu chuyển; 2. Tướng thù thắng lợi ích của các hành trở lại tận diệt.

Nếu ở quá khứ và ở hiện tại không điều không phục, đồng phận mà chết, nên ở vị lai thủ lấy khổ sanh... và bị phiền não phược của tham... gọi là tướng quá hoạn của các hành lưu chuyển.

Nếu ở hiện tại đã điều đã phục, không đồng phận mà chết, nên ở vị lai không thủ lấy các thứ khổ, giải thoát tất cả phiền não phược, gọi là tướng lợi ích thù thắng của các hành trở lại tận diệt.

Lại nữa, do 8 chủng tướng ở nơi các hành sanh khởi, thế tục gọi là thuộc trong số *sī* phu, đó là: tên gọi như vậy, chủng loại như vậy, dòng tộc như vậy, ăn uống như vậy, lãnh thọ hoặc khổ hoặc vui như vậy, trường thọ như vậy, cứu trụ như vậy, sở hữu thọ mạng giới hạn như vậy. Các tướng như vậy trong *Bồ-tát địa* phần “Túc niệm trụ” đã rộng phân biệt.

Lại nữa, do ba chủng tướng ở trong các hành nên biết vô ngã, biến trí và đoạn. Những gì là ba? 1. Ở nơi nội biến trí; 2. Ở nơi ngoại biến trí; 3. Ở nơi nội ngoại biến trí.

Đoạn, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy, chỗ gọi các hành đều không có ngã, không có ngã sở, cũng không có hỗ tương hệ thuộc khác. Nên biết như vậy là ở nơi nội ngoại đồng biến trí và đoạn. Trong đây, do pháp trụ trí mà đắc quyết định biến trí. Vì luôn tu tập đây, xả chỗ có tùy miên tương ưng kia, nên đắc đoạn rất ráo. Nên biết trong đây, đối với người ở trong các hành chưa được biến trí, thì Như Lai đại sư vì kia thuyết chánh pháp yếu khiến được biến trí. Đối với người ở trong các hành đã được biến trí mà chưa vĩnh

viễn đoạn trừ, thì Như Lai đại sư khích lệ dẫn phát hơn nữa khiến kia luôn tu tập cho đến được vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, lưu chuyển trong sanh tử có ba chủng phược. Do phược đây nên tâm rất khó giải thoát. Nên biết trong đây chỉ có thiện thuyết pháp luật mới năng khiến giải thoát, chẳng phải do ác thuyết pháp luật mà thành tựu việc đây. Những gì là ba?  
1. Ngoại trừ ái kiết, các sự hữu lậu của các kiết hệ buộc còn lại; 2. Các sự hữu lậu của ái kiết nhiễm ô; 3. Đương lai năng sanh các hành hậu hữu.

Ở nơi ba phược đây, do ba nhân duyên khiến tâm khó giải thoát. Đó là: do chủng chủng đầu tiên; do lao ngục kiên cố vi diệu khả ái lạc thứ hai; do vi tế thứ ba.

Lại do 5 tướng là chỗ trói buộc của hậu hữu phược, nên biết có năm ngã mạn hiện hành: do chỗ nương, do sở duyên, do trợ bạn, do tự tánh và do nhân quả.

Nên biết trong đây lấy hữu thân kiến làm chỗ nương. Kế chấp ngã vị lai hoặc sẽ là có, hoặc sẽ là chẳng phải có, dụng có và *chẳng phải có* đây làm cảnh sở duyên. Trong đây, lấy *chẳng phải có* làm

cảnh sở duyên chỉ có một chủng; lấy có làm sở duyên có 5 chủng, đó là: ngã sẽ hữu sắc, ngã sẽ vô sắc, ngã sẽ hữu tướng, ngã sẽ vô tướng, ngã sẽ phi hữu tướng phi vô tướng. Như vậy tất cả hợp chung làm một, gọi là có 6 chủng sở duyên cảnh giới. Nói trợ bạn: là tâm động loạn. Nói tự tánh: lấy tướng hành cao cử cho là tự tướng, tự tánh hý luận cho là cộng tướng, vì tất cả phiền não tánh hý luận vậy. Tánh nhân quả: vì năng chiêu cảm sanh là tánh nhân, vì tạo tác nghiệp hành đuổi theo ái.

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết tâm khéo giải thoát: vì rõ biết khắp các hành; vì nếu kia tương ưng với các phiền não, liền đoạn, đặc tác chúng; vì phiền não đã đoạn, ở mọi nơi an trụ là ái.

Lại ở trong đây do bốn chủng hành, nên ở trong các hành năng liễu tri khắp tánh như sở hữu, đó là vô thường... Do mười một hành, nên ở trong các hành năng rõ biết khắp tánh tận sở hữu, đó là quá khứ vị lai thấy, như trước đã nói rộng.

Lại nữa, có hai chủng nhiếp lấy năm chủng tạp nhiễm, kể cả năm chủng tướng nhân. Hai chủng như vậy các bậc hữu học nên biết nên đoạn, các bậc vô học đã biết đã đoạn. Những gì là hai? Đó là

kiến tạp nhiễm và mạn tạp nhiễm. Hai đây có năm chủng sai biệt, tức là do hành, do triền và do tùy miên. Những gì là năm? 1. Kế chấp ngã; 2. Kế chấp ngã sở; 3. Ngã mạn; 4. Chấp trước; 5. Tùy miên. Trong đây ba chủng là kế chấp ngã, kế chấp ngã sở và ngã mạn làm chỗ nương, ở nơi sự sở duyên mà có chấp, thủ trước, chỉ cho đây là chân thật, khác đây đều là ngu si hư vọng. Nên biết trong đây do đạo lý triền, nên gọi là chấp trước. Tức chủng tử tùy phược kia tiếp nối, gọi là tùy miên.

Lại, hữu thức thân và ngoại sự thấy nên biết là tướng nhân của năm chủng kia, tức là tướng nhân kế chấp ngã cho đến tướng nhân tùy miên. Tướng nhân đây lại có hai chủng: 1. Tướng nhân sở duyên; 2. Tướng nhân nhân duyên. Kế chấp ngã, ngã mạn, lấy hữu thức thân làm tướng nhân sở duyên. Kế chấp ngã sở thông lấy cả hai chủng làm tướng nhân sở duyên. Nếu chấp trước kia thì lấy nghe pháp bất chánh, tác ý không như lý và tùy miên kia làm tướng nhân nhân duyên. Nếu tùy miên kia lấy không như thật rõ biết, thường xuyên lớp lớp tích tập triền của các hành phiền não làm tướng nhân nhân duyên.



Lại nữa, chúng hữu tình có bốn chủng, ở trong ấy mà an lập tập nhiễm. Những gì là bốn? 1. Chúng hữu tình ngoại đạo; 2. Chúng hữu tình pháp dị sanh; 3. Chúng hữu tình hữu học; 4. Chúng hữu tình vô học.

Trong chúng hữu tình ngoại đạo có đủ tất cả chủng.

Trong chúng hữu tình pháp dị sanh khả đắc bốn chủng và tướng nhân của bốn chủng kia, kể cả một phần tướng nhân chấp trước, nhưng chấp trước không khả đắc.

Trong chúng hữu tình hữu học có hai chủng kế chấp ngã, ngã sở và tướng nhân của hai chủng kia. Chấp trước tùy miên và chấp trước ngã mạn bao gồm tướng nhân của kia đều không khả đắc, nhưng có ngã mạn tùy miên khả đắc.

Trong chúng hữu tình vô học, tất cả đều không có được. Lại, chúng hữu tình ngoại đạo chỗ có sở hành không vì đoạn kia. Chúng hữu tình pháp dị sanh tu tập chánh hạnh vì đoạn kia mà chưa thể đoạn, vì chưa kiến như thật. Chúng hữu tình hữu học đã đoạn một phần, vì đoạn phần còn lại nên tiếp tục tu chánh hạnh, tuy kiến như thật mà chẳng

tự xưng “Ta đã năng kiến”, bởi chưa đạt được tận vô sanh trí. Chúng hữu tình vô học đã đoạn tất cả, ở trong các hành tự xưng “Ta như thật kiến”.

Lại nữa, có 8 chủng câu nói thanh tịnh. Những gì là tám? Vì siêu vượt kiến và mạn, nên có câu nói thanh tịnh “siêu vượt hai chủng ý”. Vì đoạn trừ tướng nhân của kia, nên có câu nói thanh tịnh “đoạn trừ tướng”. Vì đoạn trừ chấp trước kia, nên có câu nói thanh tịnh “tịch tĩnh”. Vì đoạn tùy miên kia, nên có câu nói thanh tịnh “khéo giải thoát”. Lại có hai câu nói thanh tịnh dành cho bậc hữu học, đó là ở trong tất cả hành hậu hữu, do đạo lý “không hiện hành”, nên có câu nói thanh tịnh “đã dứt tham ái” và “chuyển ba kiết”. Có hai câu nói thanh tịnh dành cho bậc vô học, đó là dừng nghỉ mạn, hiện quán và vĩnh viễn nhổ sạch tất cả gốc khổ tham ái tùy miên, nên nói “đã tác ngăn mé khổ”. Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là có tám chủng câu nói thanh tịnh.

Lại nữa, do bốn chi nên đầy đủ viễn ly, gọi là khéo đầy đủ. Những gì là bốn? 1. Không trụ chỗ thứ hai; 2. Ở nơi bờ mé nằm ngồi vắng vẻ; 3. Thân xa lìa; 4. Tâm xa lìa. Đó là ở nơi cảnh sống tại cư

gia, phát sanh các tướng tâm tư, tham dục, sân khúe... tức liền xa lìa, nương không phóng dật mà phòng hộ giữ gìn tâm.

Lại do năm tướng phát siêng tinh tấn, nhanh chóng chứng thông tuệ: 1. Có thế lực, vì mặc giáp tinh tấn; 2. Có tinh tấn, vì tinh tấn gia hạnh; 3. Có dũng mãnh, vì ở nơi pháp sâu rộng mà không khiếm nhược, lại thêm tinh tấn; 4. Có kiên cố mạnh mẽ, vì lạnh nóng muỗi mòng... cũng chẳng thể làm lay động tinh tấn; 5. Không xả ách thiện, vì không vui đủ đối với những điều hạ liệt, càng thêm tinh tấn. Lại vì đoạn hôn trầm thùy miên, trạo cử ác tác, như thứ lớp trước tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên thế chân chánh Chỉ Quán không bị hoại mất.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da thiện thuyết có ba viên mãn. Những gì là ba? 1. Hạnh viên mãn; 2. Quả viên mãn; 3. Thầy viên mãn.

Hạnh viên mãn: vì chạm đến chứng đắc Đoạn giới, Vô dục giới và Diệt giới, nên lắng nghe chánh pháp, vì người diễn thuyết, tự chân chánh tu hành tùy pháp hành pháp, nên gọi là hạnh viên mãn.

Quả viên mãn: do lực tùy pháp hành pháp đây

tăng thượng nên tâm khéo giải thoát, lại hiện pháp năng chứng đắc Niết-bàn, gọi là quả viên mãn.

Thầy viên mãn: tất cả pháp năng dẫn phát phạm hạnh vì đều nương Thế Tôn làm căn bản, vì đều do Thế Tôn chuyển pháp nhãn, vì đều lấy Thế Tôn làm chỗ nương. Do Như Lai xuất thế có giáo có thể biết, nên nói Thế Tôn làm căn bản kia. Phật đã xuất hiện nơi đời, quán xét căn cơ của hữu tình được giáo hóa kia rồi thuyết chánh pháp nhãn. Thầy và đệ tử triển chuyển truyền lại, cho nên nói là Thế Tôn chuyển chánh pháp nhãn. Sau khi chuyển pháp nhãn, nếu có người đối trong đây sanh khởi nghi hoặc, chỉ nương Thế Tôn liền năng quyết nghi, cho nên nói Thế Tôn làm chỗ nương.

Lại vị thầy thuyết pháp lược do hai chủng: 1. Do giáo; 2. Do chứng. Tức là vị thầy đã được nghe chánh pháp từ một bậc thầy khác, theo điều đã nghe mà tuyên thuyết. Do nương chứng đạo học, đạo vô học rồi theo đó mà tuyên thuyết.